

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ VĂN ĐÔNG

ÁP DỤNG PHÁP LUẬT
VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN SAI VÀ BỎ LỘT TỘI PHẠM
TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ
CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP TỈNH
Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

HÀ NỘI - 2024

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ VĂN ĐÔNG

**ÁP DỤNG PHÁP LUẬT
VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN SAI VÀ BỎ LỘT TỘI PHẠM
TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ
CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP TỈNH
Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 938 01 06

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. TRƯƠNG HỒ HẢI

HÀ NỘI - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án



Lê Văn Đông

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN, SAI VÀ BỎ LỘT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN	9
1.1. Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến áp dụng pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân	9
1.2. Đánh giá và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án.....	34
1.3. Giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu.....	36
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN, SAI VÀ BỎ LỘT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN	39
2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân.....	39
2.2. Các giai đoạn, tiêu chí đánh giá hoạt động áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân.....	61
2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân.....	73
2.4. Áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân ở một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	84
Chương 3: THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN, SAI VÀ BỎ LỘT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP TỈNH Ở VIỆT NAM	100

3.1. Khái quát Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự ở Việt Nam	100
3.2. Đánh giá hoạt động áp dụng pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam.....	132
Chương 4: QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN, SAI VÀ BỎ LỌT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP TỈNH Ở VIỆT NAM	164
4.1. Quan điểm nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay	164
4.2. Giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay	171
KẾT LUẬN.....	204
CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	207
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	208
PHỤ LỤC.....	218

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

ADPL	:	Áp dụng pháp luật
BLHS	:	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	:	Bộ luật Tố tụng hình sự
CCTP	:	Cải cách tư pháp
HTPL	:	Hệ thống pháp luật
HĐXX	:	Hội đồng xét xử
HĐTP	:	Hoạt động tư pháp
KSND	:	Kiểm sát nhân dân
KSXXST	:	Kiểm sát xét xử sơ thẩm
KSXX	:	Kiểm sát xét xử
KSĐT	:	Kiểm sát điều tra
KT-XH	:	Kinh tế - xã hội
QCN	:	Quyền con người
QCD	:	Quyền công dân
QCT	:	Quyền công tố
VKS	:	Viện kiểm sát
VKSND	:	Viện Kiểm sát nhân dân
VKSNDTC	:	Viện Kiểm sát nhân dân
TTHS	:	Tố tụng hình sự
TTTT	:	Thủ tục tố tụng
TAND	:	Tòa án nhân dân
TGTT	:	Tham gia tố tụng
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC BẢNG

Trang

Bảng 3.1: Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án hình sự	134
Bảng 3.2: Tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.....	137
Bảng 3.3: Thực hiện kiến nghị khởi tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh	138
Bảng 3.4: Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố	140
Bảng 3.5: Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử	142

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Bảo vệ quyền con người, quyền công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong xã hội, đồng thời bảo vệ trật tự và tính nghiêm minh của pháp luật là một trong những nhiệm vụ quan trọng của nhà nước pháp quyền. Cho nên, trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền, Việt Nam đã xác định mục tiêu "không để lọt tội phạm nhưng cũng không để xảy ra oan sai" [10, tr.347]. Để thực hiện được nhiệm vụ này, đòi hỏi các cơ quan nhà nước phải áp dụng đúng đắn, đầy đủ, kịp thời các quy định pháp luật trong một sự kiện pháp lý để qua đó làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể, trong các cơ quan này Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) đóng vai trò quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Trong mô hình nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN), VKSND là một thiết chế đặc thù, "thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp", có nhiệm vụ "bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất" (Khoản 1, 3, Điều 107, Hiến pháp năm 2013) [39], qua đó bảo đảm pháp chế XHCN được thực hiện thống nhất, thông suốt và nghiêm minh.

Trải qua hơn bảy thập kỷ xây dựng và phát triển Nhà nước XHCN Việt Nam, VKSND từng bước được hình thành, phát triển và hoàn thiện, chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp tiếp tục được hoàn thiện. Thông qua việc định rõ chức năng, nhiệm vụ, VKSND đã góp phần vào "Việc thực hiện các thủ tục tố tụng ngày càng tốt hơn, hạn chế được tình trạng điều tra, truy tố, xét xử oan, sai hay bỏ lọt tội phạm" [11, tr.160].

Viện kiểm sát nhân dân áp dụng pháp luật (ADPL) về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự là nhiệm vụ

thường xuyên và rất quan trọng nhằm đảm bảo cho các vụ án hình sự được xử lý đúng theo trình tự, thủ tục luật định, những sai sót, vướng mắc phải kịp thời được giải quyết, từ đó các vụ án kịp thời được xử lý đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm, cũng không làm oan, sai. Cả phương diện lý luận và thực tiễn cho thấy, trách nhiệm của VKSND trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự rất rõ ràng và to lớn. Thông qua chức năng, nghiệp vụ của mình, VKSND áp dụng các quy định pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chuyên trách của mình để giải quyết các vụ án hình sự, như: thực hiện thẩm quyền thực hành quyền công tố; kiểm sát hoạt động tư pháp và giải quyết khiếu kiện, khiếu nại đối với các đơn thư, kiến nghị của các chủ thể có liên quan đối với các cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ trong tiến trình giải quyết vụ án hình sự.

Những năm qua, nhất là từ khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 37/2012/QH13, Nghị quyết số 63/2013/QH13 về công tác tư pháp và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, Nghị quyết số 96/2015/QH13 về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong tố tụng hình sự, hàng năm, ngành kiểm sát nhân dân luôn xác định "chống bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội" là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Trên cơ sở đó, Viện trưởng VKSND tối cao đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-VKSTC ngày 10/7/2015 với những biện pháp cụ thể nhằm tăng cường phòng chống oan, sai và nâng cao trách nhiệm trong giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự. Tuy nhiên, trước tình hình diễn biến tội phạm ngày càng phức tạp, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong thực tiễn vẫn còn xảy ra một số trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm gây bức xúc trong dư luận như Vụ án Huỳnh Văn Nén, vụ án Nguyễn Thanh Chân, vụ án Hàn Đức Long, v.v.. Tại Nghị quyết số 96/2015/QH13 ngày 26/6/2015, Quốc

hội khóa XIII đã nhận định: "So với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân thì việc phòng, chống oan, sai còn hạn chế, bất cập". Nguyên nhân chính của thực tế này là do trong một số vụ án hình sự chất lượng công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử của một số VKSND cấp tỉnh còn hạn chế, có lúc, có việc chưa thường xuyên, chặt chẽ; v.v.. những hạn chế này xuất phát từ những hạn chế, yếu kém trong hoạt động APDPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm của VKSND cấp tỉnh trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự.

Thực tiễn trên đặt ra yêu cầu cần phải tăng cường ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam trong thời gian tới, vì thế việc nghiên cứu vấn đề "***Áp dụng pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam***" thực sự có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn trong tiến trình đẩy mạnh cải cách tư pháp đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án nghiên cứu vấn đề "Áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam" nhằm làm rõ cơ sở lý luận ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND và thực tiễn ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu trên, luận án tập trung vào giải quyết các nội dung sau:

- Tổng quan, phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND, từ đó chỉ rõ những kết quả đã đạt được được luận án tiếp tục kế thừa và phát triển, những khoảng trống cần tiếp tục được giải quyết trong luận án.

- Xây dựng cơ sở lý luận ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND, trong đó luận án làm rõ khái niệm, đặc điểm, các giai đoạn, các tiêu chí đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng đến ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND.

- Phân tích đánh giá thực trạng ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam trong thời gian qua, để qua đó chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của thực trạng này.

- Luận giải, đề xuất giải pháp và giải pháp nâng cao chất lượng ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các vấn đề lý luận và thực tiễn ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: luận án nghiên cứu các quy định pháp luật và hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND, vì thế luận án không nghiên cứu hoạt động ADPL của VKSND nói chung trong giải quyết các vụ án hình sự.

- *Về không gian*: luận án nghiên cứu vấn đề thực tiễn ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam, bao gồm các vụ án hình sự sơ thẩm và phúc thẩm theo thẩm quyền của VKSND cấp tỉnh; ngoài ra, luận án còn nghiên cứu kinh nghiệm ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND của Trung Quốc và Liên bang Nga.

- *Về thời gian*: luận án nghiên cứu vấn đề thực tiễn ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam từ năm 2015 đến 2022, trong giai đoạn này, việc ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam giai đoạn 2015-2017 được thực hiện và áp dụng theo BLTTHS năm 2003; từ giai đoạn 2018-2022 được thực hiện và áp dụng theo BLTTHS năm 2015 và hiện nay Bộ luật này đã sửa đổi, bổ sung năm 2021. Luận án đề xuất phương hướng và giải pháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án sử dụng phương pháp luận của phép duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và những quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về ADPL và vai trò của VKSND đối với phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

** Phương pháp lịch sử - logic*

Phương pháp này được luận án sử dụng để phân tích, đánh giá thực trạng ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam theo tiến trình phát triển KT-XH và sự hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự và đề xuất giải pháp tăng cường ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam thời gian tới.

**. Phương pháp phân tích, tổng hợp*

Luận án phân tích các tài liệu như sách, báo, tạp chí, các số liệu thống kê, báo cáo của các cơ quan chức năng trong việc ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam.

Luận án sử dụng phương pháp này để làm rõ cơ sở lý luận ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh và phân tích, đánh giá thực trạng ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam trong thời gian qua để chỉ rõ những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó; từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp nâng cao chất lượng ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam thời gian tới.

**. Phương pháp so sánh, thống kê*

Luận án sử dụng các phương pháp này để thống kê các số liệu ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam thời gian qua, từ đó so sánh sự khác biệt giữa các năm, cũng như giữa các tỉnh làm cơ sở để đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam thời gian qua. Ngoài ra, các phương pháp này còn được sử dụng để khảo sát, phân tích hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND ở Trung Quốc từ đó rút ra bài học cho Việt Nam.

** Phương pháp nghiên cứu trường hợp (Case Study)*

Luận án sử dụng phương pháp này để phân tích một số vụ án hình sự cụ thể, tiêu biểu, từ đó minh chứng rõ nét về thực tiễn ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh.

** Các phương pháp nghiên cứu luật học khác*

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu luật học khác, như: *phương pháp phân tích văn bản luật, phương pháp mô hình hoá, v.v..* Các phương pháp này được sử dụng trong luận án để phân tích thực tiễn pháp luật và ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở nước ta hiện nay.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Những kết quả nghiên cứu được trong luận án có ý nghĩa nhất định cả về mặt lý luận và thực tiễn.

5.1. Ý nghĩa khoa học

Kết quả nghiên cứu đề tài sẽ góp phần bổ sung, hoàn thiện và làm phong phú thêm lý luận ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND.

5.2. Ý nghĩa về mặt thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm rõ thực tiễn ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam trong thời gian qua; đồng thời những phương hướng, giải pháp được đề xuất trong luận án sẽ là những tham vấn giúp các cơ quan chức năng có thể nghiên cứu, áp dụng vào thực tiễn nhằm tăng cường ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu của đề tài luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập các vấn đề liên quan đến ADPL, VKSND và giải quyết vụ án hình sự trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

6. Các điểm mới của đề tài

So với các công trình nghiên cứu liên quan đến ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND, kết quả nghiên cứu của luận án có những điểm mới sau:

- Luận án đã xây dựng và hoàn thiện các vấn đề lý luận liên quan đến ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND.

- Luận án đã chỉ rõ trong những năm qua, việc ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tuy nhiên, những hạn chế của việc ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam vẫn còn xảy ra.

- Luận án đã luận giải và đề xuất phương hướng và giải pháp nâng cao chất lượng ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam trong thời gian tới.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận án được cấu trúc thành 4 chương, 11 tiết, trong đó:

Chương 1: Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

Chương 2: Cơ sở lý luận áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

Chương 3: Thực trạng áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam

Chương 4: Quan điểm, giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN, SAI VÀ BỎ LỘT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN SAI VÀ BỎ LỘT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

1.1.1. Các công trình nghiên cứu áp dụng pháp luật và phòng, chống oan sai, bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự

1.1.1.1. Vấn đề áp dụng pháp luật qua các công trình nghiên cứu

Áp dụng pháp luật là một hình thức quan trọng của quá trình thực hiện pháp luật, hoạt động này do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhằm chuyển hoá nội dung các quy phạm pháp luật thành các quyết định pháp lý cụ thể áp dụng cho chủ thể pháp luật cụ thể để phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý. Với tầm quan trọng như vậy, vấn đề về ADPL đã được nhiều nhà khoa học pháp lý trong và ngoài nước trình bày khá cụ thể và toàn diện.

Thứ nhất, lý luận về ADPL qua các công trình nghiên cứu.

Nghiên cứu về lý luận về ADPL đã được nhiều nhà khoa học pháp lý nước ngoài quan tâm và trình bày khá cụ thể, toàn diện, như: năm 1992, Jerzy Wróblewski chủ biên cuốn sách *The Judicial Application of Law* do Springer ấn hành năm 1992 đã trình bày những vấn đề cơ bản về ADPL, trong đó nhấn mạnh đến các mô hình ADPL, đó là: (1) mô hình mô tả, đây là mô hình mô tả tiến trình ADPL; (2) mô hình quy phạm, đây là mô hình lý giải tại sao chủ thể ADPL lại lựa chọn quy phạm này để áp dụng mà không phải là quy phạm khác; (3) mô hình hỗn hợp, đây là mô hình mà chủ thể sẽ lý giải việc lựa chọn

các quy phạm pháp luật phù hợp cho mỗi giai đoạn ADPL. Năm 2015, tác giả Andrzej Korybski công bố bài viết "Application of Law as an Object of Study: Key Concepts, Issues and Research Approaches" đăng trên *Studia Iuridica Lublinensia*, Vol. XXIV, (2) đã phân tích và chỉ rõ nội hàm, các giai đoạn của ADPL. Theo tác giả này, ADPL được hiểu là một quá trình tiếp nối của quá trình ban hành pháp luật, chủ thể có thẩm quyền ra quyết định gồm nhiều giai đoạn diễn ra trong tổng thể hoạt động của cơ quan công quyền và kết thúc bằng một quyết định pháp lý duy nhất (cụ thể và cá nhân) dựa trên nền tảng chung có liên quan đến các quy định pháp lý bắt buộc. Quy trình ADPL phụ thuộc vào thẩm quyền của từng chủ thể ADPL và lĩnh vực ADPL, tuy nhiên thông thường quy trình này gồm các bước sau:

- (1) giai đoạn tìm kiếm/tái hiện thực tế (thông qua các thủ tục đánh giá chứng cứ) và thiết lập trạng thái pháp lý (nghĩa là xác định các nguồn pháp luật được áp dụng để giải thích các quy tắc pháp lý có liên quan đến quyết định áp dụng luật); (2) giai đoạn giải thích ý nghĩa các quy phạm pháp luật phù hợp với từng trường hợp cụ thể (giai đoạn này kết thúc bằng quyết định diễn giải); (3) giai đoạn giả định, nghĩa là lập luận dựa trên trạng thái thực tế đã được chứng minh phù hợp với các quy phạm pháp luật đã được giải thích; (4) xác định các hậu quả pháp lý tương ứng với các hành vi mà các chủ thể pháp lý thực hiện (quyết định lựa chọn hậu quả pháp lý); (5) ban hành quyết định cuối cùng để áp dụng pháp luật [79, tr.18, 21-22].

Đến năm 2016, tác giả Jens David Ohlin xuất bản cuốn sách *Criminal Law: Doctrine, Application, and Practice* do Aspen Publishers ấn hành, trình bày các giai đoạn của tổ tụng hình sự từ khởi tố, điều tra, bắt tạm giam, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, v.v.. Trong mỗi giai đoạn này, mỗi chủ thể cần phải phân tích, đánh giá tình tiết, bối cảnh sự việc để lựa chọn các quy định pháp luật phù hợp để áp dụng. Gần đây, tác giả Paolo Sandro đã đưa ra các

cách tiếp cận khác nhau về ADPL, điều này được trình bày trong tác phẩm "The Making of Constitutional Democracy: From Creation to Application of Law" do Hart Publishing ấn hành năm 2021. Theo tác giả này, ADPL là hành vi áp dụng các quy phạm pháp luật để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chủ thể hoặc đó là quá trình mà chủ thể sử dụng các quy phạm pháp luật để tác động đến một chủ thể khác.

Ngoài ra còn có một số công trình khác như: cuốn sách *Competence in the Law From Legal Theory to Clinical Application* của các tác giả Michael L. Perlin và các cộng sự do John Wiley & Sons, Inc. ấn hành năm 2008; cuốn sách *Judicial Application of International Law in Southeast Europe* của tác giả Sinisća Rodin chủ biên được Springer ấn hành năm 2015; cuốn sách *The Judicial Application of Human rights law: National, Regional and International Jurisprudence* của tác giả Nihal Jayawickrama do Cambridge University Press ấn hành năm 2017; cuốn sách *Extraterritorial Application of Human Rights Treaties: Law, Principles, and Policy* của tác giả Marko Milanovic do Oxford University Press ấn hành năm 2011; v.v...

Ở Việt Nam, các tác giả Phạm Hồng Thái và Đinh Văn Mậu trong quyển sách *Lý luận nhà nước và pháp luật* do Nxb Giao thông Vận tải ấn hành năm 2009; quyển sách *Những vấn đề lý luận về thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật ở Việt Nam hiện nay* do Nxb Hồng Đức ấn hành năm 2018; v.v.. Trong các công trình này, khái niệm ADPL được trình bày khá thống nhất, đó là một hình thức của thực hiện pháp luật, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân được uỷ quyền thực hiện theo các quy định pháp luật trong một sự kiện pháp lý cụ thể nhằm làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt một quan hệ pháp luật cụ thể. Ngoài ra, một số công trình khác nghiên cứu trực diện vào vấn đề thực hiện pháp luật, như: *Áp dụng pháp luật ở Việt Nam hiện nay: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* của tác giả Nguyễn Thị Hồi do Nxb Tư pháp ấn hành năm 2009 trình bày một số vấn đề lý luận chung về áp dụng pháp luật, những vấn đề liên quan đến lý luận áp dụng pháp luật

trong một số lĩnh vực cụ thể như hình sự, dân sự, hành chính, đất đai; *Thực hiện và áp dụng pháp luật ở Việt Nam* của tác giả Nguyễn Minh Đuan do Nxb Chính trị quốc gia ấn hành năm 2019 đã phân tích và làm rõ khái niệm và mục đích của việc thực hiện pháp luật; ADPL; Quy trình thực hiện và ADPL, những bảo đảm thực hiện pháp luật; ADPL tương tự; v.v..

Các công trình nghiên cứu trên khá thống nhất về nội hàm ADPL, đó là hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân, tổ chức được nhà nước uỷ quyền để cá biệt hoá những quy phạm pháp luật vào các trường hợp cụ thể nhằm làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt quan hệ pháp lý nhất định. Các tác giả này cũng cho rằng, ADPL gồm các bước cơ bản sau: (1) xác định bản chất của sự việc (tình tiết, hoàn cảnh, điều kiện của sự kiện pháp lý); (2) lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp và làm rõ nội dung, ý nghĩa của quy phạm pháp luật đó đối với trường hợp áp dụng; (3) Ban hành và tổ chức thực hiện quyết định áp dụng. Bên cạnh đó, các tác giả cũng chia ADPL thành các loại: ADPL tư pháp; ADPL hình sự; ADPL quản lý; ADPL hành chính; ADPL dân sự.

Thứ hai, thực tiễn ADPL qua các công trình nghiên cứu

Để làm rõ thực tiễn ADPL, nhiều công trình đã nghiên cứu hoạt động ADPL trên nhiều lĩnh vực, như lĩnh vực hành chính, dân sự, v.v..

Công trình *Áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long* của tác giả Nguyễn Việt Thanh và các cộng sự do Nxb Lý luận Chính trị ấn hành năm 2020 đã phân tích, trình bày lý luận áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh. Nghiên cứu, tìm hiểu thực trạng việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh hiện nay tại tỉnh Vĩnh Long; từ đó đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm góp phần nâng cao hiệu quả việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh trên phạm vi cả nước nói chung và tỉnh Vĩnh Long nói riêng.

Tác giả Lê Văn Thành, trong luận án tiến sĩ *Áp dụng pháp luật trong quản lý nhà nước về đất đai của Ủy ban nhân dân ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay* (2012) đã làm rõ cơ sở lý luận của việc áp dụng pháp luật trong quản lý nhà nước về đất đai của Ủy ban nhân dân. Đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật trong quản lý nhà nước về đất đai của Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó đưa ra những quan điểm và giải pháp nhằm đảm bảo áp dụng pháp luật trong quản lý nhà nước về đất đai của Ủy ban nhân dân ở thành phố Hồ Chí Minh; tác giả Đàm Cảnh Long trong bài viết "Hoạt động áp dụng pháp luật nội dung trong giải quyết các khiếu kiện hành chính ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp" (2012) đã đánh giá hình thức áp dụng pháp luật trong giải quyết các vụ án hành chính thông qua tỷ lệ các bản hành chính của Tòa án các cấp bị hủy, bị cải sửa. Theo đó tác giả này chỉ ra rằng chất lượng của việc áp dụng pháp luật trong xử lý vụ án hành chính ở Việt Nam chưa cao thể hiện qua tỷ lệ các bản hành chính của tòa án các cấp bị hủy, bị cải sửa còn cao. Bên cạnh việc vi phạm các quy định tố tụng hành chính, thì tình trạng các tòa án ra các bản án hành chính không đúng quy định của pháp luật cũng còn nhiều [26].

Theo tác giả này tỷ lệ các vụ án hành chính đã xét xử bị tòa án cấp trên hủy hoặc sửa vẫn chiếm tỷ lệ đáng kể và xảy ra ở hầu hết các loại khiếu kiện, trong đó nhiều nhất là các khiếu kiện đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai, xử phạt vi phạm hành chính và quản lý nhà nước về thuế.

Trong thực tế, ADPL hình sự là loại ADPL rất phức tạp, gồm nhiều loại hoạt động cụ thể gắn liền với định tội danh, định danh khung hình phạt, vì thế đây là vấn đề rất được quan tâm trong khoa học hình sự. Tác giả Nguyễn Thị Hồi và cộng sự trong tác phẩm *Áp dụng pháp luật ở Việt Nam hiện nay: một số vấn đề lý luận và thực tiễn* do Nxb Tư pháp ấn hành năm 2009 đã phân tích thực tiễn ADPL hình sự thông qua việc định tội danh và quyết định hình phạt

đối với tội xâm phạm tính mạng của con người. Thông qua việc phân tích các vụ án xâm phạm tính mạng của con người, đối với các quy định của BLHS năm 1999 và các văn bản liên quan, tác giả cho rằng việc ADPL hình sự trong thực tiễn vẫn còn những hạn chế, sai sót, vướng mắc cần khắc phục. Nguyên nhân chính của những hạn chế này là xuất phát từ năng lực nhận thức, trình độ, kỹ năng của cá nhân được giao thẩm quyền thụ lý vụ án. Những hạn chế này dẫn đến việc phân tích sự kiện pháp lý hình sự chưa đầy đủ, thoả đáng để từ đó lựa chọn các quy định pháp luật hình sự chưa chính xác, từ đó dẫn đến việc định tội danh và quyết định hình phạt chưa chính xác.

Cụm công trình của tác giả Võ Khánh Vinh: *Áp dụng pháp luật hình sự: Lý luận và thực tiễn* do Nxb Tư pháp ấn hành năm 2022; các bài viết "Áp dụng pháp luật hình sự: những vấn đề lý luận (kỳ 1, 2)" đăng trên *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (3), 4/2020, đã chỉ rõ các loại ADPL trong giải quyết vụ án hình sự gồm: áp dụng quy phạm pháp luật hình sự cụ thể; áp dụng quy phạm pháp luật hình sự theo nội dung của quy định được đưa ra; áp dụng pháp luật hình sự theo chủ thể. Bên cạnh đó, tác giả còn chỉ rõ, ADPL trong giải quyết vụ án hình sự gồm 04 giai đoạn: giai đoạn xác định sự kiện pháp lý hình sự; xác định quy phạm pháp luật hình sự được áp dụng; đưa ra quyết định áp dụng pháp luật hình sự; tổ chức thực hiện quyết định ADPL hình sự. Để phân tích và làm rõ thực tiễn ADPL hình sự, tác giả Võ Khánh Vinh đã chia hoạt động ADPL hình sự thành các loại khác nhau căn cứ vào cấu trúc của quy phạm pháp luật hình sự, đó là: (1) áp dụng bộ phận giá định của quy phạm pháp luật hình sự; (2) áp dụng bộ phận quy định của quy phạm pháp luật hình sự; (3) áp dụng bộ phận chế tài của quy phạm pháp luật hình sự. Căn cứ BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), tác giả đã phân tích và làm rõ các giai đoạn ADPL hình sự

Một số tác giả khác, như tác giả Dương Văn Thắng, trong luận án tiến sĩ *Áp dụng pháp luật trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Tòa án quân*

sự ở Việt Nam hiện nay (2017) đã phân tích, trình bày cơ sở lý luận, tìm hiểu thực trạng và đề xuất giải pháp bảo đảm áp dụng pháp luật trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của toà án quân sự ở Việt Nam; Ngoài ra, một số công trình khác, như: bài viết "Vấn đề lựa chọn và áp dụng pháp luật tại Việt Nam - bất cập và kiến nghị" của tác giả Trần Vang Phủ đăng trên *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (5), 2018; bài viết "Thực hiện pháp luật hình sự và hoạt động áp dụng pháp luật hình sự: những vấn đề lý luận" của tác giả Hồ Sỹ Sơn đăng trên *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (2), 2021; bài viết "Giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự" của tác giả Mai Đắc Biên và Phan Thị Thu Lê đăng trên *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (1), 2019; bài viết "Xu hướng nhân đạo và hướng thiện trong áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam" của tác giả Trần Hữu Tráng đăng trên *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (6), 2018; v.v...

1.1.1.2. Vấn đề phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm đối với các vụ án hình sự trong các công trình nghiên cứu

Thứ nhất, pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm đối với các vụ án hình sự qua các công trình nghiên cứu.

Các bài viết "Bàn về khái niệm oan sai và căn cứ pháp lý xác định oan sai trong tố tụng hình sự", Đỗ Đình Lương, Hà Tú Cầu, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (7), 2001; bài viết "Vấn đề oan sai trong tố tụng hình sự", Lê Thị Thúy Nga, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, năm 2008; bài viết "Tội "không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội" và phương hướng hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự đáp ứng yêu cầu phòng, chống bỏ lọt tội phạm" của tác giả Trần Đình Hải đăng trên *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (6), 2014, v.v.. Các tác giả bài viết cho rằng, việc hoàn thiện quy định pháp luật về tội "không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội" không chỉ là biện pháp nâng cao chất lượng tố tụng, đặc biệt là góp phần vào trừng trị người phạm tội, giảm bớt số lượng tội phạm, người phạm tội bị bỏ lọt.

Bài viết "Một số giải pháp chống bỏ lọt tội phạm" của tác giả Trần Đức Thuận đăng trên *Tạp chí Kiểm sát*, (10), 2015. Tác giả bài viết chỉ rõ, VKSND có thẩm quyền kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm nhưng nếu trong trường hợp Cơ quan điều tra, Điều tra viên cố tình bỏ lọt tội phạm thì hoạt động kiểm sát của VKSND cũng khó phát huy tác dụng. Bởi vì, không phải lúc nào Viện kiểm sát cũng bám sát được hoạt động xử lý tin báo của Cơ quan điều tra và không phải lúc nào Cơ quan điều tra cũng cung cấp đầy đủ các chứng cứ của tin báo, tố giác tội phạm đó cho VKSND. Cũng có trường hợp, ngay từ đầu đã xác định rõ là có tội phạm, VKSND kiến nghị khởi tố ngay để áp dụng các biện pháp điều tra nhằm không để tội phạm trốn, tiêu huỷ chứng cứ, v.v.. nhưng Cơ quan điều tra không khởi tố cũng không ra quyết định không khởi tố.

Bài viết "Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về oan, sai và các giải pháp phòng, chống nhìn từ góc độ cải cách tư pháp", Trịnh Tiến Việt, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (4), 2012; bài viết "Hoàn thiện chế định người làm chứng trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015" của tác giả Bùi Ai Giôn đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (24), 2018. Theo các tác giả bài viết, BLTTHS năm 2015 cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung những nội dung sau: Điều 66 về việc người làm chứng có quyền từ chối cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động nghề nghiệp nhất định; mở rộng quyền cho người làm chứng; v.v.. các công trình này cho rằng, để nâng cao chất lượng ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm đối với các vụ án hình sự trong thực tế cần phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về giải quyết vụ án hình sự và kiểm soát chặt chẽ việc ADPL này của các cơ quan chức năng.

Thứ hai, các biện pháp phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong các vụ án hình sự qua các công trình nghiên cứu

Phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong các vụ án hình sự là vấn đề lớn được các học giả trên thế giới quan tâm vì vấn đề này liên quan đến

quyền con người và bảo đảm công lý. Ở Việt Nam, đây cũng là một nội dung lớn trong chiến lược cải cách tư pháp, vì thế nhiều nhà nghiên cứu luật học, các chuyên gia, các nhà quản lý đã và đang rất quan tâm đến vấn đề này.

Các học giả nước ngoài khi phân tích, đánh giá các vụ án hình sự oan sai thường tập trung vào tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến oan sai, do quy trình tố tụng không đảm bảo hay do khoa học pháp y chưa theo kịp thời đại hay do các yếu tố khác.

Cuốn sách *The Innocence Commission: Preventing Wrongful Convictions and Restoring the Criminal Justice System* của tác giả Jon Gould do New York University Press ấn hành năm 2008. Kết quả nghiên cứu của cuốn sách cho thấy những tiến bộ trong khoa học pháp y đã tạo ra những thay đổi lớn trong hệ thống tư pháp hình sự Hoa Kỳ. Một trong những kết quả dễ thấy nhất là sự minh oan cho những tù nhân bị kết án sai, nhiều người trong số họ bị kết án tử hình vì những tội ác mà họ không phạm phải. Điều này đã gây ra tình thế khó xử cho nhiều bang: làm thế nào để có thể điều tra đúng đắn những tuyên bố vô tội và làm thế nào để phân biệt được những tù nhân vô tội với những người có tội một cách đáng tin cậy? Để đáp ứng yêu cầu này, một số bang đã thành lập "Ủy ban Vô tội" để thiết lập chính sách và cung cấp hỗ trợ pháp lý cho những người bị tù không đúng cách và tiến hành điều tra có hệ thống về tất cả các trường hợp kết án sai. Thông qua việc nghiên cứu các trường hợp (case study), tác giả quyển sách đã tập trung vào 12 trường hợp kết án sai để chỉ ra cách thức và lý do xảy ra kết án sai, những thủ tục người thụ lý và xử lý vụ án đã thực hiện để điều tra, kết án, làm thế nào những tù nhân này cuối cùng được trả tự do, và bài học nào có thể học được từ kinh nghiệm của họ. Tác giả đưa ra quan điểm mạnh mẽ về nhu cầu có Ủy ban Vô tội ở mọi tiểu bang, cho thấy rằng Ủy ban Vô tội không chỉ giúp xác định những điểm yếu trong hệ thống tư pháp hình sự và đưa ra những cải tiến khả thi, mà còn bảo vệ công lý bằng cách giúp đảm bảo nhanh chóng xác định

được thủ phạm thực sự, bị bắt và đưa ra xét xử đúng người, đúng tội. Mọi người đều quan tâm đến việc ngăn chặn các kết án oan sai, bao gồm từ các sĩ quan cảnh sát và công tố viên, những người tìm kiếm các kỹ thuật điều tra mới nhất và tốt nhất, đến những người đóng thuế, những người muốn có một hệ thống tư pháp hình sự hiệu quả, cho đến những nghi phạm.

Cuốn sách *Wrongful Convictions and Forensic Science Errors: Case Studies and Root Causes* do John Morgan biên soạn được CRC Press ấn hành năm 2023. Tác giả cuốn sách xem xét từng loại bằng chứng, yếu tố lịch sử, vấn đề hệ thống, yếu tố tổ chức và cá nhân người kiểm tra để chỉ ra rằng, lỗi khoa học pháp y có thể phát sinh bất cứ lúc nào từ hiện trường vụ án đến phòng xử án. Bằng chứng chứng minh người phạm tội có thể bị bỏ qua tại hiện trường vụ án hoặc chuỗi thủ tục có thể bị xâm phạm. Cảnh sát điều tra có thể lạm dụng hoặc bỏ qua bằng chứng pháp y. Một điều tra viên được đào tạo kém có thể không áp dụng các tiêu chuẩn được chấp nhận của ngành học hoặc có thể đưa ra những diễn giải không hợp lý vượt quá giới hạn của kiến thức khoa học được chấp nhận chung. Trong phòng xử án, nhà khoa học pháp y có thể làm chứng ngoài các tiêu chuẩn quy định hoặc không đưa ra kết quả bào chữa. Các công tố viên có thể ngăn chặn hoặc mô tả sai bằng chứng, và các thẩm phán có thể thừa nhận lời khai không phù hợp về quy tắc xét xử. Thông thường, bị cáo sẽ không được bào chữa đầy đủ, đặc biệt là do sự phức tạp về mặt kỹ thuật của bằng chứng pháp y. Những vấn đề này không phát sinh trong chân không, chúng là kết quả của các vấn đề có tính hệ thống mà có thể nhận thấy rõ ràng và có thể được cải thiện. Tác giả John Morgan cung cấp một cuộc thảo luận kỹ lưỡng về chính sách, thực tiễn và các khía cạnh kỹ thuật của các lỗi khoa học pháp y từ góc độ phân tích khoa học và nguyên nhân của thực tế này.

Cuốn sách *Wrongful Convictions in China: Comparative and Empirical Perspectives* của tác giả Na Jiang do Springer ấn hành năm 2016. Trọng tâm chính của nghiên cứu này là giải quyết các kết án sai trái giữa Trung Quốc và

các quốc gia thông luật nhằm thúc đẩy sự hiểu biết tốt hơn về các kết án sai trái trong thực tiễn của Trung Quốc thông qua các phân tích so sánh, dữ liệu thực nghiệm và có thể kiểm chứng cũng như các nghiên cứu điển hình. Nó xem xét phạm vi của những kết án sai trái và đưa ra những phát hiện mới về phong trào toàn cầu để ngăn chặn chúng, đánh giá nó đã tiến triển đến đâu và những cải cách nào được chú trọng nhất. Cuốn sách gợi ý rằng các hệ thống đối tụng và tranh tụng có thể bổ sung cho nhau để giảm thiểu nguy cơ kết án sai một cách hiệu quả.

Cuốn sách *Blind injustice: a former prosecutor exposes the psychology and politics of wrongful convictions* của tác giả Mark Godsey do University of California Press ấn hành năm 2017. Dựa trên cả nghiên cứu tâm lý và những vụ án oan sai, tác giả Mark Godsey chia sẻ những khiếm khuyết tâm lý bẩm sinh và môi trường chính trị "khắc nghiệt với tội phạm" ở Hoa Kỳ có thể khiến những sai sót có thể xảy ra trong các cuộc điều tra hình sự, điều này dẫn đến những oan sai tồi tệ, nhất là những vụ án đối với người da màu. Điều này đòi hỏi sự thay đổi trong thủ tục tố tụng hình sự và những biện pháp giám sát hữu hiệu để bảo vệ công lý hiệu quả, ngăn ngừa những oan sai trong kết án.

Cuốn sách *Compensation for Wrongful Convictions: A Comparative Perspective* của các tác giả Wojciech Jasinski và Karolina Kremens do Routledge Publisher ấn hành năm 2023. Cuốn sách này trình bày một phân tích so sánh toàn diện về các khía cạnh và thủ tục bồi thường cho các kết án oan sai ở các nước Châu Âu và Hoa Kỳ, cũng như tiêu chuẩn án lệ của Tòa án Nhân quyền Châu Âu. Kết quả nghiên cứu đã đưa ra kết luận so sánh về sự tương đồng và khác biệt giữa các khu vực pháp lý được lựa chọn và đánh giá hiệu quả của các chương trình bồi thường quốc gia. Điều này cho phép thiết kế một mô hình bồi thường tối ưu, mang lại khả năng tiếp cận và hiệu quả cho các nạn nhân bị oan sai và được các khu vực pháp lý chấp nhận dựa trên thông luật và dân luật, cũng như các loại quy trình điều tra và tranh tụng hình sự.

Ngoài ra, còn một số công trình khác, như: cuốn sách *Justice Miscarried: Inside Wrongful Convictions in Canada* của tác giả Hélène Katz do Dundurn ấn hành năm 2011; cuốn sách *Manufacturing Guilt: Wrongful Convictions in Canada* của các tác giả Dawn Anderson và Barrie Anderson do Fernwood Books Ltd ấn hành năm 2009; cuốn sách *Wrongful convictions and the DNA revolution: twenty-five years of freeing the innocent* của tác giả Medwed, Daniel S do Cambridge University Press ấn hành năm 2017; bài viết *Wrongful convictions and forensic science* của tác giả Catherine L. Bonventre đăng trên WIREs Forensic Science năm 2020; v.v...

Ở Việt Nam, một số học giả đã nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này, như tác giả Lê Lan Chi và các cộng sự đăng bài viết "Wrongful convictions in Asian countries: A systematic literature review" trên *Tạp chí International Journal of Comparative and Applied Criminal Justice*, (Số tháng 5), 2023. Các tác giả bài viết đã chỉ ra rằng, bất kỳ kết án sai nào đều gây ra những vi phạm nghiêm trọng đối với cá nhân, những người thân yêu, hệ thống tư pháp hình sự, và hiệu lực của công lý. Trong khi các nước theo mô hình Anh-Mỹ đã tập trung nghiên cứu những vấn đề liên quan đến kết án sai trái kể từ những năm 1930, tuy nhiên ở các nước châu Á, vấn đề này chỉ mới tiếp cận từ những năm 2010. Để điều tra vấn đề này, nghiên cứu này đã tiến hành tổng quan tài liệu có hệ thống cơ sở dữ liệu Scopus và Google Scholar, thu thập 36 bài đánh giá độc lập từ 710 ấn phẩm từ năm 2010 đến năm 2021. Để từ đó tác giả: (1) xem xét phạm vi và phản ứng của quốc gia châu Á về vấn đề kết án oan sai và (2) xác định các yếu tố chính dẫn đến những kết án oan sai này. Kết quả chỉ ra rằng hầu hết tất cả các ấn phẩm đã tập trung vào Trung Quốc và Nhật Bản với tư cách là đại diện của phương Đông Châu Á. Rất ít nghiên cứu thảo luận về các khu vực châu Á khác. Bên cạnh những điểm tương đồng với các xã hội phương Tây, chẳng hạn như: nhận tội sai, tra tấn, hành vi sai trái, lỗi nhận dạng nhân chứng và lạm dụng pháp y, thì các yếu tố chính trị và đấu tranh tư pháp hình sự phản ánh sự tính riêng biệt cho những kết án sai trái của Châu Á.

Cũng với cách tiếp cận này, tác giả Lê Lan Chi và các cộng sự đăng bài viết "Understanding Causes for Wrongful Convictions in Vietnam: a View from the Top and the Bottom of the Iceberg" trên *Tạp chí Asian Journal of Criminology*, (Số tháng 11), 2022. Kết án oan sai để lại hậu quả, ảnh hưởng nặng nề đến giá trị, nhân phẩm, lòng tự trọng của những người vô tội và những người thân yêu của họ. Trong khi Việt Nam đang thực hiện quy định pháp luật bảo đảm bảo vệ các quyền cơ bản của công dân, các vụ án oan sai nghiêm trọng xảy ra gần đây các vụ án kết án cho thấy sự cần thiết phải tăng cường hiệu quả và độ tin cậy của hình sự cải cách tư pháp. Các tác giả sử dụng một số trường hợp ví dụ ở Việt Nam, nghiên cứu này xem xét hai mức độ của các yếu tố góp phần dẫn đến kết án sai: (i) các nguyên nhân được thừa nhận (các đỉnh của tảng băng trôi) và (ii) góc rế ẩn giấu (bên dưới bề mặt). Ngoài ra, các tác giả còn so sánh trường hợp của Việt Nam với những phát hiện từ các quốc gia châu Á khác, đặc biệt là các quốc gia Đông Á. Từ đó, các tác giả cho rằng, nguyên nhân dẫn đến kết án sai có liên quan đến quy trình tư pháp hình sự, văn hóa, và việc xóa bỏ những bản án oan sai đòi hỏi phải có lộ trình cẩn thận và quyết liệt cải cách để giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của các vấn đề này.

Trong bài viết "Cải cách tư pháp hình sự và vấn đề phòng, chống oan, sai", đăng trên *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (204), 2005, tác giả Đào Trí Úc đã chỉ rõ, nguyên nhân dẫn đến oan, sai là: oan, sai do cố ý vi phạm một cách thô bạo các nguyên tắc quan trọng của Luật Hình sự và Tố tụng hình sự; oan, sai xảy ra do thiên hướng buộc tội trong phong cách và tư duy hoạt động của các cán bộ tiến hành tố tụng; oan, sai xảy ra do thái độ, phong cách làm việc quan liêu của những người tiến hành tố tụng; oan, sai xảy ra do kiến thức pháp luật và năng lực chuyên môn, nghề nghiệp thấp kém của một số người tiến hành tố tụng; oan, sai xảy ra xuất phát từ việc chưa đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc độc lập của Tòa án và các cơ quan và người tiến hành tố tụng

khác. Để phòng, chống oan sai, theo tác giả cần làm trong sạch bộ máy các cơ quan tư pháp hình sự và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy Đảng và Nhà nước; các cơ quan tư pháp phải kiên trì giáo dục cho cán bộ ý thức pháp luật đúng đắn, trong đó vấn đề giáo dục lương tâm và ý thức về uy tín nghề nghiệp phải được đặt lên hàng đầu; dân chủ hóa hoạt động tố tụng hình sự; nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ tư pháp, phát huy, đề cao vai trò sáng tạo của Tòa án trong việc tổng kết thực tiễn xét xử; đề cao bản lĩnh chính trị và nghiệp vụ của cán bộ tư pháp.

Để đưa ra các biện pháp phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm, nhiều học giả đã đưa ra nhiều giải pháp quan trọng, như: bài viết "Hoạt động đánh giá chứng cứ trong vụ án mua bán người" đăng trên *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (2), 2020, tác giả Lương Hải Yến khẳng định rằng hoạt động đánh giá chứng cứ các vụ án mua bán người phải được tiến hành đồng thời trong một thể thống nhất. Trong đó, thu thập chứng cứ là việc làm trước hết, là tiền đề cho hoạt động kiểm tra để đánh giá chứng cứ và cuối cùng là sử dụng chứng cứ để chứng minh làm sáng tỏ sự thật vụ án mua bán người; bài viết "Kỹ năng tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án mua bán người" đăng trên *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (2), 2020, tác giả Mai Đắc Biên cho rằng, kiểm sát viên tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm các vụ án mua bán người nhằm bảo đảm việc điều tra, truy tố, xét xử về các tội trên không xảy ra oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật; bài viết "Quyền bào chữa của người bị bắt, người bị tạm giữ theo BLTTHS 2015" đăng trên *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (7), 2019, tác giả Đỗ Khánh Ly đề cập đến vấn đề bảo đảm quyền bào chữa của người bị bắt, bị tạm giữ là một trong những nguyên tắc trong hoạt động tố tụng hình sự nhằm chống oan sai; bài viết "Hoàn thiện một số quy định về tranh tụng tại phiên tòa trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015" của tác giả Phạm Mạnh Hùng đăng trên *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (1), 2021; bài viết "Đảm bảo thực

hiện quyền không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội đối với hoạt động lấy lời khai, hỏi cung bị can trong điều tra vụ án hình sự" của tác giả Phạm Xuân Việt đăng trên *Tạp chí Nghề luật*, (7), 2021; bài viết "Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác khám nghiệm hiện trường trong vụ án trộm cắp tài sản và bài học kinh nghiệm" của tác giả Bùi Trung Thành đăng trên *Tạp chí Nghề luật*, (8), 2021; v.v.. Các tác giả cho rằng, để phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm, quá trình tranh tụng trong xét xử phải được thực hiện dân chủ, bình đẳng, thể hiện đúng vai trò của các chủ thể buộc tội, chủ thể gỡ tội, chủ thể xét xử và vai trò điều hành của chủ tọa phiên tòa, BLTTHS cần tiếp tục hoàn thiện các quy định về nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử; quy định về kiểm sát viên rút quyết định truy tố hoặc kết luận về khoản khác trong cùng một điều luật hoặc tội khác tại phiên tòa trong quá trình tranh tụng; quy định về thủ tục trong trường hợp đang tranh tụng mà bị hại hoặc người đại diện của họ rút yêu cầu tại phiên tòa xét xử vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại; quy định về trình tự xét hỏi khi thực hiện thủ tục tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Bài viết "Một số giải pháp về phòng ngừa oan, sai, bỏ lọt tội phạm trong hoạt động tố tụng hình sự nhằm bảo đảm quyền con người, quyền công dân ở nước ta hiện nay" của tác giả Nguyễn Thị Hạnh Quyên và Hoàng Thịnh đăng trên *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (5), 2019 đã đưa ra một số giải pháp cho vấn đề này đó là: tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự và tố tụng hình sự; kiện toàn đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, nâng cao ý thức trách nhiệm, thái độ chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp; tăng cường công tác phối hợp liên ngành Bộ Công an, Viện kiểm sát, Tòa án; tăng cường trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; tăng cường trách nhiệm của những người đứng đầu đơn vị; tăng cường chế độ chính sách, kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các cơ quan tư pháp.

Bài viết "Combating torture in Vietnam: from injustice cases of Nguyen Thanh Chan and Han Duc Long" (Vấn đề chống tra tấn ở Việt Nam: từ những oan sai trong vụ án Nguyễn Thanh Chấn và Hàn Đức Long) của tác giả Đặng Viết Đạt đăng trên sách kỷ yếu hội thảo quốc tế *Combating torture in Asia: Law and Practice* do Asian Law Centre, Melbourne Law School, The University of Melbourne School of Law, Vietnam National University, Hanoi, Anti-Death Penalty Asia Network (ADPAN) do Nxb Khoa học xã hội ấn hành năm 2021. Bài viết phân tích và làm rõ những sai phạm trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Nguyễn Thanh Chấn (năm 2003) và vụ án Hàn Đức Long (năm 2005), những sai phạm này có nguyên nhân từ việc sử dụng biện pháp ép cung, nhục hình trong quá trình điều tra, lấy lời khai của cơ quan điều tra, từ đó bài viết chỉ ra những thách thức trong việc thực hiện các cam kết quốc tế về chống tra tấn ở Việt Nam (Việt Nam đã tham gia công ước chống tra tấn từ năm 2012) hiện nay.

1.1.1.3. Vấn đề áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong các vụ án hình sự qua các công trình nghiên cứu

Bài viết "Bảo đảm quyền thu thập chứng cứ của luật sư - giải pháp quan trọng trong phòng, chống oan sai trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử" của tác giả Phạm Hữu Quốc đăng trên *Tạp chí Công Thương*, (11), 2018; bài viết "Thực trạng quy định pháp luật về hoạt động thu thập chứng cứ của luật sư và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật trong tố tụng hình sự" của tác giả Nguyễn Bá Hưng đăng trên *Tạp chí Nghề luật*, (2), 2022. Các tác giả cho rằng, vai trò của luật sư rất quan trọng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử một vụ án hình sự, để phòng, chống oan sai cần hoàn thiện các chính sách, quy định về bảo đảm quyền thu thập chứng cứ của luật sư, như: tiếp tục phát triển đội ngũ luật sư; giám sát luật sư trong việc tuân thủ pháp luật; đảm bảo quyền thu thập chứng cứ theo quy định pháp luật; hoàn thiện các quy định pháp luật về hoạt động thu thập chứng cứ của luật sư (quy định thời gian cụ

thể); hoàn thiện các quy định về đánh giá, sử dụng chứng cứ, tài liệu, đồ vật do luật sư cung cấp; ban hành quy chế phối hợp giữa luật sư với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Bài viết "Cần nhận thức thống nhất dấu hiệu pháp lý của đồng phạm trong thực tiễn áp dụng pháp luật" của tác giả Nguyễn Minh Hải và Phạm Ngọc Cao đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (9), 2018. Việc áp dụng pháp luật về đồng phạm trong thực tế đôi khi có quan điểm trái chiều giữa các cơ quan tố tụng, điều này dẫn đến nguy cơ bỏ lọt tội phạm hoặc oan sai trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Nếu không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội người tình nghi thì phải áp dụng triệt để nguyên tắc suy đoán vô tội, có lợi cho họ. Đây cũng là một biện pháp phòng ngừa oan sai cần thiết trong hoạt động tố tụng.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về hoạt động áp dụng pháp luật về phòng chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong giải quyết các vụ án hình sự

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của VKSND và VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam

Cuốn sách *The Changing Role of the American Prosecutor* của các tác giả John L. Worrall và M. Elaine Nugent-borakove do State University of New York Press ấn hành năm 2008. Cuốn sách này làm sáng tỏ môi trường công tố mới ở Mỹ, công tố đối với các vấn đề tội phạm mới và cách giải quyết vấn đề của công tố và tương lai của công tố trong thế kỷ 21. Những đóng góp trong nghiên cứu này chỉ ra các cách thức mà các công tố viên Mỹ đang chuyển từ cách tiếp cận truyền thống, phản ứng đối với vấn đề tội phạm, và thay vào đó, cách họ phát triển các chiến lược giải quyết vấn đề sáng tạo để đối phó với tội phạm.

Cuốn sách *The Prosecutor in Transnational Perspective* của các tác giả Erik Luna và Marianne Wade do Oxford University Press, USA năm 2012.

Công trình này chỉ rõ công tố viên đóng một vai trò quyền lực trong hệ thống tư pháp, có thẩm quyền chấp nhận hoặc từ chối một vụ án, lựa chọn tội danh để cáo buộc và quyết định số lượng tội danh để buộc tội. Những lựa chọn này thường được thực hiện với rất ít sự giám sát hoặc giám sát của thể chế. Quyết định truy tố này đã thúc đẩy các học giả xem xét vai trò của các công tố viên ở châu Âu để hiểu rõ hơn về cách cải cách hệ thống tư pháp của Mỹ. Các tác giả này chứng minh rằng có thể học được những bài học quý giá từ việc nghiên cứu về thẩm quyền công tố ở các quốc gia, trong đó, các tác giả đã xem xét cả những điểm tương đồng và khác biệt trong các quy trình và các quyết định do các công tố viên ở Hoa Kỳ và Châu Âu đưa ra. Từ đó, nghiên cứu này đã chứng minh vai trò của việc nâng cao chất lượng công tố viên đối với nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp hình sự.

Cuốn sách *Doing Justice: A Prosecutor's Thoughts on Crime, Punishment, and the Rule of Law* của tác giả Preet Bharara do Knopf Doubleday Publishing Group ấn hành năm 2019. Cuốn sách được chia thành bốn phần: Điều tra, Cáo buộc, Phán quyết và Trừng phạt. Tác giả đã nghiên cứu các vụ án điển hình ở Mỹ và Châu Âu để minh họa thực tế của hệ thống pháp luật. Phần lớn những gì Bharara thảo luận đều truyền cảm hứng - nó cho chúng ta hy vọng rằng lối suy nghĩ hợp lý và khách quan dựa trên thực tế, kết hợp với lòng trắc ẩn, có thể thực sự dẫn chúng ta đến con đường hướng tới sự thật và công lý.

Cuốn sách *Powers of the Prosecutor in Criminal Investigation: A Comparative Perspective* của tác giả Karolina Kremens do Routledge ấn hành năm 2021. Tác giả đã phân tích so sánh phạm vi quyền hạn của công tố viên ở các giai đoạn điều tra hình sự khác nhau ở bốn quốc gia: Hoa Kỳ, Ý, Ba Lan và Đức. Vì trong cả bốn trường hợp này, số lượng các vụ án hình sự được quyết định mà không cần xét xử không ngừng gia tăng, nên hoạt động điều tra hình sự đã trở thành trung tâm của quá trình tố tụng hình sự. Vậy ai sẽ chịu

trách nhiệm về giai đoạn này của quy trình? Các công tố viên đã có được những quyền hạn to lớn để tác động đến kết quả của các vụ án hình sự, bao gồm cả những quyền lực từng được dành cho các thẩm phán. Trong một hệ thống mà vai trò của phiên tòa đang giảm dần và tầm quan trọng của điều tra tội phạm ngày càng tăng, cuốn sách này đặt câu hỏi liệu có nên tăng cường quyền hạn của công tố viên ở giai đoạn đầu của quy trình hay không. Bằng cách tiếp cận định hướng vấn đề, cuốn sách cung cấp một phân tích song song về mỗi quốc gia theo năm lĩnh vực có thể tham gia tố tụng: bắt đầu điều tra tội phạm; tiến hành điều tra vụ án hình sự, ra quyết định khởi tố; áp dụng biện pháp cưỡng chế; và đình chỉ điều tra hình sự. Sử dụng các mô hình điều tra đối kháng cạnh tranh làm khuôn khổ, trọng tâm là công tố viên với tư cách là một nhân vật quan trọng trong quá trình điều tra và xử lý tội phạm. Những dẫn chứng từ các vụ án, tác giả quyển sách cho thấy vai trò của công tố viên rất lớn trong quá trình đảm bảo kết quả giải quyết vụ án hình sự, tránh những oan sai hay bỏ lọt tội phạm.

Cuốn sách *The Evolving Role of the Public Prosecutor: Challenges and Innovations* do Victoria Colvin và Philip Stenning biên soạn được Routledge ấn hành năm 2018. Theo các tác giả, hiện nay công tố viên là một nhân vật vừa mạnh mẽ vừa bí ẩn. Các học giả pháp lý và nhà tội phạm học thường xác định "ba thành phần thiết yếu" của hệ thống tư pháp hình sự: cảnh sát, tòa án và cơ quan cải chính. Tuy nhiên, ngày càng nhiều, công tố viên chiếm một vai trò khác biệt, độc lập với bất kỳ ngành nào trong số này. Hành động bên ngoài tòa án, và do đó phần lớn nằm ngoài tầm mắt của công chúng, quyền kiểm soát của công tố viên đối với những cáo buộc nào có được đưa ra tòa hay không có thể hạn chế quyền quyết định của tòa án trong việc tuyên án, mở ra những con đường dẫn đến các biện pháp thay thế và thậm chí từ chối hoàn toàn việc tiếp cận hệ thống tư pháp hình sự. Theo nghĩa này, công tố viên đóng vai trò là "người gác cổng" thực sự đối với quá trình tố tụng hình sự.

Cuốn sách này đề cập đến các khía cạnh chính của vai trò ngày càng tăng của các công tố viên trong nước và quốc tế trong các hệ thống thông luật và dân luật trong thế kỷ XXI, và những thách thức do sự phát triển này đặt ra. Tuyển tập các chương này của các học giả có uy tín sử dụng cách tiếp cận so sánh, quốc tế và khám phá cách thức các hệ thống pháp luật khác nhau này đã trình bày rõ ràng về vai trò của cơ quan công tố trong việc điều chỉnh phù hợp với các điều kiện và kỳ vọng đang thay đổi. Nghiên cứu này tập trung vào bốn chủ đề chính liên quan đến bản chất của cơ quan công tố, vai trò của công tố viên trong các cuộc điều tra, quyền tự quyết của công tố viên và cách thức thực hiện, chính trị hóa và trách nhiệm giải trình của công tố viên.

Bài viết "A Reflection On Police Abuse of Power in the People's Republic of China" của tác giả Kam C. Wong đăng trên *Tạp chí Police Quarterly*, (Số tháng 7), 1998. Bài viết này chỉ ra rằng, có nhiều tuyên bố rằng cảnh sát ở Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (PRC) lạm dụng quyền hạn pháp lý của họ. Điều này được cho là do thiếu sự giám sát về thể chế và sự thất bại trong kiểm soát pháp lý. Tuy nhiên, có những lý do lâu dài khác góp phần vào việc cảnh sát lạm dụng quyền lực ở Trung Quốc. Thông qua việc mô tả một số dữ liệu thực nghiệm về mức độ phổ biến của việc cảnh sát Trung Quốc lạm dụng quyền lực và một số nghiên cứu trường hợp về việc cảnh sát lạm dụng, một quyền hạn giam giữ điều tra, để làm sáng tỏ thêm bản chất của sự lạm dụng của cảnh sát. Bài báo kết thúc bằng việc giả định một số nguyên nhân, đó là: thiếu văn hóa pháp lý ăn sâu trong pháp quyền, sự thiếu của một tinh thần hợp hiến ăn sâu trong chính phủ hạn chế và sự xuất hiện của chủ nghĩa thực dụng như một hệ tư tưởng chính trị.

Bài viết "The Police Legitimacy Crisis and Police Law Reform in China" của tác giả Kam C. Wong đăng trên *Tạp chí International Journal of Police Science & Management*, (Số tháng 5), 2005. Bài báo này là nỗ lực đầu tiên nhằm điều tra và báo cáo về nỗ lực cải cách luật của cảnh sát Trung

Quốc. Bằng việc liệt kê quá khứ, mô tả hiện tại và suy đoán về tương lai, bài báo lập luận rằng cải cách luật cảnh sát ở Trung Quốc là một phản ứng đối với cuộc khủng hoảng về tính hợp pháp của cảnh sát đang gia tăng, làm suy yếu mối quan hệ giữa cảnh sát và công chúng. Từ đó, tác giả trình bày chi tiết và thảo luận về phương hướng, ban hành, hiện thực hóa và kết luận về cải cách luật cảnh sát của Trung Quốc nhằm cải thiện chất lượng giải quyết các vụ án hình sự, giảm các vụ oan sai.

Ở trong nước, nhiều học giả pháp lý nổi tiếng đã có những nghiên cứu sâu sắc về vấn đề oan sai và phòng chống oan sai, bỏ lọt tội phạm. Tác giả Đào Trí Úc và cộng sự trình bày khái quát về tổ chức, vị trí, chức năng của VKSND trong cuốn sách *Hệ thống tư pháp và cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay* do Nxb Khoa học xã hội ấn hành năm 2003, trong đó cuốn sách đã trình bày mô hình tổ chức và hoạt động của VKSND ở Việt Nam qua các bản Hiến pháp 1959, 1980 và 1992.

Để phân tích làm rõ mô hình tổ chức và hoạt động của VKSND trong Nhà nước pháp quyền, tác giả Nguyễn Đăng Dung và các cộng sự đã công bố công trình *Viện kiểm sát nhân dân trong Nhà nước pháp quyền* do Nxb Tư pháp ấn hành năm 2014. Trong đó, tác giả đã trình các mô hình quyền công tố trong mối quan hệ với các cơ quan điều tra hình sự ở Pháp, Anh, Hoa Kỳ, Nhật Bản. Trong cuốn sách này, tác giả đã đưa ra hai nhóm quan điểm về VKSND trong Nhà nước pháp quyền, đó là nhóm quan điểm cho rằng chuyển VKSND thành Viện Công tố và nhóm quan điểm thứ hai là giữ nguyên mô hình VKSND đã được quy định trong hiến pháp. Để làm rõ chức năng và nhiệm vụ của VKSND trong giải quyết vụ án hình sự, các tác giả quyển sách này đã phân tích về tổ chức và hoạt động của VKSND qua các bản Hiến pháp 1959, 1980, 1992 (sửa đổi, bổ sung 2001) và 2013, thông qua đó cho thấy sự tiến hoá và hoàn thiện về tổ chức và hoạt động của VKSND, vai trò của thiết chế này tiếp tục được khẳng định và giữ vững trong tiến trình cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

Tiếp theo hướng nghiên cứu trên, công trình *Viện kiểm sát nhân dân: quá trình hình thành, phát triển và đổi mới theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam* của tác giả Trần Văn Nam do Nxb Trẻ ấn hành năm 2017. Bên cạnh việc phân tích, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của VKSND trong các bản Hiến pháp, công trình phân tích và làm rõ thực tiễn hoạt động của VKSND ở Việt Nam trong những năm gần đây, từ đó chỉ ra những giải pháp cần thực hiện để nâng cao chất lượng hoạt động của thiết chế này trong tiến trình cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay, đó là: hoàn thiện pháp luật về tổ chức, hoạt động của VKSND và các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; nâng cao chất lượng đội ngũ kiểm sát viên và công chức VKSND và tăng cường sự giám sát của cơ quan dân cử đối với VKSND hiện nay; v.v...

Ngoài ra còn một số công trình khác, như: bài viết "Chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự" của tác giả Trần Thị Liên đăng trên *Tạp chí Luật học*, (2), 2019; "Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự" của tác giả Nguyễn Thị Liên Hương đăng trên *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (4), 2020; "Những vấn đề đặt ra đối với nhiệm vụ giám định âm thanh, hình ảnh theo chức năng của VKSND tối cao" của tác giả Hoàng Trọng Lực đăng trên *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (4), 2020; "Một số hạn chế, vướng mắc của chế định thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự hiện hành và kiến nghị hoàn thiện pháp luật" của tác giả Vũ Đức Hạnh đăng trên *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (5), 2019; "Chức năng và nhiệm vụ của VKSND trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự" của tác giả Phạm Hồng Quân đăng trên *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học*, (28), 2012; "Nâng cao hiệu quả kiểm sát hoạt động tư pháp ở nước ta hiện nay" của tác giả Lê Minh Trí đăng trên *Tạp chí Cộng sản*, (3), 2019; v.v..

Nhìn chung các công trình nghiên cứu về VKSND hiện nay đều khẳng

định tầm quan trọng của VKSND trong giải quyết các vụ án hình sự, trong đó chức năng thực hành quyền công tố và chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp tiếp tục được khẳng định và nâng cao chất lượng hoạt động trong thực tế.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu về vai trò ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm của VKSND cấp tỉnh trong giải quyết các vụ án hình sự

Trước yêu cầu về nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết các vụ án hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp, đặc biệt là Nghị quyết 49/NQ-TW của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 và yêu cầu về việc thực hiện tốt trách nhiệm của VKSND trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm được đặt ra trong các Nghị quyết của Quốc hội (Nghị quyết số 37/2012/QH13, Nghị quyết số 63/2013/QH13, Nghị quyết số 96/2015/QH13), có nhiều công trình nghiên cứu vấn đề lý luận về oan sai trong tố tụng hình sự, trách nhiệm của VKSND trong việc phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong tố tụng hình sự đã được tổ chức triển khai nghiên cứu.

Để làm rõ vấn đề này, hiện nay đã có một số bài viết, như "Trách nhiệm của lãnh đạo Viện kiểm sát đối với việc chống oan sai và bỏ lọt tội phạm" của tác giả Lại Hợp Việt đăng trên *Tạp chí Kiểm sát*, (10), 2014. Tác giả bài viết đã chỉ rõ, trong giai đoạn điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKSND có thẩm quyền quyết định việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn. Tất cả các hoạt động như bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, tạm giam bị can, v.v.. phải được Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKSND xem xét, phê chuẩn đối với từng trường và từng đối tượng cụ thể. Do đó, để phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm, khi cần thiết, Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKSND phải yêu cầu kiểm sát viên hoặc tự mình trực tiếp gặp, hỏi người bị bắt trước khi xem xét để quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, việc tạm giữ, tạm giam. Nếu không làm tốt công tác kiểm sát việc

khởi tố vụ án, kiểm sát và phê chuẩn quyết định khởi tố vụ án, kiểm sát và phê chuẩn quyết định khởi tố bị can sẽ dẫn đến việc làm oan sai và bỏ lọt tội phạm. Việc làm oan sai, khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn không đúng pháp luật đối với người không phạm tội, ngoài trách nhiệm của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, thì trách nhiệm cuối cùng thuộc về VKSND, trong đó có Viện trưởng, Phó Viện trưởng, vì chỉ có Viện trưởng, Phó Viện trưởng mới có quyền quyết định cuối cùng việc khởi tố hay không khởi tố bị can hoặc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra; chỉ có Viện trưởng, Phó Viện trưởng mới có quyền quyết định hoặc phê chuẩn các quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn [70, tr.6].

Bài viết "Giải pháp nâng cao chất lượng công tác kháng nghị án hình sự của Viện kiểm sát" của tác giả Nguyễn Đăng Thắng và Phạm Đức đăng trên *Tạp chí Kiểm sát*, (3), 2019 cho rằng, công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự là khâu công tác đóng vai trò rất quan trọng trong việc phòng, chống oan sai, là chìa khoá để khoá chặt các vi phạm, sai sót tố tụng tổng xử lý vụ án hình sự. Vì thế lãnh đạo VKSND các cấp tiếp tục quán triệt, nhận thức và vận dụng đúng các quy định pháp luật hiện hành về tố tụng hình sự và hình sự, hướng dẫn của Viện trưởng VKSND Tối cao về tăng cường công tác kháng nghị hình sự; quy chế thực hành quyền công, kiểm sát xét xử hình sự; VKSND các cấp tích cực kiểm sát bản án, quyết định của TAND; công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự cần thực hiện nghiêm túc chế độ thỉnh thị nghiệp vụ, phối hợp chặt chẽ với VKSND cấp trên để quyết định kháng nghị trên một cấp.

Bài viết "Một số khó khăn, vướng mắc áp dụng pháp luật trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát giải quyết án kinh tế, chức vụ" của tác giả Lê Văn Đông đăng trên *Tạp chí Kiểm sát*, (4), 2018; bài viết "Một số bài học kinh nghiệm về tăng cường trách nhiệm công tố, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm" của tác giả Nguyễn Đình Quang đăng trên *Tạp chí Kiểm sát*, (2),

2018; v.v.. Trong các bài viết này, tác giả các bài viết đã lập luận rằng, nếu VKSND không truy tố một hành vi theo một tội danh cụ thể được quy định trong BLHS thì Toà án không thể mở phiên toà xét xử và không dẫn đến một người bị truy tố oan sai. Để bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được xét xử kịp thời; việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, thì Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKSND phải thực hiện đúng các quy định của BLHS, BLTTHS và Quy chế thực hành quyền công tố, kiểm sát vụ án hình sự của VKSND tối cao và phải nêu cao trách nhiệm của người có thẩm quyền do Luật định trong công tác kiểm sát việc khởi tố vụ án, kiểm sát và phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, vụ án. Các tác giả cũng đã chỉ rõ, để phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong tố tụng hình sự, VKSND phải thực hiện tốt chức năng thực hiện quyền công tố, trong đó "tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra".

Bên cạnh đó, còn có các công trình, như: Đề tài khoa học cấp Bộ *Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm đối với các vụ án về phá huỷ công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia* của VKSND tối cao, năm 2010; Đề tài khoa học cấp Bộ *Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự về trật tự xã hội theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay* của VKSND tối cao, năm 2011; Đề tài khoa học cấp Bộ *Nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm đối với án kinh tế - chức vụ* của VKSND tối cao, năm 2012; Đề tài khoa học cấp Bộ *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự* của VKSND tối cao, năm 2012; Đề tài khoa học cấp Bộ *Những giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra đối với các vụ án hình sự trong lĩnh vực ngân hàng* của VKSND tối

cao, năm 2014; "Nâng cao trách nhiệm của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội", Hoàng Nghĩa Mai, *Tạp chí Kiểm sát*, năm 2008; "Phòng, chống oan sai trong tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác", Đỗ Xuân Tụ, *Tạp chí Kiểm sát*, năm 2016; "Giải pháp chống lọt tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra", Nguyễn Quang Dũng, *Tạp chí kiểm sát*, năm 2017; v.v... Các công trình khoa học này đã tập trung nghiên cứu vấn đề nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử vụ án hình sự nhằm đưa ra các giải pháp góp phần hạn chế các trường hợp oan, sai và bỏ lọt tội phạm.

1.2. ĐÁNH GIÁ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU TRONG LUẬN ÁN

1.2.1. Đánh giá kết quả nghiên cứu của các công trình trên

1.2.1.1. Về mặt nội dung

Những công trình nghiên cứu trên đã trình bày tương đối rõ về vị trí, vai trò và chức năng, nhiệm vụ của VKSND trong giải quyết các vụ án hình sự, đặc biệt các các công trình đã phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện quyền công tố và giám sát hoạt động tư pháp của VKSND ở Việt Nam qua các thời kỳ thực hiện Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992 (sửa đổi, bổ sung) và 2013. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên chưa phân tích, đánh giá sâu sắc, rõ ràng về ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm của VKSND cấp tỉnh trong quá trình giải quyết vụ án hình sự ở Việt Nam trong thời gian vừa qua, đặc biệt trong những năm thực hiện Hiến pháp năm 2013, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Luật Tổ chức VKSND năm 2014.

1.2.1.2. Về mặt phương pháp và cách tiếp cận

Các công trình nghiên cứu trên được sử dụng nhiều phương pháp khác

nhau, trong đó các công trình đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu chung, như: phương pháp phân tích, tổng hợp; phương pháp logic-lịch sử; phương pháp so sánh; phương pháp nghiên cứu trường hợp (Case study). Đặc biệt các công trình nghiên cứu về ADPL trong giải quyết xử lý các vụ án hình sự chủ yếu được tiếp cận trên phương diện tội phạm học và tư pháp hình sự. Đây là cách tiếp cận đặc thù trong thụ lý và giải quyết các vụ án hình sự. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên tiếp cận vấn đề ADPL trong giải quyết vụ án hình sự nói chung và trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết vụ án hình sự nói riêng chưa được tiếp cận đầy đủ, rõ rệt trên phương diện lý luận và lịch sử nhà nước pháp luật.

1.2.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Những vấn đề còn bỏ ngỏ ở trên cần được tiếp tục nghiên cứu và làm rõ trong luận án này, cụ thể là:

- Về mặt nội dung

+ Về mặt lý luận:

Luận án kế thừa những kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu trên, tiếp tục tổng hợp và làm rõ những về nội dung, đặc điểm, các giai đoạn, các tiêu chí đánh giá hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND. Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận trên phương diện của chuyên ngành lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật để làm rõ các vấn đề lý luận ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND.

+ Về mặt thực tiễn:

Luận án sử dụng cơ sở lý luận đã được xây dựng để phân tích, đánh giá đầy đủ, toàn diện về thực trạng ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam trong thời gian vừa qua, từ đó chỉ rõ những kết quả đạt được để tiếp tục phát huy trong thời gian tới và những hạn chế cần đề xuất giải pháp để nâng cao

chất lượng ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở nước ta trong thời gian tới.

- Về mặt phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận

Các công trình nghiên cứu ở trên được nghiên cứu từ góc độ khoa học pháp lý, đặc biệt là đa số tác giả tiếp cận trên phương diện khoa học hình sự và tổ tụng hình sự. Tuy nhiên, vấn đề ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cần được nhìn nhận cả khía cạnh lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, bởi vì trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, tổ chức và hoạt động VKSND cần được đặt trong mối tương qua với các cơ quan khác của nhà nước (Toà án, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án, ...). Chính vì thế, để đánh giá toàn diện thực trạng ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam và đề ra phương hướng, giải pháp để tăng cường ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam trong thời gian tới trên phương diện lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.

1.3. GIẢI THUYẾT NGHIÊN CỨU VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1.3.1. Giải thuyết nghiên cứu

Áp dụng pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam trong những năm vừa qua đã được cải thiện đáng kể, nhất là từ khi Hiến pháp năm 2013 được ban hành, tuy vậy, việc ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh vẫn có những hạn chế nhất định do các quy định pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự chưa đầy đủ và chưa rõ ràng; các bước triển khai ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự chưa được thực hiện nhịp nhàng, hiệu quả; năng lực ADPL của VKSND cấp tỉnh vẫn có những hạn chế nhất định, chưa được khắc phục kịp thời.

1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu

Để giải quyết các vấn đề đặt ra ở trên, luận án cần trả lời các câu hỏi sau:

(1) Áp dụng pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND là gì? Hoạt động này trải qua những giai đoạn nào? Hoạt động này chịu tác động bởi những yếu tố nào?

(2) Áp dụng pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam thời gian qua diễn ra như thế nào? Những nguyên nhân nào dẫn đến hạn chế trong ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay?

(3) Việt Nam cần phải làm gì để nâng cao chất lượng ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh Việt Nam thời gian tới?

Kết luận Chương 1

Áp dụng pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND là vấn đề được nhiều học giả nghiên cứu trong thời gian vừa qua, kết quả nghiên cứu của các công trình này đã cho thấy rõ chức năng, nhiệm vụ của VKSND thực hiện quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giải quyết các vụ án hình sự; đồng thời các công trình đã chỉ rõ vai trò của VKSND trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm. Tuy nhiên, những công trình này vẫn còn bỏ ngỏ về ADPL của VKSND cấp tỉnh trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự ở Việt Nam trong thời gian vừa qua. Vì thế, luận án này hướng đến xây dựng cơ sở lý luận ADPL của VKSND cấp tỉnh trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự và thực tiễn thực hiện nội dung này ở Việt Nam thời gian qua, từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường hoạt động này trong thời gian tới.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN, SAI VÀ BỎ LỘT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN, SAI VÀ BỎ LỘT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

2.1.1. Khái niệm áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

** Phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự*

Giải quyết vụ án hình sự là quá trình tiến hành các hoạt động theo trình tự, thủ tục luật định, do các cơ quan có thẩm quyền thực hiện như: Cơ quan điều tra, VKSND, TAND, cơ quan thi hành án hình sự, bao gồm các hoạt động: tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật trách nhiệm hình sự. Nhiệm vụ của trách nhiệm hình sự là phát hiện chính xác và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Tuy nhiên, hoạt động trách nhiệm hình sự chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, nên trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, một số sai sót có thể xảy ra, dẫn đến hậu quả để xảy ra oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong trách nhiệm hình sự. Oan, sai trong trách nhiệm hình sự dù ở mức độ nào cũng dẫn đến những hậu quả tiêu cực đối với cá nhân và gia đình của họ, đối với tổ chức, xã hội và đối với Nhà nước, không đảm bảo công lý, công bằng xã hội và phòng ngừa tội phạm.

Theo Từ điển tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học thì một người bị oan là "*bị quy cho tội mà bản thân không phạm, phải chịu sự trừng phạt mà bản thân không đáng phải chịu*" [67, tr.744]. Theo tác giả Nguyễn Như Ý thì

"oan" là một người *"bị quy tội không đúng, phải chịu sự trừng phạt một cách sai trái, vô lý"* [77, tr.1269]. Một khái niệm cũng tương đối gần và thường xuyên đi cùng với khái niệm "oan" mà hay được nhắc tới đó là khái niệm "sai". Theo đó, "oan" là bị quy tội không đúng, phải chịu sự trừng phạt một cách sai trái, vô lý. Ví dụ: "Kết tội một người khi người đó không thực hiện hành vi phạm tội hoặc kết án họ ở một tội nặng hơn so với hành vi mà họ đã thực hiện. Chẳng hạn như: kết tội họ phạm tội "Giết người" trong khi các chứng cứ cho thấy họ phạm tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người" [15]. Pháp luật các quốc gia trên thế giới đều tiếp cận và ở một chừng mực nhất định quy định các nội dung "oan" trong trách nhiệm hình sự. Tại Trung Quốc, các trường hợp sau được coi là oan: "Người bị tình nghi phạm tội bị bắt giữ nhưng chưa có dấu hiệu thực tế hoặc chưa có những chứng cứ thực tế là phạm tội; Người chưa thực sự phạm tội nhưng đã bị giam giữ; Người đã chấp hành hình phạt mà Toà án đã tuyên nhưng sau đó được xét xử lại theo trình tự kiểm tra, giám sát xét xử là vô tội" [5].

Theo BLHS Cộng hoà Liên bang Nga, thì các trường hợp sau được coi là oan:

Một người rõ ràng là không có tội nhưng đã bị người có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự; Một người bị tình nghi phạm tội hoặc bị tố cáo là đã thực hiện hành vi phạm tội bị kiểm sát viên hoặc người tiến hành điều tra sơ bộ truy cứu trách nhiệm hình sự trái pháp luật; Một người bị bắt giữ trái pháp luật. Nhìn chung, pháp luật của hầu hết các quốc gia trên thế giới đều không đưa ra một khái niệm chung về "oan" trong tố tụng hình sự, chỉ nêu các trường hợp cụ thể được coi là oan [5].

Theo Từ điển tiếng Việt thì "sai" được hiểu là *"không phù hợp với cái hoặc điều có thật, mà có khác đi"*. Trong tố tụng hình sự, việc giải quyết vụ án sai là trường hợp các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng giải quyết vụ án một cách không khách quan,

trái với những quy định của pháp luật. Nói cách khác "sai" trong tố tụng hình sự được hiểu là tính chất của hoạt động hoặc chất lượng giải quyết vụ án hình sự của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng không đúng với quy định của pháp luật, không đáp ứng được yêu cầu khách quan trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Tuy nhiên, oan và sai trong trách nhiệm hình sự là hai hiện tượng hoàn toàn khác nhau nhưng có mối quan hệ với nhau: việc làm "oan" người vô tội luôn luôn là hệ quả của hành vi trái (sai) pháp luật, còn "sai" được hiểu là tính chất của hoạt động hoặc chất lượng giải quyết vụ án hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng. Thực tế cũng có nhiều trường hợp hành vi sai pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng không dẫn đến việc làm oan người vô tội. Ví dụ:

Trong quá trình điều tra, Điều tra viên đã hỏi cung bị can không đúng quy định của luật tố tụng hình sự (hỏi cung ban đêm,...) hoặc do thiếu trách nhiệm trong việc đánh giá chứng cứ của vụ án, thẩm phán đã áp dụng điều luật quy định tội phạm của BLHS không phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Những trường hợp sai này không thuộc nội hàm khái niệm oan, do vậy, "oan" và "sai" không được đồng nhất với nhau. Ta không nên dùng cụm từ "oan sai" mà chỉ sử dụng cụm từ "oan, sai" hoặc oan, sai độc lập trong những tình huống thích hợp. Sự nhầm lẫn trên mặc dù chỉ là về mặt ngôn ngữ, nhưng trong khoa học pháp lý thì ngôn ngữ pháp lý phải được sử dụng một cách chính xác, đặc biệt là cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng [15].

Theo phân tích ở trên thì khái niệm "sai" có phạm vi rộng hơn so với khái niệm "oan", việc làm "oan" người vô tội luôn là hệ quả của "sai". Không phải mọi trường hợp hành vi "sai" của cơ quan tiến hành tố tụng đều dẫn đến việc làm "oan" người vô tội. Tuy nhiên, việc phân biệt thế nào là "oan", "sai" trong hoạt động tố tụng hình sự là một vấn đề phức tạp cả về mặt lý luận cũng

như pháp luật thực định. Thực tiễn lập pháp cho thấy, pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của các nước trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng không phân biệt hai khái niệm "oan", "sai" mà chỉ quy định các trường hợp được bồi thường thiệt hại. Theo quy định của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi năm 2021) thì "người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án oan, trái pháp luật do cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng gây ra thì có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi cho họ" (Khoản 1 Điều 31). Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 đã cụ thể hóa quy định này nhằm bảo đảm tính chặt chẽ, tính khả thi trên thực tế; đồng thời bổ sung trường hợp được "bồi thường thiệt hại đối với pháp nhân thương mại bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án oan mà sau đó có bản án, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định không có sự việc phạm tội hoặc hành vi của pháp nhân không cấu thành tội phạm hoặc đã hết thời hạn điều tra vụ án mà không chứng minh được pháp nhân đã thực hiện tội phạm và pháp nhân đó không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật" (Điều 18). Việc bổ sung quy định này là nhằm phù hợp với quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Chính vì vậy, phòng, chống "oan" và "sai" trong giải quyết vụ án hình sự là một trong những tiêu chuẩn của nền tư pháp liên chính. Đây là tổng thể các biện pháp pháp lý do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành nhằm bảo đảm việc giải quyết vụ án hình sự theo đúng trình tự, thủ tục luật định nhằm truy tố, xét xử đúng người, đúng việc, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ thể khác có liên quan.

"Bỏ lọt tội phạm" là cụm từ thường để chỉ việc người có hành vi phạm tội nhưng lại không bị một chế tài nào trừng phạt và vẫn "nhờn nhờ" ngoài vòng pháp luật. Bỏ lọt có nghĩa là để một người "đi qua" những quy định

pháp lý một cách an toàn. "Bỏ lọt tội phạm" có thể là do nhiều nguyên nhân khác nhau như do hành vi chủ quan của người có thẩm quyền khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử; do không đủ chứng cứ, tài liệu để chứng minh một người có tội; do khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử nhầm, không đúng người; hoặc cũng có thể là hành vi phạm tội đó không ai biết, không ai thấy hoặc chưa ai biết, chưa ai thấy... Điều đó có nghĩa là pháp luật chưa được áp dụng một cách khách quan, công bằng, đúng đắn đối với người có hành vi phạm tội.

Cho nên, phòng, chống bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự là tổng thể các biện pháp pháp lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhằm khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đúng đắn chủ thể phạm tội, buộc chủ thể phạm tội phải chịu trách nhiệm pháp lý kịp thời, đầy đủ trước pháp luật và đền bù thỏa đáng những tổn thất mà nạn nhân, những người có quyền lợi liên quan phải gánh chịu từ những hành vi phạm tội của chủ thể đó. Vì thế, phòng, chống bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự cũng là một trong những nhiệm vụ cần thiết phải thực hiện quyết liệt trong tiến trình cải cách tư pháp nhằm nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án hình sự, qua đó bảo đảm tốt quyền tiếp cận công lý cho người dân.

Như vậy, phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, nếu thực hiện tốt phòng, chống oan sai thì phòng, chống tốt bỏ lọt tội phạm và ngược lại, vì nếu hoạt động giải quyết các vụ án hình sự gây ra oan, sai đối với chủ thể pháp luật này thì có thể đang để chủ thể có tội đang "nhờn nhờ" ngoài vòng pháp luật.

Từ những phân tích trên cho thấy, phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự là tổng thể các biện pháp pháp lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhằm giải quyết vụ án hình sự đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại, chủ thể vi phạm và các chủ thể có quyền lợi liên quan, buộc chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng, thích đáng với những vi phạm của mình.

Việc để xảy ra oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm dù cho vì bất kỳ nguyên nhân nào thì việc áp dụng pháp luật của các cơ quan, người có thẩm quyền tố tụng hình sự trong giải quyết vụ án, vụ việc đều chưa đảm bảo tính khách quan, công bằng, chính xác. Xuất phát từ nhiệm vụ của tố tụng hình sự là "bảo đảm phát hiện chính xác và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội; góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, giáo dục mọi người ý thức tuân thủ theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm" (Điều 2 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi năm 2021), việc để xảy ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm thể hiện sự thiếu hiệu quả của trách nhiệm hình sự, đồng thời, gây ra hậu quả nặng nề cho xã hội và người dân, làm xói mòn niềm tin của người dân vào công lý, vào pháp luật. Chính vì vậy, phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng của tố tụng hình sự nói chung, của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nói riêng, trong đó có VKSND - cơ quan thực hiện chức năng Hiến định và thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.

**** Pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự***

Pháp luật là một trong những quy phạm xã hội quan trọng, so với các quy phạm xã hội khác, quy phạm này có phạm vi điều chỉnh rộng và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, nên các quy tắc xử sự chung này phản ánh ý chí của đa số chủ thể trong xã hội thông qua "lăng kính" của nhà nước. Để đưa các nội dung quy tắc xử sự chung này vào cuộc sống, nhà nước thiết lập ra các cơ quan chuyên trách để triển khai thực hiện pháp luật.

Để phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ ban hành các quy định pháp lý bắt buộc làm cơ sở cho các cơ quan tham gia vào quá trình giải quyết các

vụ án hình sự, từ khâu tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện theo đúng quy định, qua đó xét xử đúng người, đúng tội, buộc người vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý thích đáng, tương xứng với hành vi vi phạm của mình, đồng thời đền bù thoả đáng những tổn thất cho người bị hại và các chủ thể có quyền lợi liên quan, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, giữ vững trật tự pháp luật, bảo vệ trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng chống tội phạm hiệu quả. Ngoài ra, trong các quy định pháp lý đó còn quy định rõ những hành vi vi phạm của cá nhân, cơ quan trong giải quyết các vụ án hình sự để dẫn đến oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm và các biện pháp chế tài tương xứng với những hành vi đó.

Như vậy, pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự là các quy tắc xử sự bắt buộc chung do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo luật định nhằm quy định, hướng dẫn các cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thực hiện đúng, đủ trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự, quy định rõ những hành vi bị cấm không được thực hiện và các biện pháp chế tài tương xứng đối với hành vi đó, để qua đó giải quyết triệt để vụ án hình sự, xử lý nghiêm minh người phạm tội, bảo vệ đầy đủ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại, chủ thể vi phạm và các chủ thể khác có quyền, lợi ích liên quan.

Theo nội hàm của khái niệm pháp luật phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự, thì các quy định pháp luật này do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành được thể hiện dưới dạng các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm Hiến pháp, Bộ luật, luật và các văn bản dưới luật quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ, thẩm quyền của các cá nhân, tổ chức và trình tự, thủ tục, các nguyên tắc trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Để phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự, các quy định pháp luật này sẽ quy định rõ về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cá nhân được nhà nước uỷ quyền

trong tiếp nhận tố giác, tin báo tội phạm, khởi tố bị can và vụ án, điều tra, truy tố, xét xử, các quy định về trình tự, thủ tục giải quyết các vụ án hình sự, các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi dễ xảy ra oan, sai hay bỏ lọt tội phạm của cá nhân, tổ chức có trách nhiệm trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự.

**** Áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân***

Áp dụng pháp luật là một trong những hình thức thực hiện pháp luật do chủ thể pháp luật có thẩm quyền thực hiện nhằm chuyển hoá ý chí của nhà nước đã được luật hoá thành những hành vi cụ thể theo trình quy định pháp luật để ra quyết định quản lý nhà nước nhằm làm chấm dứt, thay đổi hay phát sinh sự kiện pháp lý. Thông thường, hoạt động này do cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân, cơ quan được uỷ quyền thực hiện trên cơ sở quy định pháp luật nhằm tác động đến một quan hệ pháp luật cụ thể trong đời sống xã hội vì thế hoạt động này mang tính quyền lực, đơn phương của nhà nước và gắn liền với một tình huống pháp lý cụ thể. Cho nên, tác giả Phạm Hồng Thái và Đinh Văn Mậu (2009) cho rằng: "Áp dụng pháp luật là một hoạt động tổ chức, mang tính quyền lực nhà nước của các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền, nhằm thực hiện trong thực tế các quy phạm pháp luật trong tình huống cụ thể của cuộc sống" [44, tr.402-403]. Theo cách tiếp cận này, ADPL là các biện pháp cần thiết do cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân, tổ chức được nhà nước uỷ quyền để tiến hành các hoạt động cụ thể: "(1) khi cần áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với những chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật; (2) khi những quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý cụ thể không mặc nhiên phát sinh nếu thiếu sự can thiệp của nhà nước; (3) khi xảy ra tranh chấp về quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý giữa các bên tham gia quan hệ pháp luật mà các bên đó không thể tự giải quyết được; (4) trong một số quan hệ pháp luật mà nhà nước thấy cần thiết phải tham gia để kiểm

tra, giám sát hoạt động của các bên tham gia quan hệ đó, hoặc nhà nước xác nhận sự tồn tại hay không tồn tại một số sự việc, sự kiện thực tế" [44, tr.402-403]. Cũng theo hướng tiếp cận này, tác giả Nguyễn Minh Đoan và cộng sự (2019) cho rằng "ADPL là hình thức THPL, trong đó các chủ thể có thẩm quyền tổ chức cho các chủ thể pháp luật khác thực hiện những quy định của pháp luật hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật để tạo ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể" [12, tr.38-39].

Từ quan niệm của các chuyên gia pháp lý trên, cho thấy ADPL là hoạt động có tính tổ chức, quyền lực nhà nước, do các cơ quan, tổ chức hoặc các cá nhân có thẩm quyền tiến hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định nhằm cá biệt hóa các quy phạm pháp luật hiện hành vào những trường hợp cụ thể, đối với các cá nhân, tổ chức cụ thể. Thực chất đây là hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân, tổ chức được Nhà nước trao quyền nhằm tổ chức cho các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và các cá nhân khác thực thi các quy phạm pháp luật một cách đầy đủ, kịp thời, nghiêm chỉnh và thống nhất.

Trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự, VKSND là cơ quan nhà nước có thẩm quyền được pháp luật quy định rõ chức năng, nhiệm vụ để tiến hành các biện pháp, nghiệp vụ nhằm giải quyết các vụ án hình sự, trong đó thực hiện các biện pháp phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm. Vai trò phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND được thực hiện thông qua chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giải quyết vụ án hình sự thuộc thẩm quyền: (1) Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thuộc phạm vi giải quyết vụ án hình sự; (2) Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự thuộc

phạm vi giải quyết vụ án hình sự; (3) Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố thuộc phạm vi giải quyết vụ án hình sự; (4) Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự thuộc phạm vi giải quyết vụ án hình sự; (5) Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn thi hành án hình sự thuộc phạm vi giải quyết vụ án hình sự. Ở Việt Nam hiện nay, Hiến pháp năm 2013 đã hiến định: "VKSND có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất" (Khoản 3, Điều 107). Để thực hiện được nhiệm vụ đó, Luật Tổ chức VKSND năm 2014 quy định VKSND thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp nhằm bảo đảm: "a) Mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội; b) Không để người nào bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế quyền con người, quyền công dân trái luật" (Khoản 2, Điều 3) và "Việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; việc giải quyết vụ án hình sự...; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động tư pháp khác được thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc bắt, tạm giữ, tạm giam,... chế độ tạm giữ, tạm giam,... theo đúng quy định của pháp luật; quyền con người và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người bị bắt, tạm giữ, tạm giam,... không bị luật hạn chế phải được tôn trọng và bảo vệ; Mọi vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp phải được phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh" (Điểm a, b, đ, Khoản 2, Điều 4).

Như thế, *áp dụng pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của viện kiểm sát nhân dân là hoạt động của viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư*

pháp trong vụ án hình sự cụ thể để hoạt động tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, không làm oan, sai người vô tội, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội qua đó bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

2.1.2. Đặc điểm áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

Thứ nhất, ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự là hoạt động chủ động, tích cực của VKSND

Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, đây là "hình thức cơ bản, chủ yếu và quan trọng nhất, phần lớn các quy định của pháp luật chỉ có thể được thực hiện trong thực tế thông qua hoạt động của các chủ thể có thẩm quyền" [20, tr.22]. Theo đó, ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong các vụ án hình sự là trách nhiệm quan trọng của VKSND nhằm hiện thực hoá nhiệm vụ hiến định: "Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất." (Khoản 3, Điều 107, Hiến pháp 2013). Trách nhiệm đó được thể hiện thông qua thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND: "VKSND thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp" (Khoản 1, Điều 107, Hiến pháp 2013). Trên cơ sở đó, Luật Tổ chức VKSND năm 2014 cụ thể hoá các chức năng này của VKSND, trong đó:

Một là, VKSND thực hành quyền công tố trong vụ án hình sự để "thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay

từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự" (Khoản 1, Điều 3). Thông qua đó nhằm bảo đảm: "a) Mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội; b) Không để người nào bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế quyền con người, quyền công dân trái luật" (Khoản 2, Điều 3). Khi thực hiện chức năng thực hành quyền công tố, VKSND có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: "a) Yêu cầu khởi tố, hủy bỏ quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án trái pháp luật, phê chuẩn, không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; trực tiếp khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong những trường hợp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định"; "b) Quyết định, phê chuẩn việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra, truy tố theo quy định của BLTTHS"; "c) Hủy bỏ các quyết định tố tụng trái pháp luật khác trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra"; "d) Khi cần thiết đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện"; "đ) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan cung cấp tài liệu để làm rõ tội phạm, người phạm tội"; "e) Trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; tiến hành một số hoạt động điều tra để làm rõ căn cứ quyết định việc buộc tội đối với người phạm tội"; "g) Điều tra các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, các tội phạm về tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp theo quy định của luật"; "h) Quyết định việc áp dụng thủ tục rút gọn trong giai đoạn điều tra, truy tố"; "i) Quyết định việc truy tố,

buộc tội bị cáo tại phiên tòa"; "k) Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp VKSND phát hiện oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội"; "l) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc buộc tội đối với người phạm tội theo quy định của BLTTHS" (Khoản 3, Điều 3).

Đối với chức năng thực hành quyền công tố, hoạt động ADPL của VKSND trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm được tiến hành xuyên suốt từ giai đoạn tiếp nhận, giải quyết nguồn tin, tin báo tố giác tội phạm, điều tra, truy tố đến khi xét xử xong vụ án và thi hành bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình này, VKSND áp dụng pháp luật để thực hiện các thẩm quyền sau: (1) trong giai đoạn tiếp nhận, giải quyết nguồn tin tội phạm, VKSND thực hiện thẩm quyền phê chuẩn hoặc không phê chuẩn lệnh bắt giữ khẩn cấp đối với nghi phạm, gia hạn tạm giữ nghi phạm; phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, lệnh tạm giam hoặc lệnh bắt bị can để tạm giam; (2) trong giai đoạn điều tra, VKSND thực hiện thẩm quyền ban hành quyết định yêu cầu điều tra vụ án, làm rõ các tình tiết còn nghi vấn; yêu cầu thực nghiệm điều tra vụ án hình sự; hoặc kiến nghị khởi tố khi phát hiện cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo tội phạm sai phạm. BLTTHS năm 2015 (sửa đổi năm 2021) quy định: "Viện kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong trường hợp phát hiện Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà Viện kiểm sát đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục." (Điểm c, Khoản 3, Điều 145); (3) trong giai đoạn truy tố vụ án hình sự. VKSND áp dụng pháp luật để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình nhằm phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm. Theo BLTTHS 2015 (sửa đổi năm 2021), VKSND có thẩm quyền: "Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; yêu cầu Cơ quan điều tra

truy nã bị can; Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án trong trường hợp cần thiết; trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ để quyết định việc truy tố hoặc khi Tòa án yêu cầu điều tra bổ sung mà xét thấy không cần thiết phải trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra; Quyết định khởi tố, quyết định thay đổi, quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bị can trong trường hợp phát hiện còn có hành vi phạm tội, người phạm tội khác trong vụ án chưa được khởi tố, điều tra; Quyết định trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để yêu cầu điều tra bổ sung; Quyết định tách, nhập vụ án; chuyển vụ án để truy tố theo thẩm quyền, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh" (Điều 236); (4) trong giai đoạn xét xử, VKSND áp dụng pháp luật để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ công bố bản cáo trạng, công bố các văn bản bổ sung, tiến hành luận tội, xét hỏi, tranh luận đối với bị cáo hoặc người bào chữa cho bị cáo; (5) trong giai đoạn thi hành án, VKSND áp dụng pháp luật để thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án hình sự. Theo Luật Thi hành án hình sự năm 2019, Viện trưởng VKSND cấp tỉnh giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi trái pháp luật trong quản lý, giáo dục phạm nhân của người được giao quản lý, giáo dục phạm nhân. Viện trưởng VKSND cấp tỉnh giải quyết khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Viện trưởng VKSND cấp huyện (Khoản 8, Điều 178).

Hai là, VKSND kiểm sát hoạt động tư pháp trong vụ án hình sự để "kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp, được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự; (...); việc thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật" (Khoản 1, Điều 4). Thông qua đó, nhằm bảo đảm: "a) Việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; việc giải

quyết vụ án hình sự, (...); việc thi hành án; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động tư pháp khác được thực hiện đúng quy định của pháp luật; b) Việc bắt, tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù, chế độ tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù theo đúng quy định của pháp luật; quyền con người và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, người chấp hành án phạt tù không bị luật hạn chế phải được tôn trọng và bảo vệ; c) Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành nghiêm chỉnh; đ) Mọi vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp phải được phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh" (Khoản 1, Điều 4). Khi thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, VKSND có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: "a) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tư pháp theo đúng quy định của pháp luật; tự kiểm tra việc tiến hành hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền và thông báo kết quả cho VKSND; cung cấp hồ sơ, tài liệu để VKSND kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong hoạt động tư pháp; b) Trực tiếp kiểm sát; xác minh, thu thập tài liệu để làm rõ vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp; c) Xử lý vi phạm; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khắc phục, xử lý nghiêm minh vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp; kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm; d) Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật; kiến nghị hành vi, quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật; kháng nghị hành vi, quyết định có vi phạm pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền khác trong hoạt động tư pháp; đ) Kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; e) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát hoạt động tư pháp theo quy định của pháp luật" (Khoản 3, Điều 4). Đối với thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, hoạt động ADPL của VKSND trong phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm tập trung vào ba thẩm quyền: yêu cầu, kiến nghị và kháng nghị.

(1) Trong giai đoạn tiếp nhận, giải quyết nguồn tin tội phạm, hoạt động ADPL của VKSND được thực hiện thông qua Tiếp nhận đầy đủ tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố do các cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đến và chuyển ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết; Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm thông báo đầy đủ, kịp thời tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đã tiếp nhận cho VKSND; trực tiếp kiểm sát; kiểm sát việc kiểm tra, xác minh, lập hồ sơ và kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm thông báo đầy đủ, kịp thời kết quả xác minh, giải quyết cho VKSND; khi phát hiện việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì Viện kiểm sát nhân dân yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện các hoạt động sau đây: (i) tiếp nhận, kiểm tra, xác minh, ra quyết định giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đầy đủ, đúng pháp luật; (ii) kiểm tra việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và thông báo kết quả cho VKSND; (iii) cung cấp tài liệu về vi phạm pháp luật trong việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; (iv) khắc phục vi phạm pháp luật và xử lý nghiêm người vi phạm; giải quyết các tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (Điều 13, Luật Tổ chức VKSND 2014).

(2) Trong giai đoạn điều tra, hoạt động ADPL của VKSND được thực hiện thông qua việc ghi lời khai, kiểm sát việc hỏi cung, tham gia quá trình hỏi cung bị can. Trong quá trình hỏi cung, nếu thấy có dấu hiệu sai phạm, dấu hiệu bất thường, kiểm sát viên của VKSND có quyền yêu cầu Cơ quan điều tra thay điều tra viên khi dấu hiệu sai và kiến nghị với Thủ trưởng Cơ quan điều tra thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm quá trình hỏi cung được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, khách quan; kiến nghị với Cơ quan điều tra các biện pháp khắc phục.

(4) Trong giai đoạn truy tố, hoạt động ADPL của VKSND được thực hiện thông qua việc kiểm sát hoạt động tố tụng hình sự của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật; kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát hoạt động tư pháp theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (Điều 17, Luật Tổ chức VKSND 2014).

(4) Trong giai đoạn xét xử, hoạt động ADPL của VKSND được thực hiện thông qua việc kiểm sát quá trình xét xử, từ thủ tục bắt đầu phiên toà, các bước được tiến hành trong phiên toà, nếu phát hiện những sai sót, kiểm sát viên có quyền đề nghị Hội đồng xét xử phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, tổng hợp các vi phạm để ban hành kiến nghị; nếu vi phạm nghiêm trọng thì thực hành quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật. Trong quá trình kiểm sát hoạt động tư pháp, VKSND có quyền kháng nghị hoặc kiến nghị đối với các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp. Theo Điều 5 Luật Tổ chức VKNSD năm 2014, VKSND phải kháng nghị trong trường hợp "hành vi, bản án, quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, xâm phạm quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân" (khoản 1); và VKSND phải kiến nghị trong trường

hợp "hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp có vi phạm pháp luật ít nghiêm trọng không thuộc trường hợp kháng nghị" (Khoản 2), để cơ quan, tổ chức, cá nhân đó khắc phục vi phạm pháp luật và xử lý nghiêm minh người vi phạm pháp luật; nếu phát hiện sơ hở, thiếu sót trong hoạt động quản lý thì kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan khắc phục và áp dụng các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm. Theo khoản 1 Điều 336 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi năm 2021), VKSND cấp tỉnh có quyền kháng nghị bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực của TAND cấp huyện. Vậy, hoạt động ADPL của VKSND trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong các vụ án hình sự xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của VKSND trong thực hiện thẩm quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, VKSND phải luôn thể hiện sự chủ động, tích cực để khẳng định địa vị pháp lý và chức trách của mình trong "bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất".

(5) Trong giai đoạn thi hành án tử hình, hoạt động ADPL của VKSND được thực hiện thông qua việc kiểm sát việc thi hành án tử hình, VKSND kiểm sát "việc tuân theo pháp luật của Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự, người có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thi hành án hình sự" (Khoản 1, Điều 25, Luật Tổ chức VKSND 2014). Khi kiểm sát thi hành án hình sự, VKSND có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: (i) Yêu cầu Tòa án ra quyết định thi hành án hình sự; yêu cầu Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự tự kiểm tra việc thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho VKNSD; cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc thi hành án hình sự; (ii) trực tiếp kiểm sát việc

thi hành án hình sự; kiểm sát hồ sơ thi hành án hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp kiểm sát việc thi hành án phạt tù của trại giam đóng tại địa phương; (iii) quyết định trả tự do ngay cho người đang chấp hành án phạt tù không có căn cứ và trái pháp luật; (iv) đề nghị miễn, hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ chấp hành án; tham gia việc xét giảm, miễn thời hạn chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp, rút ngắn thời gian thử thách; (v) kháng nghị hành vi, quyết định có vi phạm pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc thi hành án hình sự; (vi) kiến nghị, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chấm dứt, khắc phục vi phạm pháp luật trong thi hành án hình sự; xử lý nghiêm minh người vi phạm; (vii) khởi tố hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm trong thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật; (viii) thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự (Khoản 2, Điều 25, Luật Tổ chức VKSND 2014).

Thứ hai, ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND là hoạt động theo pháp luật quy định

Để thực hiện hoạt động ADPL trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong các vụ án hình sự, Luật Tổ chức VKSND năm 2014, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và các văn bản pháp luật khác liên quan đã quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của VKSND trong thực hiện quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

Áp dụng pháp luật có tính chất bắt buộc đối với chủ thể bị áp dụng và các chủ thể liên quan. Quyết định ADPL được bảo đảm bằng sự cưỡng chế nhà nước cần thiết, vì thế hoạt động này có hình thức thủ tục chặt chẽ do pháp luật quy định. Do đó, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, những chức năng, nhiệm vụ của VKSND trong việc ADPL giải quyết vụ án hình sự nhằm phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm được quy định rõ trong pháp luật. Theo BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), VKSND "thực hành

quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, quyết định việc buộc tội, phát hiện vi phạm pháp luật nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội" (Điều 20). Việc quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của VKSND trong thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp nhằm bảo đảm VKSND thực hiện đúng và đủ thẩm quyền của mình.

Thứ ba, ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bên trong và bên ngoài

Trong quá trình thực hiện thẩm quyền ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong vụ án hình sự, VKSND chịu tác động bởi nhiều yếu tố, trong đó bao gồm các yếu tố cấu thành bên trong (yếu tố nội tại của VKSND) và các yếu tố bên ngoài (yếu tố khách quan): (1) *Đối với yếu tố bên trong*, hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong vụ án hình sự chịu tác động bởi các yếu tố: trình độ của đội ngũ kiểm sát viên, công chức; tổ chức bộ máy VKSND; các nguồn lực phục vụ cho hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKSND. Nếu các yếu tố này bảo đảm đầy đủ và tốt nhất sẽ là cơ sở để VKSND thực tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, qua đó thực hiện tốt các hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong vụ án hình sự; ngược lại, sẽ cản trở hoặc làm suy giảm chất lượng hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong vụ án hình sự; (2) *Đối với các yếu tố bên ngoài*, hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong vụ án hình sự chịu tác động bởi các yếu tố: đường lối chính trị chỉ đạo cải cách tư pháp của Đảng cầm quyền; hệ thống pháp luật về tố tụng hình sự; hệ thống pháp luật quy định về chức năng,

nhiệm vụ của VKSND trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong vụ án hình sự. Nếu các yếu tố này đầy đủ, phù hợp với thực tiễn sẽ thúc đẩy vai trò của VKSND trong hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong vụ án hình sự; ngược lại sẽ cản trở, làm suy giảm vai trò của VKSND trong hoạt động này. Hơn nữa, hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND còn chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn của VKSD cấp cao, VKSND tối cao về nghiệp vụ và các biện pháp triển khai thực hiện nhiệm vụ.

2.1.3. Vai trò áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

2.1.3.1. Đối với Nhà nước

Thứ nhất, ADPL về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND là biện pháp để các chủ thể tham gia vào quá trình giải quyết vụ án hình sự thực hiện đúng, đủ chức trách của bản thân mình

Các chủ thể trong quá trình tiếp nhận, xử lý vụ án hình sự phải thực hiện đúng, đủ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình đó vì những lý do khách quan (tính phức tạp của vụ án) hoặc vì lý do chủ quan (năng lực thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ), chủ thể có thể thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ chức trách của mình dẫn đến những sai sót trong quá trình giải quyết vụ án, vì thế việc ADPL về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND sẽ kịp thời xử lý ngay những sai phạm đó để bảo đảm kết quả giải quyết các vụ án hình sự đúng quy định pháp luật, hợp tình, hợp lý, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan.

Thứ hai, ADPL về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND thể hiện rõ vị trí, vai trò của VKSND trong thực hành chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp

Thực hành chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp là những chức năng của VKSND, chức năng này được hiện diện ở các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự. Mục tiêu hướng đến của việc thực hiện chức năng này là nhằm đảm bảo vụ án hình sự được giải quyết kịp thời, đúng quy định pháp luật, đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan sai. Việc thực hiện chức năng này của VKSND là quá trình áp dụng các quy định pháp luật, trong đó có các quy định pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự. Vì thế, ADPL về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND chính là việc thể hiện rõ vị trí, vai trò của VKSND trong thực hiện các quy định pháp luật để hiện thực hoá chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của mình trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự.

Thứ ba, ADPL về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các trường hợp oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, từ đó đảm bảo nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo đảm quyền con người của Nhà nước

2.1.3.2. Đối với bị can, bị cáo và nạn nhân, người có quyền lợi liên quan

Thứ nhất, đối với bị can, bị cáo

Áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND nhằm bảo đảm đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ pháp lý của bị can, bị cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật hình sự của mình gây ra. Thực hiện hoạt động ADPL này của VKSND để bị can, bị cáo thực hiện đầy đủ trách nhiệm pháp lý hình sự tương xứng với những thiệt hại cho nạn nhân, cho nhà nước và xã hội.

Thứ hai, đối với nạn nhân và người có quyền lợi liên quan

Áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp của nạn nhân và người có quyền lợi liên quan, từ đó nhà nước buộc người phạm tội phải đền bù thoả đáng cho nạn nhân, người có quyền lợi liên quan và xã hội bằng những biện pháp chế tài hình sự thích đáng.

2.1.3.3. Đối với xã hội

Áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND nhằm củng cố niềm tin công lý, niềm tin vào lẽ phải, niềm tin vào sự công bằng, niềm tin vào sự liêm chính của cơ quan tư pháp và sự nghiêm minh của cơ quan thực thi pháp luật và sự nghiêm khắc của pháp luật đối với những chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Điều này góp phần quan trọng vào đấu tranh phòng, chống tội phạm, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các chủ thể pháp luật, xây dựng trật tự xã hội thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, từ đó nâng cao văn hoá pháp lý và xây dựng xã hội pháp quyền, văn minh, tiến bộ.

2.2. CÁC GIAI ĐOẠN, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN, SAI VÀ BỎ LỌT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

2.2.1. Các giai đoạn áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

2.2.1.1. Xác định bản chất của vụ án hình sự để áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm của Viện kiểm sát nhân dân

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, VKSND căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của mình để xác định vụ việc có cần thiết hay không cần thiết ADPL hình sự trong giai đoạn "tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; điều tra; truy tố; xét xử và thi hành án". Ngoài ra, "VKSND trực tiếp kiểm sát; kiểm sát việc kiểm tra, xác minh, lập hồ sơ và kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra" để kịp thời thực hiện các biện pháp cần thiết khi phát

hiện việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố không đầy đủ, vi phạm pháp luật.

Trong giai đoạn *tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố*, bằng biện pháp nghiệp vụ của mình, kiểm sát viên thực hiện đánh giá hồ sơ, chứng cứ và căn cứ theo quy định pháp luật hình sự và tố tụng hình sự để xác định rõ dấu hiệu phạm tội hay không phạm tội để từ đó quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự, khởi tố hay không khởi tố bị can, để phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra hoặc cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra.

Sau khi khởi tố, Cơ quan điều tra sẽ tiến hành các hoạt động và các biện pháp nghiệp vụ để tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ, củng cố hồ sơ để phục vụ cho hoạt động truy tố. Trên cơ sở hồ sơ, chứng cứ đã thu thập được của Cơ quan điều tra, căn cứ theo quy định pháp luật hình sự, VKSND sẽ tiến hành nghiên cứu, xem xét, đánh giá hồ sơ, chứng cứ đó để đi đến kết luận hành vi đó có đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay không, nếu cấu thành tội phạm thì phạm tội gì và với hành vi phạm tội đó thì sẽ áp dụng khung hình phạt nào.

Việc phân tích bản chất vụ án hình sự của VKSND ở mỗi giai đoạn sẽ khác nhau và đó là cơ sở để VKSND thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình ở từng giai đoạn đó.

2.2.1.2. Lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp đối với vụ án hình sự cần áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm của Viện kiểm sát nhân dân

Sau khi xác định xong bản chất của vụ án hình sự, VKSND lựa chọn quy định pháp luật hình sự, quy định pháp luật tố tụng hình sự phù hợp và các quy định pháp luật khác liên quan để thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành, VKSND lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp đối với vụ án hình sự cần ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm sau:

(i) Trong giai đoạn tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, VKSND lựa chọn các quy định pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hình sự phù hợp và quy định pháp luật liên quan làm căn cứ pháp lý cho việc ban hành quyết định khởi tố hay quyết định không khởi tố vụ án, khởi tố bị can; có phê chuẩn hay không phê chuẩn các biện pháp ngăn chặn, như: bắt khẩn cấp; tạm giữ; v.v...; tiến hành thực hành quyền con người, kiểm sát hoạt động khác, như: khám nghiệm hiện trường; khám nghiệm tử thi; thực nghiệm điều tra; xem xét dấu vết trên cơ thể nạn nhân; giám định; định giá tài sản; v.v...

(ii) Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, VKSND lựa chọn các quy định pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hình sự phù hợp và quy định pháp luật liên quan làm căn cứ pháp lý cho việc xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can; đề ra yêu cầu điều tra; lập kế hoạch thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra; thực hành quyền công tố, kiểm sát việc hỏi cung bị can; thực hành quyền công tố, kiểm sát việc lấy lời khai người làm chứng, bị hại, đương sự; thực hành quyền công tố, kiểm sát việc đối chất; thực hành quyền công tố, kiểm sát việc nhận dạng, nhận biết giọng nói; thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khám xét, thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; thực hành quyền công tố, kiểm sát việc ủy thác điều tra; ra quyết định chuyển vụ án để điều tra theo thẩm quyền; căn cứ đề nghị của VKSND cấp dưới trực tiếp để xem xét ban hành quyết định gia hạn hoặc không gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam hoặc đề nghị VKSND cấp trên ban hành quyết định gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam; v.v..

(iii) Trong giai đoạn truy tố, VKSND lựa chọn các quy định pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hình sự phù hợp và quy định pháp luật liên quan làm căn cứ pháp lý để "xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo". Yêu cầu đặt ra trong giai đoạn này, VKSND phải xác định

được tính khách quan, đầy đủ, toàn diện và hợp pháp của hồ sơ, chứng cứ; và đảm bảo việc ra quyết định truy tố, cũng như các quyết định khác là có căn cứ và hợp pháp.

(iv) Trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự, kiểm sát viên đại diện cho VKSND lựa chọn các quy định pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hình sự phù hợp và quy định pháp luật liên quan làm căn cứ pháp lý để thực hiện quyền công tố (đọc bản cáo trạng, tham gia luận tội, tranh tụng đối với bị cáo) và kiểm sát hoạt động tư pháp (kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của những người tham gia tố tụng; các bản án, biên bản phiên tòa và quyết định của Tòa án, v.v...).

(v) Trong giai đoạn thi hành án hình sự, VKSND lựa chọn quy định pháp luật của BLHS, BLTTHS, Luật Thi hành án hình sự và các bản pháp luật khác có liên quan để thực hiện các nội dung sau: *Một là*, VKSND lựa chọn quy định của BLTTHS, Luật Thi hành án hình sự để kiểm sát việc Tòa án gửi bản án, quyết định sau cho Viện kiểm sát, người bị kết án và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thi hành án: quyết định thi hành án; quyết định ủy thác thi hành án; quyết định hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù; quyết định hủy quyết định hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù; quyết định đình chỉ thi hành án; quyết định đình chỉ chấp hành án phạt tù; quyết định về giảm thời hạn, miễn chấp hành án; quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; quyết định tiếp nhận phạm nhân là công dân Việt Nam phạm tội và bị kết án phạt tù ở nước ngoài được chuyển giao về Việt Nam để chấp hành án, chuyển giao phạm nhân là người nước ngoài; quyết định buộc người đang chấp hành án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; quyết định kéo dài thời hạn trực xuất; quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với người được hưởng án treo, quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; quyết định xóa án tích; *Hai là*, VKSND lựa chọn quy định tại

Điều 364 BLTTHS và Luật Thi hành án hình sự hiện hành để kiểm sát việc Toà án ra quyết định thi hành án, quyết định uỷ thác thi hành án, đó là kiểm soát thời gian, thẩm quyền ra quyết định; kiểm sát hình thức, nội dung quyết định thi hành án của Toà án; kiểm sát việc ra quyết định uỷ thác cho Toà án khác cùng cấp ra quyết định thi hành án. Ngoài ra, VKSND phối hợp với Công an, Toà án nơi đã xét xử sơ thẩm để xác định điều kiện người bị kết án được hưởng thời hiệu thi hành bản án theo quy định của pháp luật; *Ba là*, VKSND lựa chọn quy định tại Điều 269 BLTTHS hiện hành để kiểm sát việc Toà án thực hiện thủ tục xoá án tích; *Bốn là*, VKSND lựa chọn các quy định của Luật Thi hành án hình sự (Điều 178, 192, Chương XIV, v.v..) và các văn bản pháp luật khác liên quan để tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo, và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án hình sự.

Kết thúc mỗi giai đoạn, VKSND lựa chọn đúng quy phạm pháp luật được trù tính cho việc thực hiện chức năng công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm; giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; giai đoạn điều tra; giai đoạn truy tố và giai đoạn xét xử vụ án hình sự.

2.2.1.3. Ban hành quyết định và tổ chức thực hiện quyết định áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

Đây là giai đoạn quan trọng nhất của quá trình ADPL, ở giai đoạn này, những quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể của VKSND hoặc những biện pháp trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật hình sự. Căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành, VKSND sẽ quyết định hay không quyết định khởi tố vụ án hình sự; phê chuẩn hay không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; yêu cầu hay không yêu cầu, kiến nghị hay không kiến nghị đối với Cơ quan điều tra, Thủ trưởng Cơ quan điều tra thực hiện một số biện pháp cần thiết trong quá trình điều tra; ra quyết định hay không ra quyết định truy tố;

công bố bản cáo trạng, công bố các văn bản bổ sung, tiến hành tranh tụng (xét hỏi, luận tội, tranh luận) đối với bị cáo hoặc người bào chữa cho bị cáo; ra quyết định kháng nghị. VKSND sẽ quyết định và tổ chức thực hiện quyết định ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm cho từng giai đoạn tố tụng hình sự như sau:

Thứ nhất, trong giai đoạn tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Dựa trên cơ sở đánh giá bản chất vụ án hình sự và căn cứ pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, VKSND sẽ ra quyết định "phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; hủy bỏ quyết định tạm giữ, các quyết định tố tụng khác trái pháp luật; khi cần thiết đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thực hiện"; "trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong trường hợp phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm". Sau khi ban hành quyết định trên, VKSND sẽ chuyển quyết định này đến Cơ quan điều tra để tiến hành các biện pháp và thủ tục tố tụng tiếp theo, đồng thời kiểm sát chặt chẽ việc tổ chức thực hiện quyết định của VKSND.

Thứ hai, trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. VKSND sẽ yêu cầu "Cơ quan điều tra hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung hay hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; phê chuẩn, không phê chuẩn các biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật". Trong quá trình này, VKSND kiểm sát Cơ quan điều tra hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện các yêu cầu, kiến nghị, phê chuẩn của VKSND và yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật.

Thứ ba, trong giai đoạn truy tố. VKSND quyết định việc truy tố bằng bản cáo trạng, nội dung bản cáo trạng thể hiện đầy đủ cơ sở pháp lý, như: quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can, quyết định phục hồi điều tra, quyết định nhập, tách vụ án hình sự, quyết định chuyển vụ án (nếu có), v.v.. Nội dung bản cáo trạng phải trình bày rõ thời gian, địa điểm phạm tội của bị can; các tình tiết diễn biến của hành vi phạm tội, các chứng cứ phạm tội đối với bị can, các tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ. Quyết định của bản cáo trạng phải xác định rõ bị can đã phạm tội gì, ở đâu, vào thời điểm nào; lý lịch tư pháp của bị can; hành vi phạm tội của bị can và đồng bọn (nếu có) đã phạm vào điểm, điều, khoản nào của BLHS.

Thứ tư, trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự. VKSND thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, đó là: công bố bản cáo trạng, ý kiến bổ sung (nếu có), quyết định của VKSND liên quan đến việc giải quyết vụ án tại phiên tòa; tham gia xét hỏi tại phiên tòa; thực hiện việc luận tội đối với bị cáo tại phiên tòa; tranh luận với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác; "kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của TAND; kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng; kiểm sát các bản án, biên bản phiên tòa và quyết định của TAND theo quy định pháp luật"; tiến hành các hoạt động tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Thứ năm, trong giai đoạn thi hành án. VKSND thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, đó là: kiểm sát việc Tòa án gửi bản án, quyết định; kiểm sát việc Tòa án ra quyết định thi hành án, quyết định ủy thác thi hành án; kiểm sát việc đình chỉ thi hành án; kiểm sát việc áp dụng thời hiệu thi hành bản án; kiểm sát việc xóa án tích; tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án hình sự; kiểm sát việc thi hành án phạt tù; kiểm sát việc thi hành án hình sự ngoài hình phạt tù.

Ngoài ra, VKSND còn thực hiện chức năng giải quyết khiếu nại, tố cáo

và kiểm sát hoạt động khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp theo thẩm quyền của mình. Trong đó, VKSND có quyền giải quyết khiếu nại đối với các hành vi, quyết định tố tụng của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền trong thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp và của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền tiến hành hoạt động điều tra, tạm giữ, tạm giam; v.v.. Bên cạnh đó, VKSND có quyền giải quyết các tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền trong hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp; trong hoạt động điều tra; trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam, v.v.. Khi giải quyết khiếu nại, tố cáo, VKSND có quyền "tiếp nhận, phân loại, thụ lý, kiểm tra, xác minh khiếu nại, tố cáo; yêu cầu cơ quan, cá nhân giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan; áp dụng các biện pháp ngăn chặn cần thiết; ra quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo; thông báo quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo cho chủ thể khiếu nại, tố cáo".

2.2.2. Các tiêu chí đánh giá hoạt động áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

Hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND là quá trình liên tục thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND theo quy định pháp luật, được trải qua các bước có mối liên hệ chặt chẽ với nhau tạo ra một chuỗi các sự kiện pháp lý. Vì thế, việc đánh giá ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND không thể chỉ dừng lại việc đánh giá từng giai đoạn riêng lẻ mà cần đặt trong chỉnh thể, giữa các giai đoạn có mối liên hệ chặt chẽ với nhau để nhằm đưa ra bản án, quyết định xét xử của toà án đúng người, đúng tội, không làm oan, sai và BLTP. Cho nên, việc đánh giá ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cần căn cứ theo các tiêu chí sau:

Thứ nhất, tiêu chí về tính hợp pháp

Đây là yêu cầu cơ bản của quá trình ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND. Yêu cầu này đòi hỏi khi ADPL phải đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hình sự và các văn bản pháp lý liên quan đến vụ án hình sự. Ở Việt Nam, khi ADPL để giải quyết các vụ án hình sự, VKSND phải căn cứ theo BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Chỉ thị số 04/CT-VKSTC của Viện trưởng VKSNDTC ngày 10/7/2015 về tăng cường các biện pháp phòng chống oan, sai và nâng cao trách nhiệm trong giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Pháp luật tố tụng hình sự hiện hành quy định rất chặt chẽ về nhiệm vụ quyền hạn của VKSND nói chung và các chức năng pháp lý của ngành kiểm sát nói riêng. Quá trình thực hiện các biện pháp này của VKSND ở Việt Nam phải áp dụng đúng và phù hợp với các quy định tại BLTTHS hiện hành, Luật Tổ chức VKSND năm 2014; khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, kiểm sát viên phải xác định rõ từng cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng có nhiệm vụ quyền hạn cụ thể nào và trình tự, thủ tục thực hiện các chức năng, nhiệm vụ đó.

Tính hợp pháp của việc ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND thể hiện ở chỗ có thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật hay không. Thẩm quyền ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND theo lãnh thổ và theo cấp ra quyết định được quy định chặt chẽ. Mỗi cấp có thẩm quyền xử lý những loại án nào; nếu tranh chấp về thẩm quyền thì giải quyết theo trình tự nào; thẩm quyền giải quyết được xác định theo nơi phát hiện tội phạm hay tại nơi kết thúc điều tra các vụ án hình sự cũng được pháp luật quy định chặt chẽ, rõ ràng.

Tính hợp pháp của quyết định ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND còn được thể hiện trong việc các quyết định ADPL đó được ban hành theo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn của luật định. Trước hết, pháp luật quy định VKSND phải kiểm tra tính có căn cứ, trình tự ban hành các quyết định của Cơ quan điều tra như: khởi tố vụ án, khởi tố bị can, lệnh tạm giam...; đến lượt mình, VKSND khi ban hành quyết định phê chuẩn quyết định của cơ quan điều tra cũng phải tuân theo các quy định của pháp luật.

Như vậy, tính đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, thời hạn do pháp luật quy định là yêu cầu tất yếu không thể thiếu được của ADPL về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND.

Thứ hai, tiêu chí về tính chính xác, khách quan

ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND là nhằm đảm bảo cho mọi hành vi vi phạm và tội phạm phải được phát hiện, xử lý, kịp thời chính xác và đúng quy định của pháp luật, đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Chính vì vậy, các quyết định ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm các vụ án hình sự của VKSND cần phải khách quan, chính xác; điều này đòi hỏi trước khi ADPL, phải nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án hình sự, các tài liệu, chứng cứ mà tự VKSND thu thập được một cách khách quan, đầy đủ và toàn diện. Vì thế, ở Việt Nam khi ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự, VKSND cần phải:

(i) Khi xem xét quyết định khởi tố vụ án, cần xem xét căn cứ khởi tố vụ án và không khởi tố vụ án có đảm bảo như quy định tại Điều 143, 157 của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) không, đã xác định được dấu hiệu của tội phạm chưa;

(ii) Khi phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra, VKSND cần phân tích, đánh giá và phải nêu rõ trong kết luận: Ai là người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội và có đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự chưa; cần xác định rõ độ tuổi, nghề nghiệp, nơi cư trú của đối tượng phạm tội trước khi phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra;

(iii) Khi phê chuẩn Lệnh tạm giam, Lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan điều tra, VKSND cần nghiên cứu kỹ: Có đúng bị can đó đã thực hiện hành vi phạm tội hay không, tuổi của bị can, thời hạn tạm giam, có cần thiết áp dụng biện pháp tạm giam không;

(iv) Khi ra quyết định không phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra thì VKSND căn cứ điều luật nào, lý do không phê chuẩn có đúng và khách quan không hay do phán đoán theo ý chí chủ quan của kiểm sát viên;

(v) Khi ra quyết định truy tố, VKSND phải trình bày rõ trong bản cáo trạng về hành vi phạm tội của bị can, thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị can; nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội và tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án. Cùng với đó, các điều, khoản, điểm của BLHS hiện hành được áp dụng để xác định tội danh và khung hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của bị can;

(vi) Khi luận tội tại phiên tòa, kiểm sát viên của VKSND phải căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa và các quy định pháp luật liên quan. Nội dung luận tội phải "phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; tội danh, hình

phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của BLHS hiện hành, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án";

(vii) Khi tranh tụng tại phiên tòa, kiểm sát viên của VKSND phải "đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa".

Tính chính xác, khách quan của ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND được thể hiện rõ bằng việc vận dụng đúng nội dung của quy định pháp luật. Khi áp dụng, đòi hỏi người có thẩm quyền phải phân tích, đánh giá kỹ những quy phạm pháp luật cần áp dụng; nội dung quy phạm pháp luật cần điều chỉnh. Tính chính xác, khách quan còn thể hiện ở chỗ, khi ADPL người có thẩm quyền không được áp đặt ý chí chủ quan của mình; đánh giá các tài liệu, chứng cứ của Cơ quan điều tra một cách sơ sài hoặc phụ thuộc vào các tài liệu, chứng cứ của Cơ quan điều tra khi ra các quyết định ADPL.

Thứ ba, tiêu chí về đảm bảo tính khả thi

Tính khả thi của ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND có được thi hành có hiệu quả trên thực tế hay không. Các quyết định, các yêu cầu, các kiến nghị của VKSND phải được chấp hành, thực hiện trong quá trình điều tra các vụ án hình sự của các cơ quan, ban ngành hữu quan. Các quyết định phê chuẩn khởi tố bị can, phê chuẩn lệnh tạm giam của VKSND phải được thi hành ngay. Kể từ thời điểm VKSND phê chuẩn lệnh tạm giam đối với bị can thì lệnh tạm giam của Cơ quan điều tra mới có hiệu lực pháp luật. Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung phải có căn cứ, ngoài yếu tố mang tính mệnh lệnh thì yếu tố mang tính thuyết phục, có khả năng thực hiện phải được đặt lên hàng đầu. Khi phê chuẩn lệnh tạm giam, VKSND quyết định thời hạn tạm giam phải căn cứ

vào tính chất của từng loại tội phạm cũng như mức độ phức tạp của từng vụ án, khả năng có thể kết thúc điều tra vụ án để đảm bảo thời gian làm sáng tỏ các tình tiết phạm tội của bị can, phục vụ hoạt động điều tra.

2.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN SAI VÀ BỎ LỘT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

Hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND chịu sự tác động các yếu tố khách quan, chủ quan của đời sống pháp pháp lý, đời sống kinh tế - xã hội. Những điều kiện đó thay đổi đều ảnh hưởng đến hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND theo các chiều hướng khác nhau, có thể theo hướng tích cực hoặc theo hướng tiêu cực.

2.3.1. Các yếu tố khách quan

2.3.1.1. Yếu tố pháp luật

Kết quả hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND trước hết phụ thuộc vào chất lượng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự; bên cạnh đó còn là những quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động thực hiện hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND trong quá trình giải quyết vụ án hình sự thuộc thẩm quyền của mình. Để đạt được kết quả tốt trong hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND, pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Một là, pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự phải đồng bộ, thống nhất, minh bạch, dễ hiểu và dễ áp dụng, phải phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên thực tế để khi áp dụng, các chủ thể không phải băn khoăn về sự tụt hậu quá hay cấp tiến quá của các quy phạm. Tình trạng chờ đợi sự hướng dẫn, tình trạng chông chéo,

mâu thuẫn và sự thiếu hụt sẽ gây ra rất nhiều khó khăn cho VKSND khi ADPL. Các quy phạm pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự được ban hành không dựa trên các quy luật khách quan, không phản ánh được quy luật đấu tranh phòng ngừa tội phạm và phòng ngừa oan, sai, bỏ lọt tội phạm ở nước ta trong từng thời kỳ cũng như sự vận động phát triển của các quy luật phát triển kinh tế - xã hội sẽ dẫn đến hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự không đạt được kết quả như kỳ vọng. Tất nhiên, việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự còn chịu sự tác động trực tiếp của việc hoạch định chính sách hình sự và tố tụng hình sự của nhà nước và việc thể chế hóa chính sách đó vào pháp luật.

Hai là, pháp luật về tổ chức và hoạt động của VKSND và pháp luật về thủ tục tố tụng hình sự có tác động rất lớn đến hiệu quả hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND. Cách thức tổ chức và hoạt động của VKSND cần thể hiện được trách nhiệm cụ thể, rõ ràng; quy định về việc phối hợp giữa VKSND, TAND và Cơ quan điều tra của Công an phải rõ ràng, phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn. Ngoài ra, các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về địa vị pháp lý của người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng cũng cần được xác định rõ; các quy định về thời hạn từng giai đoạn của quá trình tố tụng được quy định hợp lý và các chế tài tố tụng cũng phải bảo đảm đủ độ nghiêm khắc.

2.3.1.2. Yếu tố chính trị

Phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự luôn là một trong những nội dung quan trọng của chính sách tư pháp hình sự của Đảng cầm quyền. Mục tiêu hướng đến của Đảng cầm quyền trong quá trình lãnh đạo xây dựng nền tư pháp hình sự liêm chính, hiện đại là "xét xử đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm và cũng không làm oan, sai

người vô tội". Vì thế, các định hướng về cải cách tư pháp hình sự sẽ tác động lớn đến việc cải thiện việc ADPL về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND.

Ở Việt Nam, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 xác định rõ phương hướng cải cách tư pháp là "hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người". Đây là cơ sở chính trị quan trọng để Nhà nước tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự và tố tụng hình sự để góp phần tăng cường ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND.

Trên cơ sở đó, Hiến pháp 2013 quy định: "*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền con người, quyền công dân ... được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật*" (Khoảng 1, Điều 14). Quy định này đánh dấu bước phát triển mới về địa vị pháp lý của con người, của công dân trong tiến trình lập hiến ở Việt Nam. Theo đó, Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung nguyên tắc "*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*" (Khoản 2, Điều 14). Đồng thời, để tăng cường bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong lĩnh vực tố tụng hình sự - một lĩnh vực hết sức nhạy cảm về quyền con người, quyền công dân, Hiến pháp năm 2013 quy định: "*Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của VKSND, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định*" (Khoản 1, 2, Điều 20). Hiến pháp cũng tạo ra những cơ chế hiến định để bảo đảm cho những

quyền này được thực hiện trên thực tế. Một trong những cơ này chính là thiết chế VKSND với chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, có nhiệm vụ "*bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất*" (Điều 107). Theo đó, phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm là một trách nhiệm quan trọng của VKSND trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Từ đó, Luật Tổ chức VKSND năm 2014 cũng xác định rõ khái niệm, phạm vi "thực hành quyền công tố" và "kiểm sát hoạt động tư pháp" (Điều 3); nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND khi thực hành quyền công tố, khi kiểm sát hoạt động tư pháp (Điều 3) nói chung và trong từng giai đoạn của tiến trình phát hiện, xử lý vụ án hình sự, bao gồm: (1) giai đoạn tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; (2) giai đoạn điều tra; (3) giai đoạn truy tố; (4) giai đoạn xét xử (từ Điều 12 đến Điều 19 và Điều 22).

Để bảo đảm việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 96/2015/QH13 của Quốc hội về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự, quy định của Hiến pháp và pháp luật về phòng chống oan sai, bỏ lọt tội phạm được hiệu quả, Viện trưởng VKSND tối cao đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-VKSTC ngày 10/7/2015 về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan sai và nâng cao trách nhiệm trong giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự; trong đó, đặt ra các yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể mà VKSND các cấp phải thực hiện để bảo đảm làm tốt trách nhiệm của VKSND trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm. Đồng thời, Viện trưởng VKSND tối cao cũng đã chỉ đạo toàn Ngành thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ nhằm hạn chế oan, sai và chống bỏ lọt tội phạm, bảo đảm mọi hành vi phạm tội bị phát hiện đều phải được khởi tố, điều tra, xử lý kịp thời; kết quả quán triệt, triển khai thực hiện các nhiệm vụ thể hiện trên các phương diện sau đây:

Một là, ban hành các Chỉ thị chuyên đề nhằm (i) nâng cao chất lượng công tác tranh tụng tại phiên tòa (Chỉ thị số 09/CT-VKSTC ngày 06/4/2016); (ii) tăng cường công tác kháng nghị án hình sự (Chỉ thị số 08/CT-VKSTC ngày 06/4/2016); (iii) tăng cường công tác quản lý, giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm (Chỉ thị số 04/CT-VKSTC ngày 08/3/2016); ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nhằm quán triệt thực hiện nghiêm Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, thực hiện tốt trách nhiệm của VKSND trong đấu tranh phòng chống tội phạm như: Công văn số 555/VKSTC ngày 24/02/2017 chỉ đạo thực hiện Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng tại phiên họp Thứ 10, 11 của Ban Chỉ đạo;...), văn bản số 131/TB-VKSTC-VP ngày 16/3/2015, chỉ đạo thực hiện các biện pháp chống oan, sai; văn bản số 873/VKSTC-VP ngày 17/3/2015 yêu cầu rà soát, đẩy nhanh việc giải quyết các vụ việc có dấu hiệu oan, sai, một số vụ án kéo dài thời gian giải quyết; văn bản số 1228/VKSTC-VP ngày 08/4/2015, yêu cầu phối hợp, đôn đốc quyết dứt điểm một số vụ án có dấu hiệu oan, sai.

Hai là, tổ chức các Hội nghị trực tuyến toàn Ngành để quán triệt, tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm, bao gồm: (i) quán triệt, yêu cầu cán bộ, kiểm sát viên thực hiện nghiêm túc các biện pháp bỏ lọt tội phạm; (ii) quán triệt các biện pháp khắc phục vi phạm pháp luật và lạm dụng việc bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam, bảo đảm việc phê chuẩn các quyết định, lệnh áp dụng biện pháp ngăn chặn tuân thủ đúng pháp luật; (iii) tập trung rà soát, giải quyết những đơn khiếu nại bức xúc, kéo dài về oan, sai để kháng nghị khắc phục khi có đủ căn cứ; (iv) về công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về tham nhũng nhằm nắm bắt đầy đủ tình hình tội phạm về tham nhũng; đánh giá chính xác những kết quả đã đạt được,

những khó khăn, vướng mắc trong thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết các vụ án về tham nhũng; quán triệt sâu sắc những yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; đồng thời, bàn cách tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để nâng cao tỉ lệ phát hiện tội phạm, đẩy nhanh tiến độ và xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật các vụ án tham nhũng; (v) tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm cá nhân, tổ chức, rút kinh nghiệm các trường hợp Viện kiểm sát truy tố, Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội hoặc hủy án để điều tra, xét xử lại; (vi) nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các vụ án hình sự nhằm hạn chế việc trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng".

Ba là, chỉ đạo toàn Ngành tập trung kiểm sát chặt chẽ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra, chú trọng kiểm sát việc giải quyết những kiến nghị khởi tố vụ án về tham nhũng, kinh tế, chức vụ của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán, Hải quan; nâng cao chất lượng các cuộc kiểm sát trực tiếp; thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử hình sự, trọng tâm là nâng cao chất lượng tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa, tăng cường công tác kháng nghị và thực hiện tốt thẩm quyền mới của VKSND cấp cao; chú trọng phát hiện, điều tra các vụ án tham nhũng xảy ra trong hoạt động tư pháp.

Bốn là, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng, Ban Nội chính, thực hiện tốt hơn vai trò, trách nhiệm của VKSND trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm tham nhũng, chức vụ. Nhằm tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra, thực thi đầy đủ và hiệu quả nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, chống oan, sai, bỏ lọt tội phạm và bảo đảm hoạt động điều tra tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, VKSND ở các địa phương đã chủ động cùng cơ quan Công an, Tòa án cùng cấp xây dựng các quy chế phối hợp

giải quyết án hình sự; chủ trì tổ chức các hội nghị tập huấn, rút kinh nghiệm giữa ba ngành; tích cực phối hợp trong việc phát hiện, xử lý tội phạm về kinh tế, chức vụ, tham nhũng, nhất là những vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Ban Nội chính Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy theo dõi, chỉ đạo; phối hợp nắm chắc tình hình và xử lý kịp thời các vụ việc tiềm ẩn yếu tố gây bất ổn về an ninh, trật tự trên địa bàn phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị địa phương, nhất là trong dịp tổ chức Đại hội đảng các cấp; phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp kiểm tra, giám sát việc giải quyết tố giác, tin báo; v.v...

Ngoài ra Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành các văn bản chỉ đạo mới về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc, như: Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 9/11/2018 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 04-HD/TW ngày 9/12/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc, trong đó xác định rõ: "Sự cần thiết tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật; Đảng lãnh đạo được quy định trên cơ sở hiến pháp, pháp luật và các văn bản của Đảng; Những nội dung lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đối với các vụ án, vụ việc, trong đó nhấn mạnh Đảng không can thiệp cụ thể vào tội danh, mức án, không chỉ đạo cụ thể chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan bảo vệ pháp luật".

2.3.1.3. Yếu tố kinh tế - xã hội

Sự phát triển kinh tế - xã hội sẽ kéo theo sự biến đổi mạnh mẽ mọi mặt của đời sống xã hội, trong quá trình này sẽ kéo theo những thay đổi các khía cạnh của đời sống xã hội theo cả chiều hướng cơ hội và thách thức.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, các vụ án hình sự ngày phức tạp, hành vi phạm tội trong các vụ án ngày càng tinh vi điều đó dẫn đến nguy cơ oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm trong quá trình xử lý các vụ án hình sự. Thực tế này đã và đang tạo ra những thách thức to lớn đối với việc thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong giải quyết vụ án hình sự.

Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội, trình độ phát triển khoa học, công nghệ ngày càng gia tăng, qua đó, việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, đặc biệt sử dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ để phục vụ tốt cho quá trình tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, điều tra vụ án, truy tố, xét xử. Trong đó, việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động tố tụng hình sự, nhất là phục vụ cho hoạt động xét xử trực tuyến.

Ngoài ra, sự phát triển kinh tế - xã hội sẽ góp phần gia tăng các khoản đầu tư xây dựng, nâng cấp các trụ sở làm việc của VKSND; đầu tư thêm các trang thiết bị hiện đại phục vụ tốt cho thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKND.

2.3.2. Các yếu tố chủ quan

2.3.2.1. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức của đội ngũ kiểm sát viên và công chức Viện kiểm sát nhân dân

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ kiểm sát viên và công chức VKSND đóng vai trò quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ của mình nói chung và ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm của VKSND các vụ án hình sự nói riêng. Theo quy định của pháp luật, nhiệm vụ của đội ngũ kiểm sát viên và công chức VKSND trong quá trình giải quyết vụ án hình sự là rất nặng nề để phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm. Qua đó, vụ án hình sự có được giải quyết vụ án hình sự chính xác, kịp thời, khách quan hoặc làm oan người vô tội hay không, có được quần chúng nhân dân đồng tình ủng hộ hay không phụ thuộc rất nhiều vào phẩm chất của đội ngũ kiểm sát viên và công chức VKSND. Thực tế cho thấy, khá nhiều vụ án oan, sai hoặc có thiếu sót trong thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự trong thời gian qua có nhiều nguyên

nhân từ sự không bảo đảm về trình độ, năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ kiểm sát viên và công chức VKSND làm công tác này.

Nếu đội ngũ kiểm sát viên và công chức VKSND có trình độ, năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức, có lương tâm trong sáng, có tinh thần trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, đối với xã hội, với tính mạng, sức khỏe, danh dự, tài sản của người dân thì hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm của VKSND được bảo đảm, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan, sai người vô tội. Do vậy, yêu cầu đặt ra hiện nay đối với đội ngũ kiểm sát viên, công chức VKSND thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp phải có trách nhiệm và ý thức xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội, tuyên truyền giáo dục pháp luật góp phần đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật. Trong thực hiện nhiệm vụ, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ kiểm sát viên và công chức VKSND thể hiện bằng những hành vi cụ thể, khi được giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong quá trình giải quyết vụ án hình sự phải luôn trăn trở về sự thật khách quan của vụ việc như thế nào, chứng cứ thu thập; phải nghiên cứu kỹ các chứng cứ có trong hồ sơ của vụ án; trong phiên toà kiểm sát viên phải đánh giá đầy đủ chứng cứ với tinh thần trách nhiệm, khách quan, toàn diện và đầy đủ tất cả các tình tiết của vụ án. Ngược lại, có trình độ chuyên môn nhưng "Kiểm sát viên thiếu tinh thần trách nhiệm, không thực hiện đúng, đầy đủ các công việc theo yêu cầu, không có tinh thần đấu tranh phòng, chống tội phạm, thiên vị, đố kỵ, v.v.. thì dễ dẫn đến những sai lầm hoặc thiếu sót trong công việc". Thực tế cho thấy, không ít các vụ án có sai lầm, thiếu sót hoặc yếu kém trong thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của kiểm sát viên trong các vụ án hình sự xuất phát từ trình độ, năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm của kiểm sát viên. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường và xu thế

toàn cầu hoá hiện nay, có không ít những yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ kiểm sát viên và công chức VKSND, những yếu tố tiêu cực đó đã luôn luôn tác động đến tinh thần, ý chí của kiểm sát viên trong thực hiện nhiệm vụ. Khi đội ngũ kiểm sát viên và công chức VKSND có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp, lòng yêu nghề, say mê, hứng thú trong công việc của mình thì khi thực hiện nhiệm vụ sẽ toàn tâm, toàn ý, có sáng tạo và tuân thủ nghiêm minh quy định pháp luật.

Do vậy, đội ngũ kiểm sát viên và công chức VKSND phải luôn trau dồi phẩm chất chính trị, giữ vững lập trường quan điểm, không vi phạm kỷ luật nghiệp vụ, không làm những việc trái pháp luật khi làm nhiệm vụ; kiểm sát viên và công chức VKSND phải thực hiện nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư; thận trọng, khiêm tốn; công minh, chính trực khách quan, không được để những sai sót vì "một người bị oan không chỉ họ đau khổ mà gia đình họ còn đau khổ hơn, làm điều oan cho một người nào đó thì chúng ta không còn lẽ sống nữa, bởi vì chúng ta là người Cộng sản" [7, tr.59].

2.3.2.2. Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình giải quyết vụ án hình sự

Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của VKSND bao gồm trụ sở làm việc, các phương tiện kỹ thuật phục vụ cho việc phát hiện, cập nhật, lưu giữ các thông tin về tội phạm, các thông tin phục vụ cho công tác nghiệp vụ khác, các phương tiện đi lại, phương tiện thông tin. Cơ sở vật chất của VKSND, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ kiểm sát viên và công chức VKSND có ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giải quyết các vụ án hình sự, ảnh hưởng đến việc ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm của VKSND trong giải quyết các vụ án hình sự.

Để đảm bảo hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp từ giai đoạn giải quyết nguồn tin tố giác tội phạm, điều tra, truy tố và xét xử, ngoài nguồn thông tin do Cơ quan điều tra cung cấp, VKSND còn phải có lực lượng mạnh và thông tin riêng với đầy đủ cơ sở vật chất và kinh phí nhằm đảm bảo điều kiện thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình trong giải quyết vụ án hình sự. Muốn làm được đầy đủ chức năng nhiệm vụ, ngoài yếu tố chủ quan từ phía các cán bộ của VKSND (Viện trưởng, Phó Viện trưởng, kiểm sát viên, kiểm tra viên), yếu tố khách quan không thể thiếu được đó là hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp cũng phải được trang bị và cấp phát cũng như được hưởng đầy đủ các quyền và lợi ích về vật chất như Thủ trưởng, Điều tra viên của Cơ quan điều tra và Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm phán của TAND.

Ngoài cơ sở vật chất và điều kiện làm việc chung, để VKSND thực hiện tốt nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong giải quyết các vụ án hình sự còn được trang bị các phương tiện, kỹ thuật đặc thù như máy tính để tra cứu dữ liệu luật, các phương tiện cần thiết để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, phương tiện đi lại, thông tin... phục vụ cho hoạt động giải quyết các vụ án hình sự. Bên cạnh yếu tố cơ sở vật chất và điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ của VKSND cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm của VKSND. Chế độ đãi ngộ đối với cán bộ của VKSND bao gồm "chế độ tiền lương và các khoản phụ cấp (phụ cấp nghề nghiệp, phụ cấp thâm niên...), chế độ trang phục, chế độ khám, chữa bệnh, chế độ nghỉ ngơi, nghỉ dưỡng, chế độ khen thưởng, v.v.". Nếu các chế độ này được bảo đảm thì "kiểm sát viên và công chức VKSND sẽ không phải lo đời sống của bản thân và gia đình, toàn tâm, toàn ý vào việc thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và như vậy sẽ góp phần nâng cao chất lượng thực hiện chức năng, nhiệm vụ". Chế độ đãi ngộ tốt còn tạo điều kiện thu hút những người giỏi ngoài ngành vào phục vụ cho VKSND.

2.4. ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN, SAI VÀ BỎ LỘT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

2.4.1. Áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân ở Trung Quốc

2.4.1.1. Khái quát về Viện kiểm sát nhân dân ở Trung Quốc

Ở Trung Quốc, VKSND không thuộc Chính phủ như đa số quốc gia trên thế giới, mà là một hệ thống cơ quan riêng biệt, đây là một hệ thống cơ quan độc lập thuộc Đại hội đại biểu nhân dân Trung Quốc (Quốc hội). Viện trưởng VKSND tối cao do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc bầu ra và chịu trách nhiệm trước cơ quan này. Các VKSND địa phương không thuộc hệ thống cơ quan hành chính ở địa phương, Viện trưởng VKSND ở địa phương do Đại hội đại biểu nhân dân ở địa phương bầu ra và chịu sự giám sát của Đại hội đại biểu nhân dân địa phương. Theo Hiến pháp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định, VKSND cơ quan giám sát pháp luật của nhà nước (Điều 129), việc thành lập VKSNDTC, các VKSND ở các cấp khác nhau, VKS quân sự và các VKS đặc biệt (ví dụ như VKS đường sắt) (Điều 130).

Theo Hiến pháp, VKSNDTC được thành lập bởi Quốc hội và chịu trách nhiệm trước Quốc hội (Điều 133); VKSNDTC được thành lập tại cùng một cấp với TANDTC và Chính phủ. VKSND tại Trung Quốc thực hiện quyền kiểm sát một cách độc lập theo quy định của pháp luật. Quyền này được Hiến pháp bảo đảm (Điều 131). Hiến pháp cũng quy định rằng VKSND không chịu sự can thiệp của bất kỳ cơ quan hành chính, tổ chức xã hội hay cá nhân nào. VKSND cùng với TAND và cơ quan công an xử lý các vụ án hình sự phải phân công trách nhiệm, phối hợp lẫn nhau, chế ước lẫn nhau bảo đảm chấp hành pháp luật chính xác, có hiệu quả (Điều 135) [19].

Điều 5 Luật Tố tụng hình sự cũng bảo vệ sự độc lập của cơ quan kiểm sát khi thực hiện các chức năng của mình trong hoạt động tố tụng hình sự. Cơ quan kiểm sát thực hiện thẩm quyền kiểm sát việc tuân thủ pháp luật, bao gồm cả đối với hoạt động xét xử hình sự (Điều 8 Luật Tố tụng hình sự), trên cơ sở Điều 129 Hiến pháp và Điều 1 Luật tổ chức VKSND năm 1999. Khái niệm độc lập của ngành kiểm sát tại Trung Quốc bảo đảm việc độc lập thực hiện chức năng kiểm sát trong khi không thiết lập nên một hệ thống quyền lực mới. Đây là bảo đảm pháp lý để VKS có thể thực hiện thẩm quyền của mình mà không chịu sự can thiệp của bất kỳ cơ quan, tổ chức nào. Nó cũng hạn chế khả năng của VKS trong việc can thiệp vào việc thực thi các thẩm quyền hợp pháp của các cơ quan khác, như tòa án, cảnh sát, trừ trường hợp pháp luật cho phép. Cơ cấu và quyền hạn của các cơ quan kiểm sát Trung Quốc được quy định tại Luật Tổ chức VKSND năm 1983 và Luật về Kiểm sát viên nhân dân năm 1995 (được sửa đổi năm 2001). Cơ quan kiểm sát dưới VKSNDTC được tổ chức tại các cấp hành chính khác nhau của Nhà nước. VKSNDTC là cơ quan cao nhất trong hệ thống thứ bậc của tổ chức kiểm sát, lãnh đạo công tác của các VKSND cấp dưới và VKSND đặc biệt (Điều 133 Hiến pháp). Trong hoạt động tố tụng hình sự, VKSND cấp trên có quyền bác bỏ hoặc sửa đổi bất kỳ quyết định nào của VKSND cấp dưới (Điều 7 Quy tắc tố tụng hình sự đối với các VKSND năm 1999).

Liên quan đến hoạt động tố tụng hình sự, VKSND được giao ba loại thẩm quyền và trách nhiệm khác nhau: (i) trực tiếp tiến hành điều tra một số loại tội phạm hình sự nhất định, bao gồm cả hành vi sai trái và tham nhũng của quan chức và bức cung; (ii) thực hành quyền công tố đối với các tội hình sự; (iii) giám sát: thực hiện giám sát thi hành pháp luật; tuân thủ pháp luật trong quá trình tố tụng, kể cả tố tụng dân sự, hành chính, hình sự và thi hành án. Trên nhiều phương diện, VKSND không thể thực thi thẩm quyền kiểm sát của mình một cách thống nhất và có hiệu quả, đặc biệt là trong lĩnh vực pháp

luật và xử phạt hình sự, một phần vì cơ quan này được yêu cầu trong thời gian diễn ra các chiến dịch truy quét chống tội phạm nghiêm trọng phối hợp hành động với các cơ quan công an và tòa án nhằm đấu tranh một cách khẩn trương và không khoan nhượng chống lại các loại tội phạm được xác định.

Theo Quy tắc Tố tụng hình sự đối với các VKSND, để đáp ứng yêu cầu ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm, VKSND phải chấp hành nghiêm túc và thực hiện đúng chức năng quyền hạn của mình trong tố tụng hình sự, căn cứ vào "Luật Tố tụng hình sự nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa" và "Luật tổ chức VKSND nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa" và các luật hữu quan, kết hợp với thực tế công tác của VKSND (Điều 1) [56]. Nhiệm vụ của VKSND trong tố tụng hình sự là điều tra các vụ án VKSND trực tiếp thụ lý, phê chuẩn hoặc quyết định bắt giữ, truy tố, thực hiện giám sát pháp luật trong tố tụng hình sự, bảo đảm làm rõ sự thật một cách chính xác và kịp thời, vận dụng đúng đắn pháp luật, trừng phạt các phần tử phạm tội, bảo đảm người vô tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bảo đảm việc thi hành pháp luật hình sự của Nhà nước một cách thống nhất, đúng đắn để bảo vệ pháp chế XHCN, bảo vệ quyền thân thể, quyền tài sản, quyền dân chủ và các quyền khác của công dân, bảo đảm tiến hành thuận lợi sự nghiệp xây dựng XHCN (Điều 2) [56].

2.4.1.2. Đánh giá hoạt động áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân ở Trung Quốc

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, VKSND thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định để nhằm phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm, cụ thể là:

Thứ nhất, đảm bảo về tính hợp pháp trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình

Theo Điều 32 của Quy tắc Tố tụng hình sự VKSND, VKSND căn cứ

vào tình hình vụ án, có thể bắt giữ người tình nghi phạm tội; việc bắt giữ phải được Viện trưởng VKSND phê chuẩn và cấp lệnh bắt giữ. Theo quy định này, ngay trong giai đoạn tiếp nhận, giải quyết nguồn tin tố giác tội phạm, VKSND phải thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Trong quá trình tố tụng hình sự, VKSND cấp trên có quyền huỷ bỏ, thay đổi quyết định của VKSND cấp dưới; có quyền ra lệnh cho VKSND cấp dưới sửa chữa, nếu phát hiện có sai sót trong các vụ án do VKSND cấp dưới giải quyết (Điều 7) [56].

Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của cảnh sát trong từng giai đoạn của quá trình điều tra. Hình thức giám sát này là nhằm bảo đảm rằng cơ quan cảnh sát tuân thủ pháp luật trong từng giai đoạn của quá trình điều tra, bao gồm cả việc phòng ngừa hành vi trái pháp luật như bắt người mà không đủ chứng cứ. Thẩm quyền này cũng cho phép VKSND yêu cầu cảnh sát phải tiến hành điều tra vụ án. Ví dụ, nếu cảnh sát từ chối khởi tố vụ án, người tố cáo có thể yêu cầu VKSND xem xét lại quyết định này. Viện kiểm sát nhân dân phải chất vấn cảnh sát về lý do không khởi tố, nếu không thỏa mãn với giải trình của cảnh sát thì VKSND sẽ yêu cầu cảnh sát phải khởi tố vụ án. Việc thực hiện chức năng giám sát cũng cho VKSND quyền được đình chỉ điều tra nếu xét thấy không đủ chứng cứ để tiếp tục truy tố. Chẳng hạn, trong trường hợp VKSND bác đề nghị bắt hoặc gia hạn tạm giam trong quá trình điều tra hoặc xác định rằng không có đủ chứng cứ để truy tố, thì cảnh sát phải trả tự do cho người bị giam giữ. VKSND có trách nhiệm bảo đảm rằng cảnh sát không giam người quá hạn và nếu có tạm giam quá hạn thì phải được VKSND phê chuẩn. Mặc dù theo pháp luật thì VKSND có thẩm quyền rất rộng trong việc giám sát tuân thủ pháp luật trong hoạt động của kiểm sát nhưng do những lý do nêu trên, trên thực tế, hình thức giám sát này rất yếu.

Điều 42 Luật Tố tụng hình sự cấm việc tra tấn để ép người bị tình nghi phạm tội nhận tội hoặc thu thập chứng cứ bằng cách đe dọa, dụ dỗ, lừa gạt

hoặc các biện pháp trái pháp luật khác. Tuy nhiên, Luật không quy định chứng cứ có được bằng cách sử dụng những phương pháp nêu trên là tự nó không được chấp nhận. Đúng hơn là có một điều khoản kém thuyết phục hơn nhiều quy định rằng khi có kháng cáo, tòa án cấp phúc thẩm có thể hủy bỏ quyết định của tòa án cấp sơ thẩm và trả hồ sơ để xét xử lại nếu các quyền tố tụng của các bên đã bị vi phạm và điều đó có thể ảnh hưởng đến tính khách quan của việc xét xử (Điều 191 Luật Tố tụng hình sự). Việc ép buộc người bị tình nghi phạm tội phải nhận tội bằng cách tra tấn tự nó là một tội phạm có thể bị phạt tù có thời hạn (Điều 247 Luật Tố tụng hình sự). Tháng 11 năm 2009, VKSNDTC ban hành Quy định về một số vấn đề liên quan đến hoạt động điều tra và sử dụng chứng cứ trong các vụ án có quy định hình phạt tử hình. Văn bản này nghiêm cấm các kiểm sát viên không chỉ thu thập chứng cứ bằng cách tra tấn mà còn cấm khởi tố vụ án, nếu việc điều tra hoặc sử dụng chứng cứ thu thập được bằng cách tra tấn trong các vụ án có quy định hình phạt tử hình.

VKSND ra quyết định khởi tố, điều tra các vụ án lợi dụng chức quyền để bắt giữ trái phép, dùng nhục hình bức cung, báo thù hãm hại, khám xét trái phép, xâm phạm quyền tự do thân thể, quyền dân chủ của công dân (Điều 8) [56]. Các tội này đã được quy định cụ thể tại Luật hình sự của Trung Quốc: Điều 238 - Tội bắt giữ trái phép; Điều 245 - Tội khám xét trái phép; Điều 247 - Tội nhục hình bức cung; - Điều 247 Tội dùng bạo lực để thu thập chứng cứ; Điều 248 - Tội đánh đập, ngược đãi người bị giam giữ; Điều 254 - Tội hãm hại báo thù.

Nếu VKSND phát hiện TAND vi phạm luật trong quá trình xét xử thì VKSND có quyền ra kiến nghị với tòa án đề nghị khắc phục vi phạm đó (Điều 169 Luật Tố tụng hình sự). Quan trọng hơn, nếu VKSND phát hiện có sai sót trong bản án của tòa án, thậm chí đó là bản án chung thẩm, thì VKSND ở cấp trên cấp của tòa án đã ra bản án có thể ra văn bản kháng nghị và yêu cầu tòa án xét xử lại vụ án (Điều 18, Luật Tổ chức VKSND).

Năm 2007, VKSND kháng nghị 2.766 vụ án hình sự (bao gồm các vụ tham nhũng và lạm dụng chức vụ), trong đó 496 kháng nghị đã được rút trước khi bắt đầu phiên tòa xét xử lại. Theo kết quả xét xử lại, đã có 568 bản án bị bác bỏ và 686 bản án được sửa đổi [76, tr.63].

Thứ hai, đảm bảo tính chính xác, khách quan trong thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, giải quyết nguồn tin tố giác tội phạm, khởi tố, điều tra và truy tố

Trong những trường hợp cụ thể, VKSND có thể quyết định tạm giữ người tình nghi phạm tội khi xét thấy một trong những trường hợp sau: (i) sau khi phạm tội tìm cách tạt sát, chạy trốn hoặc đang chạy trốn; (ii) có khả năng huỷ hoại, làm giả chứng cứ hoặc thông cung. Sau khi VKSND ra quyết định tạm giữ, cần chuyển ngay cho cơ quan công an chấp hành, khi cần thiết (Điều 76, 78) [56]. Đối với người bị tình nghi phạm tội đã có đủ chứng cứ chứng minh thực sự phạm tội và có khả năng bị xử phạt tù giam, nếu VKSND thấy rằng áp dụng biện pháp cho bảo lãnh chờ xét xử hoặc giám sát nơi cư trú, v.v.. chưa đủ để ngăn chặn hiểm hoạ cho xã hội và cần phải bắt giam, thì phải phê chuẩn và ra quyết định tạm giam. Căn cứ chứng minh sự thật là tội phạm phải đảm bảo đủ các điều kiện sau: (i) Có chức cứ chứng minh sự thật phạm tội; (ii) Có chứng cứ chứng minh tội phạm thực sự do người bị tình nghi gây ra; (iii) Chứng cứ chứng minh người bị tình nghi phạm tội đã được thẩm tra xác thực (Điều 86) [56].

Cơ quan điều tra của VKSND khi thụ lý các vụ án do cơ quan Công an cùng cấp đề nghị phê chuẩn bắt giam, cần phải thẩm tra rõ ràng xem công văn đề nghị phê chuẩn bắt giam và tài liệu hồ sơ vụ án có đầy đủ hay không (Điều 98). Đối với người tình nghi phạm tội do cơ quan Công an đề nghị phê chuẩn bắt giam, VKSND sau khi thẩm tra thấy phù hợp với quy định pháp luật thì cần phải đưa ra quyết định phê chuẩn bắt giam và chuyển giao cùng với tài liệu hồ sơ cho cơ quan Công an thi hành (Điều 100) [56].

Viện kiểm sát nhân dân trực tiếp thụ lý việc trình báo, tố cáo, tố giác và

việc tự thú của người bị tình nghi phạm tội do hoặc không do VKSND quản lý theo quy định. Trung tâm xử lý tin báo, tố giác tội phạm của VKSND chịu trách nhiệm thụ lý và quản lý thống nhất mọi tin báo, tố giác tội phạm. Viện trưởng VKSND và các cơ quan của Viện hoặc các nhân viên cần phải kịp thời cho biết ý kiến và chuyển giao các tin báo, tố giác tội phạm mà mình tiếp nhận cho Trung tâm xử lý. Sau đó, Trung tâm xử lý tố giác cần phải kịp thời thẩm tra, đồng thời căn cứ vào tình hình khác nhau của các tin báo, tố giác tội phạm và quy định về phạm vi quản lý, trong vòng 7 ngày phải xử lý (Điều 120, 121, 122, 124) [56]. Khi VKSND thấy cần thiết phải lập hồ sơ, điều tra vụ án thì phải ra quyết định lập hồ sơ (quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can) (Điều 133) [56].

Việc thẩm vấn người bị tình nghi phạm tội do cán bộ kiểm sát chịu trách nhiệm tiến hành. Khi thẩm vấn, phải có từ 2 cán bộ kiểm sát trở lên và có thể sử dụng đồng thời hình thức ghi âm, ghi hình (Điều 136, 144) [56]; người tình nghi phạm tội có thể mời 1-2 luật sư giúp đỡ về pháp luật (Điều 146) [56]. Trong quá trình này, VKSND cần phải kịp thời lấy lời khai của nhân chứng, đồng thời thông báo cho nhân chứng biết quyền lợi và nghĩa vụ của họ cần thực hiện (Điều 157) [56]; bên cạnh đó, các hoạt động khám nghiệm, kiểm tra, khám sát, điều tra thu thập, thu thập vật chứng, chứng cứ giấy tờ và tài liệu nghe nhìn, thẩm tra, phong toả tiền gửi, tiền chuyển khoản, giám định, v.v.. được VKSND thực hiện theo đúng trình tự và thủ tục Luật Tố tụng hình sự quy định. Trong những trường hợp cụ thể, cơ quan thẩm tra bắt giữ giải quyết việc thẩm tra, phê chuẩn hoặc quyết định gia hạn thời hạn tạm giam điều tra của VKSND (Điều 226) [56]. Khi kết thúc giai đoạn điều tra, VKSND thụ lý các vụ án do cơ quan công an cùng cấp chuyển đến để thẩm tra truy tố. Theo quy định của Luật Tố tụng hình sự về phạm vi quản lý, nếu thấy rằng phải do VKSND cấp trên hoặc VKSND cùng cấp khác truy tố thì phải do VKSND chuyển vụ án cho VKSND có quyền quản lý thẩm tra truy

tố. Theo Điều 150 của Luật Tố tụng hình sự, vụ án do VKSND đưa ra cáo trạng, cần phải chuyển giao cho TAND quyết định truy tố.

Thứ ba, các quyết định hoặc kiến nghị của VKSND trong quá trình giải quyết vụ án hình sự phải đảm bảo tính khả thi

Trong giai đoạn khởi tố vụ án, đây là bước đầu tiên khi bắt đầu tiến hành hoạt động điều tra hình sự. Hoạt động điều tra chính thức chỉ có thể được tiến hành sau khi vụ án đã được khởi tố. Điều 83 Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu cơ quan công an hoặc VKSND, trong phạm vi thẩm quyền điều tra tương ứng của mình, khởi tố vụ án khi phát hiện các tình tiết tội phạm hoặc người bị tình nghi phạm tội. VKSND chịu trách nhiệm khởi tố những vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của mình. TAND chịu trách nhiệm khởi tố một số vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại (Điều 88).

Trong những năm vừa qua, việc cơ quan điều tra không khởi tố những vụ án cần được điều tra xảy ra thường xuyên hơn. Cả cảnh sát lẫn VKSND đều bị chỉ trích là không chịu khởi tố một số loại vụ án nhất định ngay cả khi đã có tố cáo. Do số vụ án do cảnh sát điều tra nhiều hơn số vụ án do VKS trực tiếp điều tra nên cảnh sát bị chỉ trích nhiều hơn. Thực tế cho thấy cảnh sát thường không khởi tố những vụ án khó, có thể ảnh hưởng đến tỷ lệ "phá án" hay thành tích của họ. Theo quy định tại Điều 87, Luật Tố tụng hình sự, VKS có quyền yêu cầu cảnh sát giải thích lý do không khởi tố vụ án. Trong trường hợp thấy rằng vụ án cần được khởi tố và những lý do mà cảnh sát đưa ra không thỏa đáng thì VKS có thể chỉ đạo cảnh sát khởi tố vụ án. Năm 2007, "VKSND đã thực hiện quyền giám sát khởi tố của mình đối với 19.172 vụ án trong hai trường hợp" [76, tr.39-55]: *Trường hợp thứ nhất*, VKSND yêu cầu cảnh sát khởi tố vụ án; *Trường hợp thứ hai*, sau khi bị VKSND yêu cầu giải thích lý do vì sao không khởi tố vụ án, cơ quan điều tra hình sự đã quyết định khởi tố vụ án. Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra có thể lấy lời khai của người làm chứng và nạn nhân tại nơi ở của họ. Những người này được yêu cầu trả lời

trung thực (từ Điều 97 đến Điều 100 Luật Tố tụng hình sự). Các chuyên gia có thể được mời đến để tiến hành giám định và cho ý kiến chuyên môn (Điều 119 và Điều 120 Luật Tố tụng hình sự). Nghi phạm được thông báo về kết luận của chuyên gia mà sau đó sẽ được dùng làm chứng cứ. Nghi phạm có quyền yêu cầu chuyên gia khác giám định bổ sung và được quyền xem báo cáo kết luận của chuyên gia đó (Điều 121 Luật Tố tụng hình sự) [76, tr.56-57].

Giai đoạn truy tố, sau khi hoạt động điều tra kết thúc và cơ quan điều tra kết luận là chứng cứ đã rõ ràng, đầy đủ và đáng tin cậy, cơ quan điều tra sẽ có văn bản đề nghị truy tố. Văn bản này cùng với hồ sơ vụ án và chứng cứ chứng minh được chuyển cho VKS cùng cấp (Điều 129 Luật Tố tụng hình sự). Để quyết định có truy tố hay không, VKSND phải xem xét liệu các tình tiết phạm tội đã rõ hay chưa và chứng cứ đã đầy đủ và đáng tin cậy hay chưa, lời buộc tội đã được đưa ra đúng đắn chưa, liệu còn có hành vi phạm tội nào bị bỏ sót hoặc có người nào khác nữa phải được điều tra hay không, liệu trách nhiệm hình sự cần được điều tra thêm và liệu hoạt động điều tra đã được tiến hành một cách hợp pháp hay chưa (Điều 137 Luật Tố tụng hình sự). VKSND phải quyết định việc truy tố trong thời hạn 01 tháng kể từ thời điểm nhận được văn bản của cơ quan công an đề nghị truy tố và có thể gia hạn nửa tháng trong trường hợp vụ án phức tạp hoặc quan trọng (Điều 138 Luật Tố tụng hình sự).

2.4.2. Áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân ở Liên bang Nga

2.4.2.1. Khái quát về Viện kiểm sát nhân dân ở Liên bang Nga

Theo quy định của Hiến pháp Liên bang Nga hiện hành, "Viện kiểm sát Liên bang Nga là một hệ thống tập trung thống nhất với sự phục tùng của Kiểm sát viên cấp dưới đối với Kiểm sát viên cấp trên và Viện trưởng Viện kiểm sát Liên bang Nga (khoản 1 Điều 129)" [55, tr.103]. Luật tổ chức Viện kiểm sát Liên bang Nga quy định Ủy ban kiểm sát được thành lập ở hai cấp

Viện kiểm sát là Tổng Viện kiểm sát Liên bang Nga và Viện kiểm sát các chủ thể thuộc Liên bang Nga và cấp tương đương (các Viện kiểm sát quân sự và các Viện kiểm sát chuyên môn khác ngang cấp với chúng). Thành phần Ủy ban kiểm sát ở Tổng Viện kiểm sát Liên bang Nga gồm có Tổng kiểm sát trưởng Liên bang Nga (Chủ tịch), Phó Tổng kiểm sát trưởng thứ nhất, các Phó Tổng kiểm sát trưởng khác và các kiểm sát viên (các cán bộ kiểm sát khác) do Tổng kiểm sát trưởng Liên bang Nga chỉ định. Ở Viện kiểm sát chủ thể liên bang Nga, Viện kiểm sát quân sự, Viện kiểm sát chuyên môn khác, Ủy ban kiểm sát gồm Kiểm sát trưởng chủ thể liên bang, cấp phó của họ, Kiểm sát viên (cán bộ kiểm sát khác) do Kiểm sát trưởng chủ thể Liên bang Nga chỉ định (Khoản 2, Điều 14 và Điều 15 Luật tổ chức Viện kiểm sát Liên bang Nga năm 2011). Ủy ban kiểm sát có vai trò là *cơ quan tư vấn*. Trên cơ sở các nghị quyết của Ủy ban kiểm sát, các Kiểm sát trưởng sẽ ban bố các mệnh lệnh của mình (Điều 20 Luật tổ chức Viện kiểm sát Liên bang Nga năm 2011). Liên bang Nga quy định Kiểm sát viên có 4 ngạch: Tổng kiểm sát trưởng Liên bang Nga; Kiểm sát trưởng các chủ thể Liên bang Nga; Kiểm sát trưởng các tỉnh, thành phố; Kiểm sát trưởng các quận, huyện. Luật không quy định cụ thể bậc Kiểm sát viên.

2.4.2.2. Đánh giá hoạt động áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân ở Liên bang Nga

Thứ nhất, Liên bang Nga quy định không cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào công việc của Viện kiểm sát

Để bảo đảm tính độc lập trong hoạt động tư pháp, Liên bang Nga nghiêm cấm các cơ quan, tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền can thiệp vào công việc của Viện kiểm sát. Thực tế cho thấy, Viện kiểm sát Liên bang Nga có vị trí độc lập với cơ quan hành pháp và tư pháp, vì thế "Viện trưởng Viện kiểm sát Liên bang do Hội đồng Liên bang (Thượng viện) bổ nhiệm và

cho thôi giữ chức vụ theo đề nghị của Tổng thống Liên bang Nga. Các Viện kiểm sát thực hiện thẩm quyền của mình một cách độc lập với các cơ quan quyền lực nhà nước của Liên bang (khoản 2 Điều 129)" [55, tr.103-104]; "Kiểm sát viên của các chủ thể Liên bang Nga do Viện trưởng Viện kiểm sát Liên bang Nga bổ nhiệm có sự thoả thuận với các chủ thể Liên bang Nga. Các kiểm sát viên khác do Viện trưởng Viện kiểm sát Liên bang Nga bổ nhiệm (khoản 3 Điều 129)" [55, tr.104].

Thứ hai, Liên bang Nga quy định chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát trong việc bảo đảm tự do và các quyền khác của con người, của công dân. Đây là một trong những quy định rất quan trọng để đảm bảo việc ADPL của về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân ở Liên bang Nga

Theo Luật tổ chức Viện kiểm sát Liên bang Nga năm 2011 quy định một chương riêng - *Chương II: Chức năng, nhiệm vụ kiểm sát việc chấp hành pháp luật về bảo đảm tự do và các quyền khác của con người, của công dân*, trong đó quy định đối tượng công tác kiểm sát bảo vệ quyền con người rất rộng, bao trùm đối với tất cả các chủ thể cơ quan, tổ chức, cá nhân mà thẩm quyền của họ tác động và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền con người. Theo Điều 26 Luật này, đối tượng hoạt động kiểm sát bảo vệ quyền con người gồm: hoạt động của các bộ, các ủy ban, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan hành pháp nhà nước liên bang; các cơ quan lập pháp (đại diện) và hành pháp của các chủ thể liên bang; các cơ quan quản lý tự quản địa phương, các đơn vị vũ trang, các cơ quan thanh tra, những người có chức vụ, quyền hạn của các cơ quan này; các chủ thể thực hiện giám sát, hỗ trợ tại các nơi giam giữ bắt buộc; các cơ quan quản lý và người lãnh đạo các tổ chức kinh tế và phi kinh tế trong việc bảo đảm tự do và các quyền khác của con người và của công dân. Đồng thời, quy định cụ thể quyền hạn của Kiểm sát viên nhằm bảo vệ quyền con người như: Xem xét, kiểm tra các đơn khiếu nại, tố giác và các thông báo

khác về các vi phạm quyền con người, quyền công dân; Đề ra các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa các vi phạm quyền con người, áp dụng các biện pháp truy cứu trách nhiệm đối với người vi phạm pháp luật, bồi thường các thiệt hại do vi phạm gây ra theo quy định của luật. Tùy theo tính chất, mức độ hành vi vi phạm, Kiểm sát viên có quyền khởi tố vụ án theo trình tự hành chính, khởi kiện vụ án dân sự, kinh tế và tham gia phiên tòa bảo vệ lợi ích cho những người bị hại trong trường hợp họ không thể tự mình bảo vệ quyền lợi trước Tòa án. Kiểm sát trưởng hoặc Phó Kiểm sát trưởng có quyền kháng nghị, kiến nghị chấm dứt việc ban hành văn bản và các hành vi vi phạm quyền tự do, quyền công dân và các quyền khác của con người (Điều 27, 28). Tinh thần này cũng được thể hiện trong các quy định cụ thể về chức trách, nhiệm vụ của Kiểm sát viên trong từng lĩnh vực công tác của Viện kiểm sát Liên bang Nga.

Thứ ba, Liên bang Nga cho phép Viện kiểm sát áp dụng thủ tục đặc biệt cho việc ra quyết định tư pháp dựa trên sự đồng ý của bị cáo với các tội danh trong một số trường hợp nhất định. Với quy định này góp phần gia tăng thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc áp dụng các quy định pháp luật để phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự

Mặc dù Liên bang Nga tuy không quy định rõ thẩm quyền tùy nghi truy tố của Viện kiểm sát nhưng trong quy định về trình tự và thẩm quyền truy tố kể từ năm 2001, Luật Tố tụng hình sự Liên bang Nga năm 2001 đã quy định thẩm quyền tương tự, như cho phép Viện kiểm sát áp dụng "thủ tục đặc biệt cho việc ra quyết định tư pháp dựa trên sự đồng ý của bị cáo với các tội danh", nếu bị cáo bị cáo buộc tội danh có thể bị phạt tù dưới 10 năm và Kiểm sát viên hoặc bên bị hại không phản đối. Kiểm sát viên sau khi khởi tố vụ án hình sự có quyền "*thỏa thuận hợp tác trước khi xét xử*" với nghi phạm hoặc bị cáo, điều này có thể dẫn tới việc đình chỉ vụ án có mức độ nghiêm trọng vừa hoặc thấp nếu người phạm tội và người bị hại đã hòa giải và người phạm tội có bồi thường (Điều 25 Luật Tố tụng hình sự Liên bang Nga năm 2001) hoặc

nếu bị cáo bày tỏ sự ăn năn, hối hận. Trên thực tế, "thỏa thuận với tội danh" đã được sử dụng để giải quyết 42,5% số vụ tại tòa phúc thẩm (các tội tiểu hình), 50% số vụ tại tòa án quận huyện, và 9% tổng số vụ trọng tội cấp cao hơn (nơi có thể xét xử bằng bồi thẩm đoàn) năm 2008 và tỷ lệ này không ngừng tăng lên trong những năm gần đây.

2.4.2. Một số nhận xét chung và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

2.4.2.1. Một số nhận xét chung

Thứ nhất, hệ thống cơ quan Viện Kiểm sát tại Trung Quốc và Liên bang Nga vẫn đang ở trong giai đoạn xây dựng lại về mặt thể chế, nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ thuật của các kiểm sát viên. Đây là đặc trưng của mô hình Viện Kiểm sát ở các nước đang chuyển đổi. Trình độ học vấn của đội ngũ kiểm sát viên đã được nâng lên đáng kể từ sau khi thực hiện yêu cầu kiểm sát viên phải trải qua kỳ thi tư pháp quốc gia. Trong khi về mặt pháp lý VKSND có thẩm quyền rất lớn về kiểm sát việc tuân thủ pháp luật đối với hoạt động điều tra của cơ quan công an và việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế liên quan, trong hoạt động xét xử của tòa án và công tác thi hành án tại các nhà tù, nhưng việc thực thi các quyền nói trên trong thực tế tiếp tục bị hạn chế nghiêm trọng. Với thẩm quyền đó, VKSND có vai trò rất lớn đối với việc ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự.

Thứ hai, ở mức độ rộng nhất, Viện Kiểm sát tại Trung Quốc và Liên bang Nga là một trong các "cơ quan tư pháp" của Nhà nước, có trách nhiệm tham gia tích cực, đầy đủ trong các cuộc tấn công mạnh mẽ chống các tội phạm nghiêm trọng theo mục tiêu từng thời kỳ. Nhằm mục tiêu này, các cơ quan tư pháp được yêu cầu phối hợp chặt chẽ. Trong các đợt cao điểm đấu tranh phòng chống tội phạm, mối quan tâm của các cơ quan tư pháp hình sự là hợp tác để đạt các mục tiêu nói trên chứ không phải gây cản trở hay trì hoãn việc truy tố và kết án. Ở mức độ thực tế hơn, thẩm quyền kiểm sát của

VKSND chỉ có thể được thực thi sau khi sự việc đã diễn ra và kết quả là VKSND có rất ít quyền kiểm soát thực tế đối với hoạt động của các cơ quan điều tra hình sự trong quá trình điều tra tội phạm và hỏi cung người bị tình nghi phạm tội.

Thứ ba, mối quan hệ giữa VKSND và cơ quan công an tại Trung Quốc khá phức tạp, do thực tế là VKSND cũng cần có sự hợp tác của cơ quan công an để thi hành các biện pháp cho bảo lãnh, quản thúc tại gia, các lệnh tạm giam và bắt khi vấn đề liên quan đến các vụ án do VKSND trực tiếp điều tra. Mối quan hệ giữa VKSND và tòa án trở nên phức tạp do VKSND thực hiện thẩm quyền kiểm sát hoạt động xét xử thông qua quyền kháng nghị của mình.

Thứ tư, vấn đề nâng cao chuẩn mực chuyên môn của hoạt động kiểm sát liên quan đến hoạt động điều tra, xử lý chứng cứ, thực hành quyền công tố tại tòa án và thực hiện chức năng kiểm sát cũng đang được triển khai tại Trung Quốc, Liên bang Nga và đây đang trở thành mối quan tâm lớn của Nhà nước Trung Quốc, Liên bang Nga để tăng cường ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự.

2.4.2.2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Từ thực tiễn ADPL phòng chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát tại Trung Quốc và Liên bang Nga đã cho Việt Nam những bài học sâu sắc sau:

Một là, tiếp tục phát huy tốt hơn nữa vai trò của VKSND đối với việc ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự.

Việt Nam, Trung Quốc và Liên bang Nga đều là các quốc gia đang chuyển đổi, mặc dù Việt Nam, Trung Quốc có cùng thể chế chính trị và định hướng phát triển đất nước theo con đường xây dựng XHCN, khác với Liên bang Nga, nhưng Viện kiểm sát của các nước này đều thực hiện chức năng chính đó là chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư

pháp. Hai chức năng này rất quan trọng để đảm bảo quá trình giải quyết các vụ án hình sự đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan, sai người vô tội. Vì thế, để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp, bảo đảm tốt quyền con người, quyền công dân, phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự cần thiết phải nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND.

Hai là, VKSND cần phải tiếp tục hoàn thiện về tổ chức, hoạt động, trong đó đặc biệt nâng cao chất lượng của đội ngũ kiểm sát viên, kiểm tra viên và đội ngũ cán bộ khác của VKSND. Đây là được coi là khâu "then chốt" của mọi then chốt mà Trung Quốc, Liên bang Nga đã và đang đẩy mạnh việc thực hiện nhằm nâng cao chất lượng ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật, các quy chế phối hợp giữa VKSND với các cơ quan hữu quan, như Cơ quan điều tra, TAND, v.v.. trong quá trình thực hiện hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự.

Kết luận Chương 2

Áp dụng pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND là một trong những nhiệm vụ quan trọng của VKSND, đây cũng là yêu cầu rất quan trọng trong quá trình cải cách tư pháp vì một nền tư pháp liên chính. Để thực hiện hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự, VKSND thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự: giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; khởi tố, điều tra vụ án hình sự; truy tố; xét xử vụ án hình sự. Trong mỗi giai đoạn này, ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND được thực hiện thông qua các hoạt động: xác định bản chất của vụ án hình sự, lựa chọn quy phạm phù hợp và phân tích làm rõ nội dung, ý nghĩa của quy phạm pháp luật đối với vụ án hình sự và ban hành quyết định và tổ chức thực hiện quyết định ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND. Các hoạt động này cần phải đảm bảo tính hợp pháp, tính chính xác, khách quan và đảm bảo tính khả thi. Thực tế ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát ở Trung Quốc, Liên bang Nga đã cho Việt Nam nhiều bài học quý báu như phát huy hơn nữa vai trò của VKSND trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm; tiếp tục hoàn thiện về tổ chức, hoạt động, trong đó đặc biệt nâng cao chất lượng của đội ngũ kiểm sát viên và công chức VKSND; tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật, các quy chế phối hợp giữa VKSND với các cơ quan hữu quan.

Những nội dung phân tích trong chương này là cơ sở để NCS phân tích, đánh giá thực trạng ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND ở Việt Nam trong thời gian qua.

Chương 3

THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN, SAI VÀ BỎ LỘT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP TỈNH Ở VIỆT NAM

3.1. KHÁI QUÁT VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN, SAI VÀ BỎ LỘT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ Ở VIỆT NAM

3.1.1. Khái quát về Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam

3.1.1.1. Tổ chức, bộ máy Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam

Tổ chức bộ máy của VKSND cấp tỉnh của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, gồm: Ủy ban kiểm sát, Văn phòng và các phòng chuyên môn nghiệp vụ. Trên cơ sở thực hiện tốt Luật tổ chức VKSND năm 2014, Nghị quyết của Quốc hội về thi hành luật trong ngành kiểm sát nhân dân, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và trên cơ sở rà soát, tổng hợp số lượng biên chế hiện có; khối lượng công việc bình quân 03 năm; tính chất tương đồng của công việc; dự báo khối lượng công việc phát sinh... của các phòng thuộc VKSND cấp tỉnh, Viện trưởng VKSNDTC đã ban hành Hướng dẫn số 37/HD-VKSTC ngày 28/11/2019 về việc sắp xếp tổ chức bộ máy cấp phòng của VKSND cấp tỉnh theo nguyên tắc giảm đầu mỗi các đơn vị có tính chất nhiệm vụ tương đồng, những đơn vị cấp phòng có số lượng công chức ít, khối lượng công việc không nhiều nhằm đáp ứng yêu cầu điều hành công việc, sử dụng, phát huy hiệu quả nguồn nhân lực hiện có, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, địa phương. Theo đó, "số phòng của VKSND cấp tỉnh hiện có là 554 phòng, sáp nhập giảm 171 đơn vị (so với thời gian trước giảm 143 phòng)" [53]. Hiện cơ cấu các phòng và tương đương ở VKSND cấp tỉnh cơ bản đã được bố trí phù hợp với đặc điểm tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật và khối lượng công việc của từng đơn vị.

Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy VKSND các cấp góp phần ổn định tổ chức, nhất là việc sáp nhập, tinh gọn bộ máy làm việc cấp phòng thuộc VKSND cấp tỉnh. Đây được coi là giải pháp căn cơ, đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về "Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"; đồng thời góp phần không nhỏ vào nhiệm vụ tinh giản biên chế, giảm số lượng cấp quản lý trung gian, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ngành.

3.1.1.2. Đội ngũ kiểm sát viên và công chức Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam

Thứ nhất, về số lượng kiểm sát viên và công chức VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, năm 2019, Vụ 15 đã tham mưu cho Ban cán sự đảng, lãnh đạo VKSNDTC quyết định giảm 515 biên chế trong toàn Ngành.

Nhằm chủ động nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý VKSND các cấp, đảm bảo đủ số lượng, chất lượng cán bộ quy hoạch theo quy định; căn cứ quy định của Đảng và trên cơ sở Hướng dẫn số 22/HD-VKSTC ngày 23/4/2018 của Viện trưởng VKSNDTC về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý trong ngành kiểm sát nhân dân, Vụ 15 đã phối hợp, hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2021; xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý giai đoạn 2021-2026. Đến nay, các đơn vị thuộc VKSNDTC, VKSND cấp dưới đã thực hiện việc rà soát, đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đủ điều kiện, tiêu

chuẩn; bổ sung những cán bộ có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu vào quy hoạch giai đoạn 2016-2021; đồng thời xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021-2026. Vụ 15 đã tham mưu, thẩm định, trình Ban cán sự đảng VKSNDTC phê duyệt kết quả rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2021 đối với 42 Viện trưởng và 136 Phó Viện trưởng cấp tỉnh; quy hoạch các bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021-2026 đối với 75 Viện trưởng và 199 Phó Viện trưởng cấp tỉnh.

Vụ 15 đã tham mưu lãnh đạo VKSND tối cao ban hành Kế hoạch số 116/KH-VKSTC ngày 03/7/2019 về việc điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức của các đơn vị thuộc VKSND tối cao. Trong 05 năm qua, đã tham mưu với lãnh đạo VKSND tối cao điều động, luân chuyển 476 người, trong đó có 09 người về làm Viện trưởng VKSND cấp tỉnh, 02 người về làm Phó Viện trưởng VKSND cấp tỉnh, 01 Viện trưởng VKSND cấp cao 3 về làm Viện trưởng VKSND tỉnh. Điều động, chuyển đổi vị trí công tác là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác tổ chức cán bộ, nhất là chuyển đổi vị trí công tác đội ngũ cán bộ chủ chốt các đơn vị, VKSND các cấp như Vụ 1, Vụ 3, Vụ 5 thuộc VKSND tối cao, đây là những đơn vị chủ chốt, mũi nhọn của Ngành, những đơn vị trực tiếp tham mưu trong thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra án an ninh, kinh tế, tham nhũng. Việc chuyển đổi vị trí công tác cán bộ chủ chốt những đơn vị này tạo ra bước đổi mới căn bản trong công tác tổ chức cán bộ năm 2019, nhằm phục vụ tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của Ngành và được Ban cán sự đảng, lãnh đạo VKSND tối cao ghi nhận, đánh giá cao.

Thực hiện Luật tổ chức VKSND năm 2014 và Nghị quyết số 47-NQ/BCSĐ ngày 09/11/2017 của Ban cán sự đảng VKSND tối cao về việc biệt phái kiểm sát viên tại các đơn vị VKSND tối cao, VKSND cấp cao đi thực tế tại VKSND địa phương, trong thời gian qua, Vụ 15 đã tham mưu Ban cán sự đảng, lãnh đạo VKSND tối cao quyết định biệt phái 213 trường hợp; chấm dứt biệt phái đối với 194 người, hiện còn 19 người đang biệt phái tại VKSND

địa phương. Qua mỗi đợt biệt phái đều có sơ kết, đánh giá những mặt được, chưa được và xây dựng kế hoạch tiếp theo. Biệt phái các chức danh tư pháp mới bổ nhiệm đi thực tế là chủ trương lớn của Ngành; qua thực tế, kiểm sát viên được trực tiếp thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, tự học hỏi, rèn luyện, tích lũy được nhiều kinh nghiệm, nâng cao bản lĩnh, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công tác.

Việc giảm biên chế sẽ tiếp tục thực hiện trong năm 2020, 2021 và 2022 đảm bảo đúng yêu cầu Nghị quyết số 39-NQ/TW nêu trên (giảm 10%), đồng thời quản lý chặt chẽ biên chế trong tình hình hiện nay.

Trong giai đoạn từ năm 2015-2022, Vụ 15 đã tham mưu lãnh đạo VKSND tối cao chỉ đạo, kiểm tra, phối hợp với các đơn vị, VKSND các cấp trong việc tuyển dụng công chức, viên chức đối với 2.011 người. Việc tuyển dụng số lượng công chức mới, nhiệt huyết, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Kết quả là, trong giai đoạn 2015-2022, số lượng kiểm sát viên và công chức VKSND cấp tỉnh tăng lên đáng kể (tăng 9,18% so với năm 2015), tuy nhiên từ năm 2018 đến 2022, số lượng kiểm sát viên và công chức VKSND cấp tỉnh có xu hướng giảm (giảm 0,15% so với năm 2018) [64] [65].

Thực tế này xuất phát từ việc ngành kiểm sát nói chung và VKSND cấp tỉnh nói riêng đã và đang thực hiện quyết liệt chủ trương của Đảng về sắp xếp bộ máy và tinh giản biên chế. Tuy nhiên, việc tinh giản biên chế đang đặt ra nhiều thách thức cho các VKSND cấp tỉnh bởi khối lượng công việc ngày càng nhiều, trong khi đó số lượng kiểm sát viên và công chức VKSND cấp tỉnh không tăng mà có xu hướng giảm.

Thứ hai, về chất lượng kiểm sát viên và công chức VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam

Đa số kiểm sát viên và công chức VKSND cấp tỉnh đều có trình độ cử

nhân trở lên, 100% kiểm sát viên và kiểm tra viên đều có trình độ đại học chuyên ngành luật hoặc ngành kiểm sát, trong đó số lượng công chức của VKSND có trình độ sau đại học ngày một tăng lên. Số lượng kiểm sát viên có kinh nghiệm công tác dưới 10 năm chiếm khoảng trên 60%, còn lại là kiểm sát viên có kinh nghiệm công tác dưới 40%.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ngành kiểm sát, Vụ 15 đã tham mưu cho lãnh đạo VKSND tối cao quyết định cử 18.268 lượt công chức, viên chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài ngành. Đồng thời tham mưu cử công chức tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài theo quy định; phối hợp với Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, tham mưu cho lãnh đạo VKSND tối cao trong việc xây dựng đề án tuyển sinh Đại học Kiểm sát Hà Nội hệ chính quy các khóa, tuyển sinh, đào tạo thạc sỹ ngành luật Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, văn bằng 2 với tổng số 1.872 người; kiện toàn Hội đồng Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội nhiệm kỳ 2015-2020; tham mưu lãnh đạo VKSND tối cao đồng ý cho các VKSND địa phương phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tổ chức các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ tại địa phương; tham mưu lãnh đạo VKSND tối cao ký Quyết định ban hành các chương trình bồi dưỡng hàng năm; thành lập các Hội đồng thẩm định các chương trình, tài liệu đào tạo và bồi dưỡng...

Thực tế này cho thấy, chất lượng kiểm sát viên và công chức VKSND cấp tỉnh tiếp tục có sự cải thiện và ngày càng nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu giải quyết các vụ án hình sự ngày càng phức tạp.

3.1.2. Các quy định pháp luật về phòng chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự ở Việt Nam

3.1.2.1. Quy định về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự ở Việt Nam

Giải quyết các vụ án hình sự bao gồm các giai đoạn khác nhau, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, để phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm, chức

năng, nhiệm vụ của VKSND cấp tỉnh thực hiện từ giai đoạn tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, đến giai đoạn điều tra vụ án hình sự, giai đoạn xét xử và thi hành án. Hiện nay, pháp luật phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự bao gồm: (1) Hiến pháp năm 2013; (2) BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), sau đó là BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018); (3) BLTTHS năm 2003, sau đó là BLTTHS năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018) (sửa đổi, bổ sung năm 2021); (4) Luật Tổ chức TAND năm 2014, Luật Tổ chức VKSND năm 2014, Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015; (5) Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015; (6) Luật Thi hành án hình sự năm 2010, sau đó là Luật Thi hành án hình sự năm 2019; (7) Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2009, sau đó là Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017; (8) Nghị quyết số 96/2015/QH13 của Quốc hội về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động Tố tụng hình sự; Chỉ thị số 04/CT-VKSTC ngày 10/7/2015 của Viện trưởng VKSND tối cao về tăng cường các biện pháp phòng chống oan, sai và nâng cao trách nhiệm trong giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự, v.v.. VKSND cấp tỉnh xác định các quy định pháp luật (Luật Tổ chức VKSND năm 2014, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2021), BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)), Luật Thi hành án hình sự năm 2010, sau đó là Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để tiến hành thực hiện chức năng công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Việc thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND sẽ căn cứ theo Điều 2, 3, 4, 5, 6, 7 của Luật Tổ chức VKSND năm 2014, Điều 41, 42, 43 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2021) và các quy định khác. Cụ thể là:

Thứ nhất, các quy định của pháp luật hình sự hiện hành đã cụ thể hoá các quy định trong Hiến pháp năm 2013, hướng đến bảo đảm tốt quyền con người, quyền công dân

Một là, BLHS năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi chung là BLHS năm 2015) đã cụ thể hóa quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 "*Mọi biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân phải do luật định*", theo đó trong Bộ luật này đã có đổi mới căn bản về kỹ thuật lập pháp khi quy định hầu hết các tình tiết định tính ("gây hậu quả nghiêm trọng", "gây hậu quả rất nghiêm trọng", "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng"; "số lượng lớn", "số lượng rất lớn", "số lượng đặc biệt lớn"; "thu lợi bất chính lớn", "thu lợi bất chính rất lớn", "thu lợi bất chính đặc biệt lớn"; "đất có diện tích lớn", "đất có diện tích rất lớn", "đất có diện tích đặc biệt lớn"; "giá trị lớn", "giá trị rất lớn", "giá trị đặc biệt lớn"...) theo hướng: (i) lượng hóa số hàng hóa, vật phạm pháp; (ii) quy định rõ số lượng, giá trị vật chất (tiền, tài sản) bị chiếm đoạt hoặc thiệt hại; (iii) xác định cụ thể những thiệt hại về tính mạng và sức khỏe của con người (tỷ lệ tổn thương cơ thể, tổn hại về tinh thần)... trong khung, khoản của các điều luật. Hiện trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chỉ còn giữ lại một số ít tình tiết định tính cần thiết quy định tại Chương các tội xâm phạm an ninh quốc gia và Chương các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân... để xử lý các trường hợp phạm tội mang tính đặc thù của các nhóm tội phạm này.

Hai là, Bộ luật này đã cụ thể hóa các quy định tại Chương 2 Hiến pháp năm 2013 về *Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân*, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) sửa đổi, bổ sung nhóm các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân theo hướng: (i) thay đổi tên chương thành Các tội xâm phạm *quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân* (Chương XV); (ii) bổ sung quy định là tội phạm đối với các hành vi "*xâm phạm*", "*cản trở*" hoặc "*ép buộc*" trái pháp luật cá nhân, công dân trong việc thực hiện các quyền của mình; (iii) bổ sung làm rõ các tình tiết định tội, định khung và quy định tăng nặng hình phạt đối với hầu hết các tội thuộc nhóm này.

Ba là, Bộ luật này cụ thể hóa Điều 19 Hiến pháp năm 2013 "*Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật*", BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã loại bỏ hình phạt tử hình đối với 07 tội danh trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tội cướp tài sản (Điều 168); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm (Điều 193); Tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Điều 249), Tội chiếm đoạt trái phép chất ma túy (Điều 252); Tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia (Điều 303); Tội chống mệnh lệnh (Điều 394) và Tội đầu hàng địch (Điều 399).

Bốn là, nhằm góp phần bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Hiến pháp năm 2013, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) bổ sung: (i) Quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với 33 tội danh; (ii) Thay thế Tội cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng bằng các tội danh cụ thể trong lĩnh vực quản lý kinh tế; (iii) không quy định là tội phạm (phi tội phạm hóa) đối với một số hành vi trong lĩnh vực quản lý kinh tế (không quy định tội phạm đối với các tội như: Tội kinh doanh trái phép (Điều 159) và Tội báo cáo sai trong quản lý kinh tế (Điều 167) được quy định trong BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009))... , nhằm tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan tiến hành tố tụng xử lý triệt để, chính xác tội phạm, bảo đảm sự bình đẳng, minh bạch, góp phần bảo đảm sự phát triển ổn định của kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Thứ hai, so với BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) có nhiều nội dung đổi mới cơ bản cần thiết phải được quán triệt và tổ chức thực hiện tốt trong thực tiễn thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp khi giải quyết vụ án hình sự

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) được xây dựng nhằm hướng tới mục tiêu là "công cụ pháp lý sắc bén để đấu tranh

với tội phạm, tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn; tăng cường trách nhiệm của các cơ quan tố tụng", trong đó VKSND thực hiện các biện pháp nhằm phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm; tôn trọng, bảo đảm quyền con người, quyền công dân đã được Hiến định; "cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự", BLTTHS năm 2015 đã bổ sung 04 nguyên tắc mới, gồm: "suy đoán vô tội (Điều 13); không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm (Điều 14); tranh tụng trong xét xử được bảo đảm (Điều 26); kiểm tra, giám sát trong tố tụng hình sự (Điều 33)"; đồng thời, quy định đầy đủ nội dung các nguyên tắc này nhằm tăng cường dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong hoạt động tố tụng hình sự. Việc quy định rõ ràng và đầy đủ hơn các nguyên tắc trong giải quyết vụ án hình sự (từ Điều 7 đến 33 của Bộ luật này) nhằm qua đó phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự ngày một tốt hơn ở nước ta.

Ngoài ra, để cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 về công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bảo đảm "*quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật...*", BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung) đã sửa đổi, bổ sung các nội dung cơ bản sau: (i) Luật hóa các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong BLTTHS (những biện pháp điều tra đặc biệt (hay còn gọi là biện pháp nghiệp vụ) trước đây chỉ được quy định có tính nguyên tắc trong một số luật chuyên ngành như: "Luật an ninh quốc gia năm 2004 (Điều 24), Luật phòng, chống ma túy năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2008 (Điều 13); còn những vấn đề cụ thể, Quốc hội giao cho Chính Phủ quy định"), gồm: Ghi âm, ghi hình bí mật, nghe điện thoại bí mật, Thu thập bí mật dữ liệu điện tử. Những biện pháp này chỉ được phép áp dụng đối với các trường hợp sau: các tội xâm phạm an ninh quốc

gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền; các tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng (Điều 224); (ii) quy định mọi biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, như: giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam; khám xét chỗ ở, bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác..., phải do luật định (phải được quy định trong BLTTHS); (iii) quy định chặt chẽ căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn áp dụng đối với từng biện pháp ngăn chặn và biện pháp cưỡng chế tố tụng khác; đồng thời, đề cao trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình đấu tranh phòng, chống tội phạm phải trên quan điểm tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, đề cao dân chủ; quy định các chế tài nghiêm khắc có thể áp dụng nếu các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng vi phạm quy định của luật; (iv) bổ sung quy định đầy đủ, chặt chẽ các quyền và cơ chế bảo đảm thực hiện quyền của những người tham gia tố tụng; đặc biệt là cơ chế để bảo đảm cho người bị buộc tội nắm được các chứng cứ buộc tội nhằm thực hiện tốt việc tranh tụng; (v) quy định rút ngắn thời hạn tạm giam để bảo đảm tốt hơn quyền con người của bị can, bị cáo; đồng thời, thúc đẩy các cơ quan tiến hành tố tụng phải giải quyết vụ án nhanh chóng, kịp thời; (vi) bổ sung quy định đầy đủ cơ chế nhằm bảo đảm quyền *tự bào chữa* hoặc *nhờ người khác bào chữa* của người bị buộc tội đã được Hiến pháp quy định; (vii) bổ sung và quy định cụ thể cơ chế bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng, người bị hại để họ an tâm hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền trong việc phát hiện tội phạm và trong quá trình giải quyết vụ án; (viii) sửa đổi, bổ sung các quy định về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi nhằm bảo đảm nguyên tắc "*vì lợi ích tốt nhất cho người chưa thành niên*", phù hợp với chính sách hình sự nhân đạo của Đảng, Nhà nước ta và các chuẩn mực quốc tế.

Những quy định mới này nhằm tăng cường bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong hoạt động tố tụng hình sự, bảo đảm phù hợp với các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Thứ ba, nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND được quy định rõ ràng trong BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và Luật Thi hành án hình sự năm 2019, qua đó tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, phù hợp để VKSND cấp tỉnh phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm, khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong xử lý vụ án hình sự

So với các văn bản pháp luật trước đây, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) đã bổ sung quy định tăng cường trách nhiệm của VKSND, bao gồm: (i) Mở rộng phạm vi trách nhiệm thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát; theo đó, "VKS thực hành quyền công tố ngay từ khi cơ quan có thẩm quyền điều tra giải quyết nguồn tin về tội phạm" (Điều 159). Theo quy định chung thì thời hạn tối đa giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố là 02 tháng. Tuy nhiên, "*đối với trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm mà không thể kết thúc trong thời hạn 02 tháng, thì Viện trưởng VKS cùng cấp hoặc Viện trưởng VKS có thẩm quyền có thể gia hạn một lần nhưng không quá 02 tháng*"; (ii) Quy định cụ thể trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm (theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 145 BLTTHS hiện hành: "Viện kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong trường hợp phát hiện Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà Viện kiểm sát đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục"); "mở rộng thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án của VKS đối với 02 trường hợp, bao gồm trường hợp VKS trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố mà phát

hiện dấu hiệu tội phạm và trường hợp VKS trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ (Điều 153); trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra" (theo quy định tại khoản 7 Điều 165 BLTTHS hiện hành: Viện kiểm sát "trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục hoặc trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi quyết định việc truy tố"); quyết định chuyển vụ án khi phát hiện việc điều tra không đúng thẩm quyền (Điều 169); đối với những vụ án đặc biệt nghiêm trọng mà thời hạn tạm giam đã hết và không có căn cứ để thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam thì "Viện trưởng VKSND tối cao có quyền quyết định việc tạm giam cho đến khi kết thúc việc điều tra" (Điều 173); quy định bổ sung Viện kiểm sát có thẩm quyền "tạm đình chỉ vụ án đối với trường hợp khi trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài trợ tư pháp mà chưa có kết quả nhưng đã hết thời hạn quyết định việc truy tố" (Điều 247); (iii) Quy định bắt buộc kiểm sát viên phải có mặt khi Cơ quan điều tra "tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra, khám xét" (Điều 189, 190, 191, 193, 201, 202, 204); Quy định bắt buộc kiểm sát viên phải hỏi cung khi bị can kêu oan, bị can khiếu nại hoặc khi phát hiện hoạt động điều tra vi phạm pháp luật (Điều 183).

Bên cạnh đó, để kiểm sát kịp thời, đầy đủ hoạt động điều tra, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định bổ sung: (1) trường hợp VKS yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu thì "trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được chứng cứ, tài liệu bổ sung, VKS phải ra quyết định phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can hoặc

quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can" (Điều 179); (2) "Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày lập biên bản về hoạt động điều tra, thu thập, nhận được tài liệu liên quan đến vụ án, CQĐT có trách nhiệm chuyển biên bản, tài liệu này cho VKS để kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án. Trường hợp do trở ngại khách quan thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày". Trong thời hạn 03 ngày, "VKS đóng dấu bút lục và sao lưu biên bản, tài liệu lưu hồ sơ kiểm sát và bàn giao nguyên trạng tài liệu, biên bản đó cho CQĐT" (Điều 88); (3) "trong thời hạn 24h kể từ khi ra quyết định trưng cầu giám định, cơ quan trưng cầu giám định gửi quyết định trưng cầu giám định cho VKS có thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra" (Điều 205, 213, 215, 221).

Ngoài ra, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) còn tăng quyền, trách nhiệm cho kiểm sát viên: (1) trực tiếp "giải quyết và lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm"; (2) triệu tập và lấy lời khai "người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người đại diện theo pháp luật của pháp luật"; (3) yêu cầu hoặc đề nghị "cử, thay đổi người bào chữa; yêu cầu cử, đề nghị thay đổi người phiên dịch, người dịch thuật"; (4) bắt buộc có mặt "khi CQĐT tiến hành đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra, khám xét"; (5) yêu cầu "CQĐT truy nã, đình nã bị can"; (6) bắt buộc hỏi cung khi "bị can kêu oan, bị can khiếu nại hoặc khi phát hiện hoạt động điều tra vi phạm pháp luật"; (7) quyết định áp giải "người bị bắt, bị can; quyết định dẫn giải người làm chứng, người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố, bị hại"; (8) quyết định giao "người dưới 18 tuổi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân để giám sát; quyết định thay đổi người giám sát người dưới 18 tuổi phạm tội" (Điều 42).

Đối với hoạt động thi hành án hình sự, Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong kiểm sát thi hành án hình sự (Điều 167), trong đó (1) yêu cầu "Tòa án cùng cấp và cấp dưới ra quyết định thi hành án hình sự đúng quy định của pháp luật; yêu cầu

Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự tự kiểm tra việc thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát; cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến thi hành án hình sự"; (2) trực tiếp kiểm sát việc thi hành án hình sự của "cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp và cấp dưới, cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự; kiểm sát hồ sơ thi hành án hình sự của cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp và cấp dưới, cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu trực tiếp kiểm sát việc thi hành án phạt tù của trại giam đóng tại địa phương, địa bàn; kiểm sát việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại"; (3) quyết định trả tự do ngay cho "người đang chấp hành án phạt tù không có căn cứ và trái pháp luật"; (4) đề nghị "miễn, hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ chấp hành án; tham gia phiên họp xét giảm, miễn thời hạn chấp hành án, tha tù trước thời hạn có điều kiện, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, rút ngắn thời gian thử thách"; (5) kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu "Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp, cấp dưới, cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự, người có thẩm quyền và cá nhân có liên quan trong thi hành án hình sự; yêu cầu đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong thi hành án hình sự; chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật"; (6) tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo "trong quản lý, giáo dục người chấp hành án phạt tù; kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thi hành án hình sự"; (7) khởi tố hoặc yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố "vụ án hình sự khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm trong thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật"; (8) "Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát thi hành án hình sự".

Thứ tư, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) đã sửa đổi, bổ sung căn bản các quy định về giám định tư pháp, đây là những quy định quan

trọng nhằm tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử, từ đó thực hiện tốt trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp hình sự của VKSND cấp tỉnh

Theo quy định của Bộ luật này, bắt buộc phải trưng cầu giám định khi cần xác định tại Điều 206: (i) tình trạng tâm thần của "người bị buộc tội khi có sự nghi ngờ về năng lực TNHS của họ"; tình trạng tâm thần của "người làm chứng hoặc bị hại khi có sự nghi ngờ về khả năng nhận thức, khả năng khai báo đúng đắn về những tình tiết của vụ án"; (ii) "tuổi của bị can, bị cáo, bị hại nếu việc đó có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án và không có tài liệu để xác định chính xác tuổi của họ hoặc có nghi ngờ về tính xác thực của những tài liệu đó"; (iii) "nguyên nhân chết người"; (iv) "tính chất thương tích, mức độ tổn hại sức khỏe hoặc khả năng lao động"; (v) "chất ma túy, vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, tiền giả, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ"; (vi) "mức độ ô nhiễm môi trường".

Theo Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP ngày 13/12/2017 quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế, ngoài các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định nêu trên, đối với án kinh tế, tham nhũng, chức vụ, còn phải giám định trong các trường hợp cần thiết như: (i) Khi cần xác định chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ của tài sản, hàng hóa, hàng giả, hàng thật, hàng cấm"; (ii) "Khi cần truy nguyên về tài liệu, đồ vật, chữ ký, chữ viết, con dấu, dấu vết, dữ liệu điện tử"; (iii) "Khi cần xác định tính chính xác của các dụng cụ cân, đo, đong, đếm và các máy móc, thiết bị khác"; (iv) "Khi cần xác định hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đầu tư, gồm: a) Về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư dự án; b) Về đấu thầu; c) Về khảo sát, tư vấn thiết kế, thi công, giám sát, nghiệm thu, thanh quyết toán; d) Về quản lý vốn đầu tư như: Tạm ứng vốn không đúng quy định; sử dụng vốn thi công không đúng mục đích; bảo

lãnh cho vay vốn, tạm ứng vốn, thực hiện hợp đồng hoặc điều chuyển vốn cho vay; cho vay vốn không đúng chế độ; đ) Hành vi khác vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đầu tư" (Điều 4).

Bên cạnh đó, hoàn thiện các quy định về thời hạn giám định theo hướng: không quá 03 tháng đối với trường hợp giám định tình trạng tâm thần của người bị buộc tội, người làm chứng, bị hại; không quá 01 tháng đối với trường hợp giám định nguyên nhân chết người, giám định mức độ ô nhiễm môi trường; không quá 09 ngày đối với trường hợp giám định tuổi của bị can, bị cáo, bị hại; giám định tính chất thương tích, mức độ tổn hại sức khỏe hoặc khả năng lao động; giám định chất ma túy, vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, tiền giả, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ. Thời hạn giám định đối với các trường hợp khác thực hiện theo quyết định trung cầu giám định.

Đặc biệt, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) đã bổ sung quy định "những người có quyền yêu cầu giám định trên cơ sở giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự với việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng" (Điều 206); xác lập cơ chế "nhằm kiểm soát chặt chẽ quá trình trung cầu và sử dụng kết quả giám định; theo đó, quy định trách nhiệm của cơ quan trung cầu giám định trong thời hạn 24 giờ phải gửi quyết định trung cầu giám định và kết luận giám định cho Viện kiểm sát, trong thời hạn 07 ngày phải thông báo kết luận giám định cho người tham gia tố tụng" (Điều 205, 213, 222); quy định cụ thể "thành phần và thủ tục giám định bổ sung và giám định lại" (Điều 210, 211). Theo đó, việc giám định bổ sung có thể do tổ chức, cá nhân đã giám định hoặc tổ chức, cá nhân khác thực hiện. Việc trung cầu, yêu cầu giám định bổ sung được thực hiện như giám định lần đầu. "Việc giám định lại phải do người giám định khác thực hiện. Việc giám định lại lần thứ hai phải do Hội đồng giám định thực hiện theo quy định của Luật giám định tư pháp; bổ sung

cơ chế nhằm giải quyết xung đột giữa các kết luận giám định; theo đó, quy định trong trường hợp đặc biệt, Viện trưởng VKSND tối cao, Chánh án TAND tối cao có quyền quyết định giám định lại và kết luận giám định trong trường hợp này có hiệu lực để giải quyết vụ án" (Điều 212).

Những sửa đổi, bổ sung trong BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) so với BLTTHS năm 2003 đã tháo gỡ căn bản những vướng mắc trong công tác giám định. Đồng thời, đặt ra trách nhiệm cao hơn cho cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (*trong đó có VKSND và những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thuộc VKSND*) và cơ quan giám định phải phối hợp chặt chẽ nhằm để bảo đảm nguyên tắc kịp thời, chính xác, khách quan, tiết kiệm trong tố tụng hình sự.

3.1.2.2. Quy định về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp và các biện pháp chế tài tương xứng nhằm phòng chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết vụ án hình sự ở Việt Nam

Tiếp nối BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) quy định tội xâm phạm hoạt động tư pháp rõ ràng và tương minh hơn, đó là "những hành vi xâm phạm sự đúng đắn của hoạt động tố tụng và thi hành án" (Điều 367), trong đó các tội xâm phạm hoạt động tư pháp và các biện pháp chế tài tương xứng nhằm phòng chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết vụ án hình sự ở Việt Nam chỉ bao gồm các hành vi xâm phạm sự đúng đắn của hoạt động tố tụng. Đây là các hành vi xâm phạm hoạt động tư pháp không chỉ xâm phạm đến tính đúng đắn, uy tín, chất lượng, hiệu quả của hoạt động tư pháp, mà còn xâm phạm đến quyền lợi, uy tín của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Theo quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), các tội xâm phạm hoạt động tư pháp và các biện pháp chế tài tương xứng nhằm phòng chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết vụ án hình sự ở Việt Nam là các tội quy định đối với những người có chức vụ, quyền hạn và các

chủ thể khác trong việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hoặc trong lĩnh vực khác có hành vi cố ý gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, cụ thể từ Điều 368 đến 378 và từ Điều 382 đến 385: Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội; Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội; Tội ra bản án trái pháp luật; Tội ra quyết định trái pháp luật; Tội ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp làm trái pháp luật; Tội dùng nhục hình; Tội bức cung; Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc; Tội thiếu trách nhiệm để người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù trốn; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giữ, giam người trái pháp luật; Tội tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù; Tội cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối; Tội từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu; Tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu; Tội vi phạm việc niêm phong, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản.

3.1.2.3. Quy định về chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong phòng chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết vụ án hình sự ở Việt Nam

Ở Việt Nam, Luật Tổ chức VKSND năm 2014 quy định, hệ thống VKSND Việt Nam gồm: VKSNDTC; VKSND cấp cao; VKSND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (VKSND cấp tỉnh); VKSND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương (VKSND cấp huyện); Viện kiểm sát quân sự các cấp. Trong đó, VKSND cấp tỉnh thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong phạm vi địa phương mình. Theo đó, trách nhiệm phòng, chống oan, sai, bỏ lọt tội phạm của VKSND được thực hiện trong các nội dung công tác nêu trên, đặc biệt để bảo đảm việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 96/2015/QH13 của Quốc hội về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động

tổ tụng hình sự, quy định của Hiến pháp và pháp luật về phòng chống oan, sai, bỏ lọt tội phạm được hiệu quả, Viện trưởng VKSND tối cao đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-VKSTC ngày 10/7/2015 về tăng cường các biện pháp phòng chống oan, sai và nâng cao trách nhiệm trong giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự; trong đó, đặt ra các yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể mà VKSND các cấp phải thực hiện để bảo đảm làm tốt trách nhiệm của VKSND trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm.

Phạm vi thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự cấp tỉnh được thực hiện sẽ căn cứ vào thẩm quyền xét xử vụ án hình sự của TAND cấp tỉnh. Theo Luật Tổ chức TAND năm 2014, TAND cấp tỉnh có thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của pháp luật; xét xử phúc thẩm vụ án mà bản án, quyết định sơ thẩm của TAND cấp huyện chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật (Khoản 1, 2 Điều 37). Theo BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), TAND cấp tỉnh xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự về các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng trở lên; các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh; các tội quy định tại các điều 123, 125, 126, 227, 277, 278, 279, 280, 282, 283, 284, 286, 287, 288, 337, 368, 369, 370, 371, 399 và 400 của BLHS; "các tội phạm được thực hiện ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; vụ án hình sự có bị cáo, bị hại, đương sự ở nước ngoài hoặc tài sản có liên quan đến vụ án ở nước ngoài"; vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp huyện nhưng có nhiều tình tiết phức tạp khó đánh giá, thống nhất về tính chất vụ án hoặc liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành; vụ án mà bị cáo là Thẩm phán, kiểm sát viên, Điều tra viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, người có chức sắc trong tôn giáo hoặc có uy tín cao trong dân tộc ít người (Điều 268). Ngoài ra, Khoản 2 Điều 269 còn quy định, "bị cáo phạm tội ở nước ngoài nếu xét xử ở Việt Nam thì

TAND cấp tỉnh nơi cư trú cuối cùng của bị cáo ở trong nước xét xử. Nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng ở trong nước của bị cáo thì tùy trường hợp", Chánh án TAND tối cao ra quyết định giao cho TAND thành phố Hà Nội hoặc Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh hoặc TAND thành phố Đà Nẵng xét xử.

3.1.3. Áp dụng pháp luật về phòng chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong giải quyết các vụ án hình sự ở Việt Nam

3.1.3.1. Xác định bản chất của vụ án hình sự để áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm của Viện kiểm sát nhân dân

Căn cứ theo Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 22, 23 Luật Tổ chức VKSND năm 2014, dựa trên các biện pháp nghiệp của mình, VKSND thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền để xác định bản chất của vụ án hình sự thông qua nguồn tin tội phạm, hồ sơ, chứng cứ và theo quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi năm 2017), BLTTHS năm 2015 (sửa đổi năm 2021). Thông qua đó, VKSND nghiên cứu, xem xét, đánh giá các tình tiết, chứng cứ có liên quan đến sự kiện pháp lý, đối tượng và quyết định xử lý do cơ quan điều tra cung cấp; xác định dấu hiệu phạm tội và cấu thành tội phạm của vụ án hình sự, xem xét hành vi đó có phải hay không phải là hành vi nguy hiểm cho xã hội; có lỗi; được quy định trong luật hình sự; phải chịu hình phạt.

Theo quy định của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi năm 2021), việc khởi tố vụ án hình sự chỉ được thực hiện khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm, trong đó dấu hiệu phạm tội dựa vào những căn cứ sau: "Tổ giác của cá nhân; Tin báo của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Tin báo trên phương tiện thông tin đại chúng; Kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước; Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm; Người phạm tội tự thú" (Điều 143). Khi có một trong những căn cứ sau thì không được khởi tố vụ án hình sự: "Không có sự việc phạm tội; Hành vi không cấu thành tội phạm;

Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; Tội phạm đã được đại xá; Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác; Tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của BLTTHS mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố" (Điều 157).

3.1.3.2. Lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp đối với vụ án hình sự cần áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm của Viện kiểm sát nhân dân

Thứ nhất, trong giai đoạn tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. VKSND thực hiện chức năng của mình căn cứ theo Điều 12, 13 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và Điều 144, điểm c, khoản 3 Điều 145, Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 154, từ Điều 156 đến Điều 162, Điều 179, 180, 181 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2021).

Thứ hai, trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. VKSND thực hiện chức năng của mình căn cứ theo Điều 14, 15 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và từ Điều 182 đến Điều 235, Điều 460 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2021).

Thứ ba, trong giai đoạn truy tố. VKSND thực hiện chức năng của mình căn cứ theo Điều 16, 17 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và từ Điều 236 đến Điều 249, Điều 461 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2021) và các quy định BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về xác định tội danh, khung hình phạt.

Thứ tư, trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự. VKSND thực hiện chức năng của mình căn cứ theo Điều 18, 19 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và từ Điều 250 đến Điều 362, từ Điều 462 đến Điều 465 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2021) và các quy định trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về xác định tội danh, khung hình phạt.

Thứ năm, trong giai đoạn thi hành án hình sự. VKSND thực hiện chức năng của mình căn cứ theo Điều 25 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và từ Điều 363 đến Điều 366 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2021) và Quyết định số 259/QĐ-VKSTC ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về quy chế công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự.

3.1.3.3. Ban hành quyết định và tổ chức thực hiện quyết định áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

Ở Việt Nam, căn cứ theo Luật Tổ chức VKSND năm 2014, BLHS năm 2015 (sửa đổi năm 2017), BLTTHS năm 2015 (sửa đổi năm 2021) và hồ sơ, chứng cứ vụ án, VKSND sẽ quyết định và tổ chức thực hiện quyết định áp dụng pháp luật cho từng giai đoạn tố tụng hình sự như sau:

Thứ nhất, trong giai đoạn tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố

Theo Luật Tổ chức VKSND năm 2014, VKSND sẽ ban hành các quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp pháp lý: "Tiếp nhận đầy đủ tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố do các cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đến và chuyển ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết" (Khoản 1, Điều 13). Dựa trên cơ sở hồ sơ, chứng cứ và quy định pháp luật, VKSND sẽ ra quyết định "phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; hủy bỏ quyết định tạm giữ, các quyết định tố tụng khác trái pháp luật của cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; khi cần thiết đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thực hiện; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội

phạm và kiến nghị khởi tố trong trường hợp phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà Viện kiểm sát nhân dân đã yêu cầu nhưng không được khắc phục; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác để thực hành quyền công tố theo quy định của BLTTHS nhằm chống bỏ lọt tội phạm, chống làm oan người vô tội" (Điều 12).

Bên cạnh đó, VKSND "Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm thông báo đầy đủ, kịp thời tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đã tiếp nhận cho Viện kiểm sát nhân dân. Trực tiếp kiểm sát; kiểm sát việc kiểm tra, xác minh, lập hồ sơ và kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm thông báo đầy đủ, kịp thời kết quả xác minh, giải quyết cho VKSND" (Điều 13). Trên cơ sở pháp lý này, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) cụ thể hoá thẩm quyền của VKSND: "Kiểm sát việc tiếp nhận, trực tiếp kiểm sát, kiểm sát việc kiểm tra, xác minh và việc lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; kiểm sát việc tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; kiểm sát việc phục hồi giải quyết nguồn tin về tội phạm" (Điều 160). Khi phát hiện việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm không đầy đủ, vi phạm pháp luật, VKSND yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện các hoạt động: "Tiếp nhận, kiểm tra, xác minh, ra quyết định giải quyết nguồn tin về tội phạm đầy đủ, đúng pháp luật; Kiểm tra việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát; Cung cấp tài liệu về vi phạm pháp

luật trong việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm; Khắc phục vi phạm pháp luật và xử lý nghiêm người vi phạm; Yêu cầu thay đổi Điều tra viên, Cán bộ điều tra" (Điều 160).

Ngoài ra, VKSND còn giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố theo quy định của BLTTHS" (Điều 13 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và Điều 160 BLTTSH năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)).

Thứ hai, trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Theo đó, VKSND: "Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Hủy bỏ các quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án, quyết định không khởi tố vụ án trái pháp luật; phê chuẩn, hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can trái pháp luật. Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong những trường hợp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, việc tạm giam và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân. Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, các biện pháp ngăn chặn và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của luật. Phê chuẩn, không phê chuẩn, hủy bỏ các quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện việc điều

tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can. Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn các lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát nhân dân đã yêu cầu nhưng không được khắc phục. Khởi tố hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm. Quyết định việc gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam, chuyển vụ án, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc thực hành quyền công tố theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự" (Điều 14, Luật Tổ chức VKSND năm 2014).

Cùng với đó, VKSND "yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật. Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền điều tra. Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố, điều tra khi cần thiết. Kiến nghị, yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khắc phục vi phạm trong việc khởi tố, điều tra yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thay đổi Điều tra viên, cán bộ điều tra; xử lý nghiêm minh Điều tra viên, cán bộ điều tra vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng. Kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát điều tra vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự" (Điều 15, Luật Tổ chức VKSND năm 2014).

Thứ ba, trong giai đoạn truy tố

Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng của mình căn cứ theo Điều 16, 17 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và từ Điều 236 đến Điều 249, Điều 461 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2021) và các quy định BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về xác định tội danh, khung hình phạt. Căn cứ theo các quy định này, VKSND: "Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của luật; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can; Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án trong trường hợp cần thiết; Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ để quyết định việc truy tố hoặc khi Tòa án yêu cầu điều tra bổ sung mà xét thấy không cần phải trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra; Quyết định khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong trường hợp phát hiện vụ án còn có hành vi phạm tội, người phạm tội khác chưa được khởi tố, điều tra và trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung; Quyết định việc tách, nhập vụ án, chuyển vụ án để truy tố theo thẩm quyền, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; Quyết định gia hạn, không gia hạn thời hạn truy tố, thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn; Quyết định truy tố, không truy tố bị can; Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án, bị can; quyết định phục hồi vụ án, bị can; Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác để quyết định việc truy tố theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự" (Điều 16, Luật Tổ chức VKSND năm 2014).

Bên cạnh đó, VKSND "yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật; kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát hoạt động tư pháp theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự" (Điều 17, Luật Tổ chức VKSND năm 2014).

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố, VKSND quyết định truy tố bị can trước TAND bằng bản cáo trạng. Bản cáo trạng ghi rõ "diễn biến hành vi phạm tội; những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị can, thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế"; "những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị can; việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và việc xử lý vật chứng; nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội và tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án". Phần kết luận của bản cáo trạng ghi rõ "tội danh và điều, khoản, điểm của Bộ luật hình sự được áp dụng". Bản cáo trạng phải ghi rõ "ngày, tháng, năm ra cáo trạng; họ tên, chức vụ và chữ ký của người ra bản cáo trạng" (Điều 243, BLTTHS năm 2015, sửa đổi năm 2021). Sau đó, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra bản cáo trạng, VKSND phải chuyển hồ sơ vụ án và bản cáo trạng đến TAND cùng cấp. Trường hợp vụ án phức tạp thì thời hạn chuyển hồ sơ vụ án và bản cáo trạng đến Tòa án có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày. Trường hợp "vụ án có bị can bị tạm giam thì trước khi hết thời hạn tạm giam 07 ngày thì VKSND thông báo cho TAND cùng cấp biết để xem xét, quyết định việc tạm giam bị can khi nhận hồ sơ vụ án" (Điều 244, BLTTHS năm 2015, sửa đổi năm 2021). Ngoài ra, VKSND ra quyết định tạm đình chỉ vụ án theo Điều 247, đình chỉ vụ án theo Điều 248, phục hồi vụ án theo Điều 249 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi năm 2021).

Thứ tư, trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự

Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng của mình căn cứ theo Điều 18, 19 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và từ Điều 250 đến Điều 362, từ Điều 462 đến Điều 465 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2021) và các quy định trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về xác định tội danh, khung hình phạt. Trên cơ sở đó, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm,

VKSND "Công bố cáo trạng, công bố quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa; Xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ; Luận tội, tranh luận, rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; kết luận về tội khác bằng hoặc nhẹ hơn; phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa; Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội; Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật này" (Khoản 1, Điều 266 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi năm 2021)).

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, VKSND "Trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị; Bổ sung chứng cứ mới; Bổ sung, thay đổi kháng nghị; rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị; Xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ; Phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa, phiên họp; Tranh luận với bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa; Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm theo quy định của Bộ luật này" (Khoản 2, Điều 266 BLTTS năm 2015 (sửa đổi năm 2021)).

Cùng với đó, VKSND sẽ tiến hành nhiệm vụ kiểm sát việc tuân theo pháp luật của chủ thể tham gia hoạt động xét xử vụ án hình sự của TAND theo Điều 267 của BLTTSH năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021): "Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử vụ án hình sự của Tòa án. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật. Kiểm sát bản án, quyết định, văn bản tố tụng khác của Tòa án. Yêu cầu Tòa án cùng cấp, cấp dưới chuyển hồ sơ vụ án hình sự để xem xét, quyết định việc kháng nghị. Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Kiến nghị, yêu cầu Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ

luật này; kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm trong hoạt động tố tụng. Kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý. Thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị, nhiệm vụ, quyền hạn khác khi kiểm sát xét xử vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật này".

Ngoài ra, VKSND yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ: "Khi xét thấy cần bổ sung tài liệu, chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án mà không phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung. Yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ phải bằng văn bản, nêu rõ tài liệu, chứng cứ cần bổ sung và gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra văn bản yêu cầu. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án, Viện kiểm sát gửi cho Tòa án tài liệu, chứng cứ được yêu cầu bổ sung. Trường hợp Viện kiểm sát không bổ sung được tài liệu, chứng cứ thì Tòa án tiến hành xét xử vụ án." (Điều 284)

Thêm vào đó, VKSND còn có thẩm quyền rút quyết định truy tố tại Điều 285: "Khi xét thấy có một trong các căn cứ quy định tại Điều 157¹ của Bộ luật này hoặc có căn cứ quy định tại Điều 16² hoặc Điều 29³ hoặc khoản 2

¹ "Điều 157. Căn cứ không khởi tố vụ án hình sự
Không được khởi tố vụ án hình sự khi có một trong các căn cứ sau:

1. Không có sự việc phạm tội;
2. Hành vi không cấu thành tội phạm;
3. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự;
4. Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật;
5. Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự";
6. "Tội phạm đã được đại xá;
7. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác;
8. Tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của Bộ luật hình sự mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố".

² "Điều 16. Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự

Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa.

Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội, bị hại, đương sự thực hiện đầy đủ quyền bào chữa, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của Bộ luật này".

³ "Điều 29. Tiếng nói và chữ viết dùng trong tố tụng hình sự

Tiếng nói và chữ viết dùng trong tố tụng hình sự là tiếng Việt. Người tham gia tố tụng có quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình, trường hợp này phải có phiên dịch".

Điều 91⁴ của Bộ luật hình sự thì Viện kiểm sát rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa và đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án". Sau khi kết thúc việc xét hỏi, "kiểm sát viên có thể rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn" (Điều 319).

Ngoài ra, trong phạm vi thẩm quyền của mình, VKSND giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp theo Điều 22, 23, từ Điều 29 đến Điều 31 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và Điều 471, 476, 481, 483 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2021). Theo các quy định đó, VKSND giải quyết các khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp, đó là: "Tiếp nhận, phân loại, thụ lý, kiểm tra, xác minh khiếu nại, tố cáo; Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan; Áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra; Ra quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo; Thông báo quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo cho người đã khiếu nại, tố cáo" (Khoản 3, Điều 29 Luật Tổ chức VKSND năm 2014). Trong đó, VKSND có thẩm quyền giải quyết các khiếu nại sau: "Khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của người có thẩm quyền của VKSND trong hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp; Khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Thủ trưởng Cơ quan điều tra; kết quả giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng Cơ quan điều tra đối với quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra; Khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của người có thẩm quyền thuộc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; Khiếu nại trong hoạt động tạm giữ, tạm giam; Khiếu nại hành vi, quyết định quản lý, giáo dục phạm nhân của người được giao quản lý, giáo dục phạm nhân; Khiếu

⁴ "Điều 91. Lời khai của người làm chứng

1. Người làm chứng trình bày những gì mà họ biết nguồn tin về tội phạm, về vụ án, nhân thân của người bị buộc tội, bị hại, quan hệ giữa họ với người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng khác và trả lời những câu hỏi đặt ra.
2. Không được dùng làm chứng cứ những tình tiết do người làm chứng trình bày nếu họ không thể nói rõ vì sao biết được tình tiết đó".

nại khác theo quy định của pháp luật" (Khoản 1, Điều 29). VKSND có thẩm quyền quyết các tố cáo sau: "Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân trong hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp; Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động của người có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra; Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam; Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người được giao quản lý, giáo dục phạm nhân; Tố cáo khác theo quy định của pháp luật" (Khoản 2, Điều 29).

Trong quá trình giải quyết các khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp, VKSND có thể "trực tiếp giải quyết hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền ra quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo; kiểm tra việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động tư pháp của cấp mình và cấp dưới, thông báo kết quả cho VKSND; cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan cho VKSND"; ban hành "kết luận kiểm sát, thực hiện quyền kiến nghị, kháng nghị theo quy định của pháp luật" (Điều 30).

Thứ năm, trong giai đoạn thi hành án hình sự

(1) Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát tại cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp và cấp dưới; cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trực tiếp kiểm sát việc thi hành án phạt tù của trại giam đóng tại địa phương, địa bàn; kiểm sát việc thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại;

(2) Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát hồ sơ tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự; hồ sơ quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại và hồ sơ hoãn, miễn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi;

(3) Viện kiểm sát nhân dân gặp, hỏi người chấp hành án về thi hành án hình sự; xác minh, thu thập tài liệu để làm rõ vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thi hành án hình sự;

(4) Viện kiểm sát nhân dân tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành quản lý và giáo dục phạm nhân; kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án hình sự;

(5) Viện kiểm sát nhân dân yêu cầu: cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan; ra quyết định thi hành án và giải thích, sửa chữa bản án, quyết định của Tòa án; tự kiểm tra và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát; trả lời về quyết định, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật;

(6) Viện kiểm sát nhân dân phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật theo thẩm quyền; quyết định trả tự do ngay cho người đang chấp hành án phạt tù không có căn cứ và trái pháp luật;

(7) Viện kiểm sát nhân dân đề nghị và kiểm sát việc miễn, hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ chấp hành án; ra văn bản thể hiện quan điểm, tham gia phiên họp và kiểm sát việc xét, quyết định giảm, miễn thời hạn chấp hành án, tha tù trước thời hạn có điều kiện, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, rút ngắn thời gian thử thách của án treo, rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; có ý kiến bằng văn bản và kiểm sát việc hưởng thời hiệu thi hành bản án, xóa án tích. Có ý kiến bằng văn bản và kiểm sát trình tự, thủ tục Tòa án xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại và hoãn, miễn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi; tham gia phiên họp và kiểm sát

trình tự, thủ tục của Tòa án trong việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với các quyết định nêu trên;

(8) Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc áp dụng, thi hành biện pháp tư pháp trong thi hành án hình sự theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và pháp luật có liên quan;

(9) Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc đặc xá theo quy định của Luật Đặc xá;

(10) Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự; yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm và xử lý người vi phạm pháp luật; quyết định kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm các quyết định của Tòa án theo quy định của pháp luật;

(11) Viện kiểm sát nhân dân khởi tố hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm;

(12) Viện kiểm sát nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật.

3.2. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN SAI VÀ BỎ LỘT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP TỈNH Ở VIỆT NAM

3.2.1. Kết quả đạt được của hoạt động áp dụng pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam

3.2.1.1. Về đảm bảo tính hợp pháp

Thứ nhất, APDPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết vụ án hình sự đã được VKSND cấp tỉnh triển khai thực hiện bằng nhiều biện pháp chặt chẽ

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đã kiểm sát chặt chẽ về trình tự, thủ tục, căn cứ và thận trọng trong việc phê chuẩn lệnh, quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam của các cơ quan chức năng, yêu cầu bổ sung đầy đủ chứng cứ trước khi phê chuẩn; chú trọng nâng cao trách nhiệm của lãnh đạo, kiểm sát viên trong việc đánh giá chứng cứ để phê chuẩn và ban hành các lệnh, quyết định về bắt, tạm giữ, tạm giam bảo đảm có căn cứ, đúng pháp luật, hạn chế sai sót, vi phạm. Trong giai đoạn 2015-2022, VKSND cấp tỉnh đã thực hành quyền công tố, kiểm sát việc bắt, tạm giữ về hình sự 404.151 người, trong đó, xử lý về hình sự 383.307 người, đạt tỷ lệ 94,84%; trả tự do, không xử lý hình sự đối với 5.023 trường hợp. Thông qua thực hiện chức năng, nhiệm vụ, VKSND cấp tỉnh đã không phê chuẩn bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam và gia hạn tạm giữ, tạm giam đối với 24.909 trường hợp (*Bảng 3.1*).

Thông qua đó, góp phần bảo đảm việc bắt, tạm giữ, tạm giam đúng quy định của pháp luật, hạn chế đến mức thấp nhất việc lạm dụng và vi phạm trong áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo đảm quyền con người, quyền công dân theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tránh các trường hợp bỏ lọt tội phạm trong thực hiện bắt, tạm giữ, tạm giam.

Cùng với việc tăng cường kiểm sát việc áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, VKSND cấp tỉnh cũng chú trọng thực thi đầy đủ và hiệu quả nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra theo quy định của pháp luật, phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm và bảo đảm hoạt động điều tra tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Kết quả là, trong thời gian 08 năm (2015-2022), VKSND cấp tỉnh đã thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra 473.594 vụ/696.613 bị can (*Bảng 3.1*), trong đó, cơ quan điều tra đề nghị truy tố 328.674 vụ/439.563 bị can (đạt tỷ lệ 69,4% vụ/63,1% bị can) [63][64][65].

Bảng 3.1: Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án hình sự

Năm	Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc bắt, tạm giữ về hình sự	Xử lý hình sự	Không xử lý hình sự, trả tự do	Không phê chuẩn bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam và gia hạn tạm giữ, tạm giam	Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra		Bản yêu cầu điều tra	Huỷ quyết định khởi tố bị can
					Vụ	Bị can		
2015	67918	62571	802	4003	72409	108426	58646	263
2016	62897	60872	780	4653	69478	100138	63481	358
2017	61503	55567	776	3986	69473	97995	56812	271
2018	62275	59289	754	4039	73090	102077	60923	256
2019	64475	61350	798	3475	78522	110302	67842	301
2020	63372	62317	764	4543	84938	124659	59738	286
2021	11737	11377	227	118	12101	25135	8504	55
2022	9974	9964	122	92	13583	27881	9072	37
2015-2018	254593	238299	3112	16681	284450	408636	239862	1148
2019-2022	149558	145008	1911	8228	189144	287977	145156	679
Tổng	404151	383307	5023	24909	473594	696613	385018	1827

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của VKSNDTC (2023) [63][64][65].

Trong giai đoạn này, VKSND cấp tỉnh đã đình chỉ điều tra 9.564 vụ/11.051 bị can; tạm đình chỉ điều tra 54.357 vụ/6.926 bị can. Trong số các bị can được đình chỉ điều tra, có 246 bị can do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm, hoặc đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được tội phạm [63][64][65].

Thứ hai, VKSND cấp tỉnh đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm quán triệt, thực hiện nghiêm chỉ đạo của Viện trưởng VKSND tối cao nhằm tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh kiểm sát điều tra 100% vụ án hình sự ngay từ khi khởi tố vụ án; theo sát, nắm chắc tiến độ điều tra và việc lập hồ sơ của Cơ quan điều tra; kiên quyết không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can thiếu căn cứ và yêu cầu khởi tố ngay các trường hợp đủ căn cứ pháp luật; chú trọng đề ra và nâng cao chất lượng, hiệu quả yêu cầu điều tra. Cụ thể: đã ban hành 385.018 bản yêu cầu điều tra bảo đảm việc thu thập chứng cứ đầy đủ, toàn diện, đúng pháp luật; chủ động phối hợp trong việc xác định, đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng điều tra, truy tố và xét xử các vụ án trọng điểm, phức tạp, dư luận quan tâm. Qua thực hiện chức năng, nhiệm vụ, VKSND cấp tỉnh đã hủy 1.827 quyết định khởi tố bị can không có căn cứ, trái pháp luật (*Bảng 3.1*).

Ngày 02/10/2017 Viện trưởng VKSND tối cao đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-VKSTC của về tăng cường trách nhiệm của VKSND trong việc theo dõi, quản lý, giải quyết các vụ án hình sự tạm đình chỉ, nhằm quản lý chặt chẽ các vụ án, bị can đang tạm đình chỉ, kịp thời yêu cầu phục hồi hoặc ra quyết định giải quyết những vụ án đủ căn cứ theo đúng pháp luật. Thực hiện Chỉ thị này, từ năm 2017 đến năm 2022, VKSND cấp tỉnh đã tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng việc tạm đình chỉ giải quyết các vụ án hình sự, trả hồ sơ để điều tra bổ sung, thông qua đó, chất lượng trả hồ sơ ngày càng tốt hơn, số vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng giảm. Năm 2017, Viện kiểm sát trả Cơ quan điều tra 757 hồ sơ để điều tra bổ sung, Toà án trả Viện kiểm sát 1.728 hồ sơ để điều tra bổ sung; đến năm 2022, Viện kiểm sát trả CQĐT 503 hồ sơ để điều tra bổ sung, Toà án trả Viện kiểm sát 1.129 hồ sơ để điều tra bổ sung [63][64][65].

Thứ ba, công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra của VKSND cấp tỉnh ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn, góp phần bảo đảm hoạt động điều tra tuân thủ đúng pháp luật, đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án hình sự

Chất lượng công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra có nhiều chuyển biến tích cực; các trường hợp bắt, tạm giữ chuyển khởi tố hình sự tăng; chất lượng hồ sơ hình sự được nâng cao, số hồ sơ phải điều tra bổ sung giảm; số bị can phải đình chỉ do không phạm tội giảm; đáp ứng tốt yêu cầu theo Nghị quyết số 37, Nghị quyết số 63 của Quốc hội: tiến độ giải quyết án được đẩy nhanh hơn; tỉ lệ truy tố đúng thời hạn, đúng tội danh đều vượt chỉ tiêu; chú trọng phát hiện, kiên quyết yêu cầu chấn chỉnh nhiều vi phạm, thiếu sót trong hoạt động điều tra.

3.2.1.2. Về đảm bảo tính chính xác, khách quan

Thứ nhất, đa số các quyết định ADPL của VKSND trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự đều được dựa trên cơ sở chứng cứ khách quan, đầy đủ và các quy định pháp luật

Thời gian qua, trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, quy định của Hiến pháp và pháp luật, dưới sự chỉ đạo thống nhất của Viện trưởng VKSND tối cao, Viện kiểm sát các cấp đã thực hiện nhiều biện pháp tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, thực hiện tốt nhiệm vụ chống oan, sai và chống bỏ lọt tội phạm ngay từ giai đoạn đầu; đảm bảo mọi hành vi phạm tội bị phát hiện đều phải được khởi tố, điều tra, xử lý kịp thời.

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đã chủ động thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế thấp nhất oan, sai và chống bỏ lọt tội phạm, đảm bảo mọi hành vi phạm tội bị phát hiện đều phải được khởi tố, điều tra, xử lý kịp thời, hoàn thành tốt các chỉ tiêu, yêu cầu của Nghị quyết số 37/2012/QH13, Nghị quyết số 63/2013/QH13 của Quốc hội. Trong đó, tập trung kiểm sát chặt chẽ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra, chú trọng kiểm sát việc giải quyết những kiến nghị khởi tố vụ án về tham

những, kinh tế, chức vụ của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán, Hải quan; nâng cao chất lượng các cuộc kiểm sát trực tiếp; phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp kiểm tra, giám sát việc giải quyết tố giác, tin báo.

Theo đó, công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của VKSND tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Cụ thể, trong 04 năm (2019-2022), VKSND cấp tỉnh đã thụ lý thực hành quyền công tố và kiểm sát giải quyết cao hơn so với giai đoạn (2015-2018), đặc biệt tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đã tăng lên, từ mức 92,76% lên 92,95% (Bảng 3.2).

Bảng 3.2: Tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm của VKSND cấp tỉnh

Năm	Tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố	Giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố (tính cả tạm đình chỉ)	Tỷ lệ giải quyết
2015	106911	98798	92.41%
2016	106102	97353	91.75%
2017	107553	100474	93.42%
2018	109704	102483	93.42%
2019	111898	104532	93.42%
2020	110752	104121	94.01%
2021	10800	9444	87.44%
2022	12175	10205	83.82%
2015-2018	430270	399108	92.76%
2019-2022	245625	228302	92.95%

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của VKSNDTC (2023) [63][64][65].

Qua đó, đã ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố nhiều vụ án; đồng thời Viện kiểm sát đã phát hiện ra các tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố vi phạm thời hạn giải quyết (chiếm khoảng 10,7%) [63][64][65].

Thứ hai, VKSND cấp tỉnh cũng đã tiến hành nhiều biện pháp nhằm tăng cường trách nhiệm công tố, kiểm sát chặt chẽ việc lập hồ sơ, quyết định giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đã ban hành nhiều văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác minh, giải quyết kịp thời. Qua công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, trong giai đoạn 2015-2022, VKSND cấp tỉnh kiểm sát khởi tố 3472 vụ án (giai đoạn 2015-2018 là 2121 vụ án; giai đoạn 2019-2022 là 10121 vụ án), trung bình hơn 1530 vụ án/năm, tỷ lệ khởi tố/vụ việc thụ lý giải quyết từ 0,53% đến 4,43%, trong đó giai đoạn 2019-2022 cao hơn so với giai đoạn 2015-2018 (*Bảng 3.3*).

Bảng 3.3: Thực hiện kiến nghị khởi tố của VKSND cấp tỉnh

Năm	Khởi tố	Tỷ lệ khởi tố/vụ việc thụ lý giải quyết	Hủy quyết định không khởi tố	Hủy quyết định khởi tố	kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố	Kiến nghị, kháng nghị
2015	468	0.47%	46	72	1163	1243
2016	468	0.48%	57	105	1351	1650
2017	587	0.58%	49	89	1274	1219
2018	598	0.58%	58	92	1321	1327
2019	669	0.64%	60	95	1375	1472
2020	682	0.66%	61	94	1401	1577
2021	4207	44.55%	4	13	10800	201
2022	4563	44.71%	5	5	12175	216
2015-2018	2121	0.53%	210	358	5109	5439
2019-2022	10121	4.43%	130	207	25751	3466

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của VKSNDTC (2023) [63][64][65].

Bên cạnh đó, VKSND cấp tỉnh hủy 340 quyết định không khởi tố vụ án, trung bình 42,5 vụ/ năm;; hủy 565 quyết định khởi tố vụ án, trung bình

hơn 71 vụ/ năm;; tiến hành kiểm sát trực tiếp việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố 30.860 lượt (*trung bình 3857.5 lượt/năm*) tại Cơ quan điều tra, cơ quan được giao một số nhiệm vụ điều tra; phát hiện, ban hành 8.905 kiến nghị, kháng nghị yêu cầu khắc phục, phòng ngừa vi phạm, thiếu sót (*Bảng 3.3*).

Nhìn chung, thời gian qua, công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố ngày càng được thực hiện chặt chẽ, chủ động, tăng cường gắn kết với hoạt động điều tra. VKSND các cấp ngày càng chủ động hơn trong việc ban hành các yêu cầu xác minh giải quyết, yêu cầu hoặc tự ban hành quyết định xử lý, giải quyết khi có đủ căn cứ theo quy định của pháp luật. Qua đó, góp phần quan trọng trong việc chống oan, sai, bỏ lọt tội phạm ngay từ giai đoạn đầu tố tụng hình sự, bảo đảm đáp ứng tốt yêu cầu của Quốc hội.

3.2.1.3. Về đảm bảo tính khả thi

Thứ nhất, trong giai đoạn truy tố, nhiều biện pháp tăng cường trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp được VKSND cấp tỉnh triển khai thực hiện, từ đó nâng cao chất lượng kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án, các cơ quan chức năng chủ động tiến hành các hoạt động điều tra, thận trọng trong việc đánh giá chứng cứ, bảo đảm khách quan, toàn diện để giải quyết vụ án có căn cứ, đúng pháp luật, thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm; các quyết định truy tố, đình chỉ được xem xét thẩm tra rất thận trọng, chặt chẽ.

Thực tế cho thấy, kết quả trong 08 năm, từ 2015 đến 2022, VKSND cấp tỉnh thụ lý thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố 391.670 vụ/681.248 bị can; đã xử lý, giải quyết 378.361 vụ/650.645 bị can, đạt tỷ lệ 96,6% số vụ và 95,5% số bị can, trong đó, quyết định truy tố 316.175 vụ/552.277 bị can; đình chỉ 2.555 vụ/4.964 bị can (*Bảng 3.4*), riêng năm 2016 đình chỉ 647 vụ/1.801 bị can, tăng 70,3% số vụ, 204%

số bị can, trong đó: 880 bị can do miễn trách nhiệm hình sự, tăng 751 bị can; 14 bị can do không có sự việc phạm tội và hành vi không cấu thành tội phạm, tăng 01 bị can (gồm các tỉnh: Cà Mau 04; Quảng Ngãi 03; Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai mỗi đơn vị 02; Bình Dương, Đắk Lắk, Bến Tre mỗi đơn vị 01). Các quyết định ADPL của VKSND thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố đảm bảo tính khả thi, qua đó các cơ quan chức năng đã thụ lý, xử lý, giải quyết kịp thời các vụ án hình sự thuộc thẩm đạt tỷ lệ cao.

Bảng 3.4: Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố

Năm	Thụ lý		Xử lý, giải quyết		Kiến nghị khắc phục vi phạm	Kiến nghị yêu cầu áp dụng các biện pháp phòng ngừa
	Vụ án	Bị cáo	Vụ án	Bị cáo		
2015	63933	113830	63113	111589	813	399
2016	62052	105969	61470	104562	808	451
2017	60078	100515	59617	99215	854	556
2018	61005	104621	60271	100034	832	579
2019	65738	111128	61734	102745	865	598
2020	64865	110694	58299	98673	857	621
2021	6748	16614	6672	16217	189	155
2022	7251	17877	7185	17610	196	145
2015-2018	247068	424935	244471	415400	3307	1985
2019-2022	144602	256313	133890	235245	2107	1519
Tổng	391670	681248	378361	650645	5414	3504

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của VKSNDTC (2023) [63][64][65].

Nguyên nhân năm 2016 tăng là do thực hiện Nghị quyết số 109 của Quốc hội, trong khi đó năm 2015 đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự cho 129 bị can theo điều 129 BLTTHS 1999. Trong 03 năm tiếp theo đó, đình chỉ 36 bị can do hành vi không cấu thành tội phạm, không có sự kiện phạm tội xảy

ra; tỷ lệ truy tố đúng thời hạn và truy tố đúng tội danh đạt 99,9%, vượt chỉ tiêu yêu cầu trong Nghị quyết số 37 của Quốc hội); tạm đình chỉ 390 vụ/596 bị can; số vụ đang giải quyết đều trong thời hạn luật định.

Thứ hai, VKSND cấp tỉnh đã chủ động tiến hành các hoạt động điều tra, phúc cung, nhất là đối với những vụ án nghiêm trọng, phức tạp, chứng cứ có nhiều mâu thuẫn, các quyết định ADPL này của VKSND cấp tỉnh có tính khả thi cao, góp phần vào tăng cường việc phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự

Nếu năm 2017, VKSND cấp tỉnh đã thận trọng trong việc ban hành các quyết định truy tố; trực tiếp hỏi cung bị can trong 42.234 vụ án, chiếm 70,3% vụ án thụ lý thì đến năm 2022, tỷ lệ này tăng lên 76,7%, tương đương với 49.751 vụ án thụ lý; trong 04 năm từ 2019 đến 2022, VKSND cấp tỉnh trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra 4.239 vụ án [63][64][65].

Đồng thời, trong thời gian 08 năm qua, VKSND cấp tỉnh đã ban hành 5.414 kiến nghị yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục vi phạm (giai đoạn 2015-2018 là 3.307 kiến nghị, giai đoạn 2019-2022 là 2.107 kiến nghị); 3.504 kiến nghị yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm (giai đoạn 2015-2018 là 1.985 kiến nghị, giai đoạn 2019-2022 là 1.519 kiến nghị) (*Bảng 3.4*).

Thứ ba, nội dung các quyết định ADPL do VKSND cấp tỉnh ban hành nhằm thực hành quyền công tố đều có tính khả thi, từ đó góp phần tăng cường trách nhiệm thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử hình sự của VKSND cấp tỉnh

Trong thời gian 08 năm qua, "chất lượng công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự ngày càng được nâng cao", góp phần để Tòa án đưa ra phán quyết đúng người, đúng tội, "đúng pháp luật, hạn chế oan sai, bỏ lọt tội phạm", cụ thể là: Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đã ban hành các quyết định ADPL về phòng, chống oan sai, bỏ lọt tội phạm trong

quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử theo thủ tục sơ thẩm 377.548 vụ/650.458 bị cáo, trong đó giai đoạn 2015-2018 là 239.797 vụ/399.069 bị cáo, giai đoạn 2019-2022 là 137.751 vụ/251.389 bị cáo; bên cạnh đó, VKSND cấp tỉnh thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử theo thủ tục phúc thẩm 117.995 vụ án/179.136 bị cáo (Bảng 3.5).

Bảng 3.5: VKSND cấp tỉnh thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử

Năm	Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử theo thủ tục sơ thẩm		VKSND ban hành kháng nghị phúc thẩm		Chấp nhận kháng nghị		Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử theo thủ tục phúc thẩm	
	Vụ án	Bị cáo	Vụ án	Bị cáo	Vụ án	Bị cáo	Vụ án	Bị cáo
2015	59753	98752	1321	1893	603	1034	16101	24313
2016	60496	101602	1473	2157	695	1171	16317	24601
2017	57879	95141	1012	1607	563	1128	14490	21866
2018	61669	103574	809	1475	563	1128	14986	21995
2019	61850	106536	1328	1724	761	1343	15231	22642
2020	59343	102618	907	1672	614	1278	15467	22968
2021	7763	19724	541	913	446	758	11925	18583
2022	8795	22511	614	1201	513	969	13478	22168
2015-2018	239797	399069	4615	7132	2424	4461	61894	92775
2019-2022	137751	251389	3390	5510	2334	4348	56101	86361
Tổng	377548	650458	8005	12642	4758	8809	117995	179136

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của VKSNDTC (2021) [63][64][65].

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đã thực hiện nghiêm Chi thị số 03/CT-VKSTC-PT1 của Viện trưởng VKSND tối cao về tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm; nâng cao trách nhiệm của kiểm sát viên; kiểm sát đầy đủ, chặt chẽ các bản án, quyết định của Tòa án, kịp thời phát hiện vi phạm, sai sót để kiến nghị, kháng nghị yêu cầu khắc phục. VKSND cấp tỉnh đã ban hành

kháng nghị phúc thẩm đối với 8.005 vụ án/12.642 bị cáo, trong đó Toà án đã chấp nhận xét xử phúc thẩm các vụ án/bị cáo có kháng nghị của VKSND cấp tỉnh là 4.758 vụ án/8.809 bị cáo (đạt tỷ lệ 59,44% vụ án/69,68% bị cáo) (*Bảng 3.5*). Thông qua công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử, đã phát hiện nhiều vi phạm pháp luật, thiếu sót trong hoạt động xét xử như vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn hoãn phiên tòa, thời hạn tạm giam, thời hạn gửi các bản án, quyết định cho VKSND, vi phạm trong áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tổng hợp hình phạt...

Kết quả trên cho thấy, trách nhiệm công tố của kiểm sát viên tại các phiên tòa được tăng cường, quan điểm giải quyết vụ án bảo đảm khách quan, toàn diện, có căn cứ pháp luật; chất lượng tranh tụng của kiểm sát viên được nâng lên; đã ban hành nhiều kháng nghị, đảm bảo chất lượng, chú trọng phát hiện và kiên quyết kháng nghị phúc thẩm đối với những bản án có vi phạm pháp luật. Tiếp tục hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Nghị quyết số 37, Nghị quyết số 63 của Quốc hội và các chỉ thị công tác của Ngành. Qua công tác kiểm sát đã phát hiện nhiều bản án có dấu hiệu oan, sai, kịp thời kháng nghị khắc phục sai sót, minh oan cho người vô tội, điển hình như vụ ông Nguyễn Thanh Chấn ở huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Viện kiểm sát các cấp đã ban hành 1003 kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục, phòng ngừa vi phạm, bảo đảm hoạt động xét xử tuân thủ đúng pháp luật, hạn chế thiếu sót, không xảy ra oan, sai.

Những kết quả đạt được ở trên cho thấy, chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND cấp tỉnh trong giải quyết các vụ án hình sự tiếp tục đạt kết quả tốt, điều đó cho thấy hoạt động ADPL về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ngày càng được chú trọng và hiệu quả. Thực tế, VKSND cấp tỉnh đã tích cực đẩy nhanh tiến độ, tỉ lệ giải quyết án; tích cực nắm bắt thông tin các vụ việc có dấu hiệu oan, sai để kịp thời phát hiện, xử lý

ng nghiêm minh; chú trọng công tác kiến nghị phòng ngừa vi phạm, tội phạm,... đặc biệt, các trường hợp oan, sai tiếp tục giảm đáng kể. Qua đó, hiệu quả, trách nhiệm của VKSND trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm ngày càng được khẳng định.

3.2.2. Những hạn chế của hoạt động áp dụng pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam

Thời gian qua, bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được như đã phân tích ở phần trên, hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh vẫn còn có những hạn chế, tồn tại nhất định, cụ thể là:

3.2.2.1. Về đảm bảo tính hợp pháp

Thứ nhất, VKSND ở một số tỉnh, thành chưa đề cao trách nhiệm công tố trong giai đoạn điều tra, vẫn còn xảy ra trường hợp truy tố thiếu chính xác, thiếu căn cứ, phải rút quyết định truy tố, đình chỉ vụ án, bị can do hành vi không cấu thành tội phạm hoặc bị Tòa án trả hồ sơ vì thiếu chứng cứ, vi phạm tố tụng hình sự; một số quyết định truy tố có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, bị Tòa án yêu cầu khởi tố tội phạm mới, bị can mới và khởi tố bổ sung tội danh mới.

Thứ hai, một số VKSND cấp tỉnh đã "vi phạm Quy chế nghiệp vụ của ngành", không thực hiện nghiêm túc Quy chế về thông tin báo cáo trong ngành kiểm sát nhân dân, không báo cáo án bằng văn bản và duyệt án trước khi quyết định truy tố nên cả kiểm sát viên và Lãnh đạo đều không nắm vững nội dung vụ án, hệ thống chứng cứ, những vi phạm, mâu thuẫn của tài liệu chứng cứ. Nội dung cáo trạng đơn giản sơ sài, "không có lập luận, không chú trọng đánh giá về những tài liệu, chứng cứ có tính chất gỡ tội, lời khai không nhận tội của bị can". Do đó, "khi Tòa án trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc bị cáo chối tội, bị hại, nhân chứng thay đổi lời khai thì kiểm sát viên và Lãnh đạo lúng túng, phát sinh tư tưởng bảo thủ cho rằng có đủ tài liệu chứng cứ để truy tố, kết tội".

3.2.2.2. Về đảm bảo tính chính xác, khách quan

Thứ nhất, một số đơn vị, nghiệp vụ của VKSND cấp tỉnh chưa kiểm sát chặt chẽ, kịp thời việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm dẫn đến bỏ lọt tội phạm; việc phối hợp giải quyết những tố giác, tin báo quá hạn chưa triệt để; công tác phát hiện vi phạm và kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm trong giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố còn chưa kịp thời.

Lãnh đạo một số đơn vị "chưa thận trọng, cân nhắc khi phân công kiểm sát viên, cán bộ thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử vụ án, nhất là các vụ án phức tạp". Trong quá trình giải quyết vụ án, Lãnh đạo một số đơn vị ""khoán trắng" cho kiểm sát viên, chưa làm hết trách nhiệm, không kiểm tra chặt chẽ kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự và Quy chế nghiệp vụ; không chỉ đạo xử lý kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử". Điều này thể hiện ở thực tiễn nhiều vụ án "Tòa tuyên không phạm tội hoặc hủy án để điều tra lại đều có nguyên nhân do chứng cứ có mâu thuẫn hoặc không đủ chứng cứ buộc tội, các vụ án này kiểm sát viên không thực hiện đầy đủ các hoạt động nghiệp vụ trong quá trình kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường", không kịp thời đề ra yêu cầu "điều tra để làm rõ những tình tiết vụ án, giải quyết các mâu thuẫn trong tài liệu chứng cứ hoặc có văn bản yêu cầu điều tra nhưng sơ sài, không thực hiện hoạt động kiểm sát việc thu thập chứng cứ, lập hồ sơ của cơ quan điều tra". Đa số các vụ án oan, sai và án hủy đều thể hiện "công tác chỉ đạo của Lãnh đạo đơn vị còn rất "mờ nhạt", không thể hiện "bút tích" chỉ đạo trong hồ sơ kiểm sát hoặc chỉ phê "Đồng ý theo đề xuất" mà không nêu căn cứ cụ thể".

Các vụ án bị can kê oan, vụ án phức tạp, vướng mắc về chứng cứ nhưng "Lãnh đạo một số đơn vị không trực tiếp nghiên cứu kiểm tra hồ sơ, không chỉ đạo kiểm sát viên tiến hành phúc cung bị can, ghi lời khai người bị hại, nhân chứng kiểm tra tính căn cứ của các tài liệu trước khi phê chuẩn mà

chủ quan tin vào các tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập dẫn đến phê chuẩn các quyết định, ký cáo trạng truy tố không đảm bảo về tố tụng và chứng cứ", hậu quả là "Tòa đã tuyên không phạm tội hoặc tuyên hủy, như vụ Phan Văn Minh không phạm tội "Hiếp dâm" ở Cà Mau, bị cáo kêu oan nhưng khi kiểm sát viên đề xuất truy tố, Lãnh đạo VKSND tỉnh Cà Mau không chỉ đạo kiểm sát viên tiến hành phúc cung, ghi lời khai người bị hại, nhân chứng" (*Phụ lục 1*).

Thứ hai, trách nhiệm thực hành quyền công tố trong hoạt động điều tra đối với một số vụ án chưa tốt; chưa theo sát, nắm chắc tiến độ điều tra và việc lập hồ sơ vụ án, chưa ban hành kịp thời yêu cầu điều tra; việc phê chuẩn các quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn có trường hợp chưa chính xác; vẫn còn một số trường hợp phê chuẩn việc bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, sau đó phải chuyển xử lý hành chính hoặc phải trả tự do; một số trường hợp hồ sơ thiếu chứng cứ hoặc có vi phạm trong thu thập chứng cứ phải trả điều tra bổ sung, có trường hợp phải đình chỉ do hành vi của bị can không cấu thành tội phạm.

Lãnh đạo đơn vị không làm đúng "nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của BLTTHS, chạy theo thành tích, phấn đấu giải quyết hết án trong thời hạn nhất định nên chất lượng điều tra, truy tố không đảm bảo, dẫn đến oan sai, bị Tòa án tuyên không phạm tội hoặc hủy án để điều tra, xét xử lại"; "quyết định việc phê chuẩn khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam, quyết định việc truy tố và xử lý vụ án vì sức ép dư luận tại địa phương". Điển hình là vụ Phan Văn Minh không phạm tội "Hiếp dâm" ở Cà Mau, "Viện trưởng trực tiếp ký quyết định phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam, quyết định truy tố khi chứng cứ vụ án còn nhiều mâu thuẫn, không đủ chứng cứ buộc tội, sợ sức ép từ dư luận và Cơ quan điều tra; thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra hoạt động nghiệp vụ của kiểm sát viên là Phó Viện trưởng". Viện trưởng "trực tiếp đi thực nghiệm điều tra nhưng cũng không phát hiện được các mâu thuẫn, vi phạm. Nhưng khi họp kiểm điểm sau khi Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội, Viện trưởng không nghiêm túc trong việc rút kinh nghiệm các sai sót và không nhận trách nhiệm" (*Phụ lục 1*).

Đối với Phó Viện trưởng là "người trực tiếp kiểm sát điều tra vụ án nhưng không thực hiện các hoạt động kiểm sát như đề ra yêu cầu điều tra để làm rõ các mâu thuẫn trong các tài liệu chứng cứ; không thu thập và đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, chỉ tập trung vào chứng cứ buộc tội, không quan tâm đến chứng cứ gỡ tội, không làm rõ đơn kêu oan của bị cáo, suy diễn chủ quan, lệ thuộc vào ý kiến Viện trưởng và Phòng nghiệp vụ VKSND tỉnh". Cả Viện trưởng và Phó Viện trưởng đều "không xem xét khách quan các yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án, dẫn đến Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm tuyên bị cáo không phạm tội."

Thứ ba, khi quyết định các biện pháp tố tụng hoặc đường lối xử lý vụ án, "Lãnh đạo không xem xét toàn diện khách quan ý kiến đề xuất của kiểm sát viên giải quyết vụ án, thay đổi kiểm sát viên khi kiểm sát viên có ý kiến giải quyết vụ án trái với quan điểm của mình". Khi duyệt án, nghe báo cáo nhưng "không kỹ, không sâu, thiếu thận trọng trong việc đánh giá chứng cứ, Lãnh đạo chỉ căn cứ vào báo cáo của kiểm sát viên, không trực tiếp kiểm tra tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để đối chiếu với nội dung đề xuất của kiểm sát viên nên không phát hiện được những thiếu sót trong quá trình giải quyết vụ án để chỉ đạo khắc phục, cũng như hạn chế trong nghiên cứu đề xuất của kiểm sát viên để rút kinh nghiệm".

Thứ tư, kiểm sát viên không "thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn trong quá trình kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra. Chẳng hạn: vụ Nguyễn Văn Đồng, Tòa án tuyên không phạm tội "Giết người" tại Bình Phước, quá trình khám nghiệm hiện trường có thu giữ vật chứng là cây gỗ dài 1,17m và viên gạch tàu nhưng không được niêm phong", kiểm sát viên không "phát hiện vi phạm để yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 75 BLTTHS năm 2003, quá trình thực nghiệm điều tra Cơ quan điều tra không tuân thủ quy định tại Điều 153 BLTTHS năm 2003 nhưng kiểm sát viên cũng không có ý kiến"

(*Phụ lục 2*). Ngoài ra, kiểm sát viên không "kịp thời đề ra yêu cầu điều tra để làm rõ những tình tiết vụ án, nhằm giải quyết các mâu thuẫn trong tài liệu chứng cứ để đảm bảo có đủ chứng cứ khi quyết định việc truy tố bị can ra trước tòa, như vụ Phan Văn Minh, Tòa án tuyên không phạm tội "Hiếp dâm" ở Cà Mau", trong suốt quá trình điều tra "kiểm sát viên (là Phó Viện trưởng) không đề ra yêu cầu điều tra mặc dù tài liệu có nhiều mâu thuẫn giữa lời khai của bị hại với thực tế hiện trường, lời khai nhân chứng" (*Phụ lục 1*). Các vụ án "Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội hoặc hủy án, kiểm sát viên đều không làm tốt việc đề ra yêu cầu điều tra. Có trường hợp kiểm sát viên nể nang, ngại va chạm nên không kiên quyết buộc Cơ quan điều tra thực hiện hết các yêu cầu điều tra".

Thứ năm, kiểm sát viên "không kiểm tra, xác minh kỹ các tài liệu, chứng cứ trước khi phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn"; "không thực hiện các hoạt động hỏi cung bị can, lấy lời khai của bị hại, nhân chứng; không xác minh khi bị can kêu oan, có mâu thuẫn trong lời khai, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, do vậy không phát hiện được các vi phạm, thiếu sót trong quá trình điều tra hoặc không dự liệu được các tình huống có khả năng phát sinh như việc bị cáo khai bị bức cung trong giai đoạn điều tra, bị cáo phản cung, chối tội tại phiên tòa".

Khả năng nghiên cứu, đánh giá chứng cứ của kiểm sát viên còn yếu, "không phát hiện những chứng cứ còn thiếu hoặc những vi phạm tố tụng trong quá trình thu thập chứng cứ để yêu cầu khắc phục mà vẫn đề xuất phê chuẩn khởi tố bị can, truy tố, dẫn đến Tòa án tuyên không phạm tội hoặc hủy án". Một số kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án hình sự "còn nặng tư duy buộc tội, chỉ tập trung xem xét, đánh giá các chứng cứ buộc tội, không quan tâm đến việc thu thập đánh giá chứng cứ gỡ tội, chính vì vậy, đã không vô tư, không khách quan khi thực hiện nhiệm vụ". kiểm sát viên không "kiểm sát việc kết thúc điều tra để đảm bảo

đầy đủ chứng cứ khi hồ sơ chuyển VKSND và chủ quan, hạn chế trong việc tổng hợp chứng cứ, đánh giá chứng cứ khi đề nghị truy tố". Một số trường hợp kiểm sát viên "nghiên cứu hồ sơ không toàn diện nên không phát hiện kịp thời những thiếu sót trong quá trình thu thập chứng cứ để khắc phục mà vẫn truy tố, xét xử". Một số kiểm sát viên có "tư tưởng bảo thủ, không tiếp thu quan điểm của Lãnh đạo hoặc kiểm sát viên khác". Năng lực của kiểm sát viên còn hạn chế thể hiện ở việc "nghiên cứu, đề xuất trong các giai đoạn kiểm sát khởi tố vụ án, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, quyết định việc truy tố còn sơ sài, không đầy đủ, nhiều vụ án báo cáo đề xuất của kiểm sát viên chỉ ghi ngắn gọn nội dung vụ án và quan điểm đề xuất, không ghi cụ thể những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội và lập luận, căn cứ đề xuất phê chuẩn, đề nghị quyết định việc truy tố, đặc biệt là không đánh giá những mâu thuẫn, vi phạm của hệ thống tài liệu chứng cứ".

Kiểm sát viên không thực hiện "hoạt động kiểm sát việc thu thập chứng cứ, lập hồ sơ của Điều tra viên nên không phát hiện được các vi phạm tố tụng của Điều tra viên như bức cung, mớm cung, lập sẵn biên bản để bị can, bị hại, nhân chứng ký, không đảm bảo quyền bào chữa, việc giám hộ trong quá trình hỏi cung bị can, ghi lời khai người bị hại, nhân chứng, thu thập tài liệu, trong khi Kiểm sát viên lại dựa vào các chứng cứ này để kết tội bị cáo"; do đó tại phiên tòa, "bị cáo, nhân chứng thay đổi lời khai, Luật sư đưa ra các tài liệu xác định dấu hiệu vi phạm của Điều tra viên, vi phạm của chứng cứ, dẫn đến việc Hội đồng xét xử đánh giá quá trình điều tra có vi phạm nên tuyên bố bị cáo không phạm tội hoặc hủy để điều tra lại nhưng không khắc phục được". Điển hình là vụ Nguyễn Văn Đồng ở Bình Phước, "chứng cứ rất quan trọng để buộc tội bị cáo là lời khai của cháu Trần Ký Thảo, sinh ngày 15/7/2007 là con của bị hại Trần A Ứng, đây là người làm chứng trực tiếp duy nhất trong vụ án, quá trình lấy lời khai Cơ quan điều tra có vi phạm trong việc mời người giám hộ, nhưng Kiểm sát viên không phát hiện và yêu cầu khắc phục mà vẫn sử dụng tài liệu này làm chứng cứ buộc tội" (*Phụ lục 2*).

3.2.2.3. Về đảm bảo tính khả thi

Thực tế vẫn xảy ra trường hợp truy tố không đúng người, đúng tội hoặc bỏ lọt tội phạm và người phạm tội; một số trường hợp VKSND truy tố, Tòa án xét xử tuyên bị cáo không phạm tội; một số vụ án còn để kéo dài thời hạn giải quyết, trong đó có các vụ án về tham nhũng, kinh tế; chất lượng tranh tụng của kiểm sát viên tại một số phiên tòa chưa đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp; một số đơn vị chậm phát hiện vi phạm trong các bản án sơ thẩm của Tòa án để kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu khắc phục, phòng ngừa tội phạm; Trách nhiệm kháng nghị phúc thẩm của VKSND cấp sơ thẩm chưa được đề cao, nên số kháng nghị phúc thẩm của VKSND cấp sơ thẩm chiếm tỷ lệ thấp so với số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp trên; một số kháng nghị thiếu căn cứ, bị VKSND cấp trên rút kháng nghị.

Theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 quy định kiểm sát viên có quyền "...đề ra yêu cầu điều tra...", Viện trưởng, Phó Viện trưởng có quyền yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra, cấp trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành hoạt động điều tra thay đổi Điều tra viên, cán bộ điều tra; kiểm sát viên có quyền yêu cầu thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Theo đó, yêu cầu điều tra là văn bản pháp lý thể hiện toàn bộ nội dung công việc mà kiểm sát viên của VKSND cấp tỉnh yêu cầu Điều tra viên phải tiến hành để VKSND quyết định truy tố hay không truy tố bị can ra xét xử trước TAND. Tuy nhiên cơ chế ràng buộc trách nhiệm của Cơ quan điều tra, Điều tra viên trong việc thực hiện các quyết định, yêu cầu của VKSND, kiểm sát viên chưa được quy định chặt chẽ. Nhiều trường hợp, Cơ quan điều tra, Điều tra viên không thực hiện các yêu cầu, quyết định của VKSND và kiểm sát viên nhưng không có biện pháp xử lý trách nhiệm. Thực tế này dẫn đến chất lượng, hiệu quả điều tra một số loại án còn thấp, còn xảy ra tình trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần giữa các cơ quan tố tụng, kéo dài thời hạn và làm giảm chất lượng giải quyết vụ án. Để thực hiện chức

năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của VKSND trong tố tụng hình sự, nhất là các quyền năng pháp lý của VKSND khi thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động điều tra có hiệu quả cần xây dựng cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra, có những chế định ràng buộc trách nhiệm của Cơ quan điều tra, Điều tra viên trong việc thực hiện các yêu cầu và quyết định của Viện kiểm sát, kiểm sát viên.

3.2.3. Nguyên nhân kết quả đạt được và hạn chế của hoạt động áp dụng pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam

3.2.3.1. Nguyên nhân kết quả đạt được

Những kết quả đạt được của hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam xuất phát từ nguyên nhân chủ quan và khách quan sau:

Thứ nhất, nguyên nhân khách quan

Phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của ngành KSND trong nhiều năm qua, đã, đang và luôn được Quốc hội và toàn Ngành Kiểm sát triển khai thực hiện nhiều biện pháp để thực hiện tốt, nhất là khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 37/2012/QH13 và Nghị quyết số 63/2013/QH13. Bên cạnh đó, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 96/2015/QH13 về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự, quy định của Hiến pháp và pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm được hiệu quả; Viện trưởng VKSND tối cao đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-VKSTC ngày 10/7/2015 về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và nâng cao trách nhiệm trong giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự.

Hàng năm, Viện trưởng VKSND tối cao đều nhấn mạnh nhiệm vụ này, đồng thời đề ra nhiều giải pháp trong các Chỉ thị công tác để yêu cầu toàn

Ngành nỗ lực triển khai, thực hiện. VKSND các cấp đã triển khai, thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra; đồng thời, nâng cao chất lượng tranh tụng của kiểm sát viên tại các phiên tòa hình sự, bảo đảm hạn chế đến mức thấp nhất việc bỏ lọt tội phạm, đặc biệt là khắc phục việc xảy ra oan, sai.

Thứ hai, nguyên nhân chủ quan

Một là, VKSND cấp tỉnh đã phân công kiểm sát viên thực hành quyền công tố từ giai đoạn điều tra đến giai đoạn xét xử nhằm chuẩn bị tốt các điều kiện để tranh tụng tại phiên tòa, hạn chế thấp nhất các trường hợp phải thay đổi, rút quyết định truy tố, hoặc Tòa án xử khác tội danh đã truy tố; yêu cầu lãnh đạo đơn vị, kiểm sát viên có năng lực, kinh nghiệm thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử các vụ án phức tạp, vụ án được dư luận quan tâm; tăng cường mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, xây dựng các chuyên đề nâng cao trình độ, kỹ năng và trách nhiệm của đội ngũ kiểm sát viên; xây dựng, tổ chức thực hiện Quy tắc ứng xử của kiểm sát viên tại phiên tòa, quy trình thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự từ nghiên cứu hồ sơ vụ án, chuẩn bị đề cương xét hỏi, phương án, tình huống có thể xảy ra tại phiên tòa, kỹ năng tham gia xét hỏi, tranh tụng làm rõ nội dung vụ án tại phiên tòa; tăng cường công tác kháng nghị và thực hiện tốt thẩm quyền mới của VKSND; tham gia các hội nghị trực tuyến toàn Ngành rút kinh nghiệm các trường hợp Viện kiểm sát truy tố, Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội hoặc hủy án để điều tra, xét xử lại; chủ động lựa chọn, phối hợp với Tòa án tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm, phiên tòa trực tuyến...

Hai là, VKSND cấp tỉnh tiếp tục chủ động phối hợp tốt với Cơ quan điều tra, Tòa án tập trung đẩy nhanh tiến độ, xử lý dứt điểm, nghiêm minh các vụ án lớn về kinh tế, chức vụ, tham nhũng, các vụ án việc giải quyết đã kéo dài nhiều năm và những vụ án do TAND cấp trên tuyên hủy án để điều tra, xét xử lại.

So với giai đoạn 2015-2018, trong giai đoạn 2019-2022, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng có nhiều chuyển biến tích cực; số vụ án tham nhũng được phát hiện, khởi tố tăng 17,9%; đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử các vụ án do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo; không để xảy ra oan, sai; kiên quyết và xử lý nghiêm minh nhiều vụ án trọng điểm. Bên cạnh đó, thực hiện chỉ đạo của VKSNDTC, Lãnh đạo VKSND cấp tỉnh quan tâm chỉ đạo, xử lý kịp thời những thông tin báo chí nêu liên quan đến hoạt động của Ngành, nhất là về các vụ việc phản ánh dấu hiệu oan, sai trong giải quyết án hình sự để kịp thời chỉ đạo rà soát, kiểm tra, giải quyết dứt điểm; xử lý nghiêm cán bộ vi phạm, điển hình như vụ khởi tố điều tra chủ quán cà phê "Xin Chào" tại huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh về tội Kinh doanh trái phép (sau khi nhận thông tin vụ án có dấu hiệu oan lãnh đạo VKSNDTC đã chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ thuộc VKSNDTC kiểm tra; trực tiếp nghe báo cáo và chỉ đạo đình chỉ vụ án; xử lý trách nhiệm lãnh đạo, kiểm sát viên liên quan) và một số vụ, việc khác.

Ba là, công tác kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố ngày càng chặt chẽ hơn; quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự được tiến hành sớm hơn, chặt chẽ hơn, sâu sát, toàn diện và gắn chặt hơn, trách nhiệm công vụ của mỗi cá nhân, đơn vị được đề cao; kiểm sát viên đã chủ động, tích cực đề ra các yêu cầu điều tra, trực tiếp tiến hành điều tra, phúc cung; thận trọng trong việc phê chuẩn các lệnh, quyết định, cũng như trong việc ban hành các quyết định tố tụng thuộc thẩm quyền; kiểm sát, kiểm tra chặt chẽ các quyết định đình chỉ, bảo đảm không bỏ lọt tội phạm, đồng thời hạn chế việc oan, sai. Chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự có những chuyển biến tích cực; đã thực hiện biện pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa hình sự, kiểm sát viên đã từng bước làm tốt

công tác tranh tụng, góp phần bảo đảm cho Hội đồng xét xử ra bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế oan, sai. Công tác kháng nghị hình sự được tăng cường, kết quả ngày càng được nâng cao; hàng năm, toàn Ngành đã ban hành hơn một nghìn bản kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm hình sự, tỉ lệ chấp nhận đều đạt và vượt chỉ tiêu của Quốc hội, theo đó đã kịp thời phát hiện nhiều sai sót, vi phạm trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, đặc biệt là phát hiện những bản án có dấu hiệu oan để khắc phục.

Bốn là, VKSND tối cao đã chỉ đạo toàn Ngành theo dõi, quản lý chặt chẽ các trường hợp oan, sai. Những trường hợp oan, sai, phải được báo cáo ngay đến VKSND tối cao để theo dõi, quản lý, yêu cầu kiểm điểm làm rõ nguyên nhân và xử lý nghiêm minh trách nhiệm của những cá nhân, tập thể liên quan; đồng thời chuẩn bị các điều kiện để thực hiện trách nhiệm đối với người bị oan, sai. Có thể khẳng định rằng, về cơ bản, VKSND các cấp đã thực hiện tốt trách nhiệm của mình trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm.

3.2.3.2. Nguyên nhân hạn chế

Những tồn tại, hạn chế trong hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh có nhiều nguyên nhân, trong đó có các nguyên nhân khách quan, chủ quan chủ yếu sau:

Thứ nhất, nguyên nhân khách quan

Một là, quy định của pháp luật hiện hành còn chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, nhiều bất cập, chưa cụ thể, rõ ràng. Một số tội danh quy định trong BLHS hiện hành có cấu thành khó xác định, chứng minh trong thực tiễn điều tra, nhất là những tội danh có dấu hiệu chủ quan là dấu hiệu bắt buộc trong định tội, như: Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản..., hoặc những tội phạm đòi hỏi chứng minh hậu quả thiệt hại nhưng khó khăn trong việc xác định thiệt hại có cấu thành hình thức; một số cấu thành tội phạm giống nhau, khó phân biệt, dễ nhầm lẫn. Nhiều từ ngữ quy

định trong luật hình sự, đặc biệt là từ ngữ định lượng, định tính liên quan đến việc xác định tội danh thiếu rõ ràng, dẫn đến nhận thức không thống nhất trong thực tiễn... "Pháp luật về giám định chưa hoàn thiện về quy chuẩn, thời hạn giám định, nhất là giám định chuyên ngành như xây dựng, tài chính, ngân hàng, văn hóa, giao thông" [63]; "công tác hướng dẫn, giải thích pháp luật của cơ quan có thẩm quyền chưa được thực hiện thường xuyên, kịp thời", dẫn đến sự thiếu sự thống nhất trong nhận thức, áp dụng pháp luật trong giải quyết các vụ án.

Hai là, số lượng án hình sự ngày càng tăng; "tình hình tội phạm ngày càng diễn biến phức tạp, thủ đoạn tinh vi gây khó khăn cho việc chứng minh tội phạm". Một số vụ án thu thập chứng cứ khó khăn do không có nhân chứng, "dấu vết trên hiện trường bị xáo trộn, không còn nguyên vẹn, nhân chứng không hợp tác". Tính từ năm 2015 đến năm 2022, "khối lượng công việc phải giải quyết của VKSND cấp tỉnh đã tăng lên bình quân khoảng 35-40%, có nhiệm vụ tăng 50%" [66].

Ba là, hiện nay cơ cấu tổ chức bộ máy của VKSND địa phương được tổ chức theo 6 mô hình. Cụ thể: có 2 VKSND cấp tỉnh có cơ cấu tổ chức bộ máy gồm 12 phòng; có 08 VKSND cấp tỉnh có cơ cấu tổ chức bộ máy gồm 11 phòng; có 8 VKSND cấp tỉnh có cơ cấu tổ chức bộ máy gồm 10 phòng; có 16 VKSND cấp tỉnh có cơ cấu tổ chức bộ máy gồm 9 phòng; có 31 VKSND cấp tỉnh có cơ cấu tổ chức bộ máy gồm 8 phòng. Mặc dù quy định như trên phụ thuộc vào khối lượng công việc, quy mô của VKSND cấp tỉnh và điều kiện thực tế của từng địa phương. Tuy nhiên, việc tổ chức bộ máy VKSND cấp tỉnh theo cơ cấu như trên đã tạo nên sự thiếu đồng bộ, thống nhất, khó khăn cho công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và công tác thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Thực tế cho thấy những biến động về cơ cấu tổ chức như trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND.

Bốn là, kinh phí bảo đảm hoạt động của ngành Kiểm sát còn thấp so với yêu cầu thực tế; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc của VKSND các cấp tuy đã được quan tâm hơn nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là ở cấp huyện; trụ sở làm việc của nhiều VKSND địa phương đã lạc hậu, xuống cấp nghiêm trọng, không có nhà để xe, nhà công vụ; vẫn còn có Viện kiểm sát phải đi thuê trụ sở làm việc. Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã đánh giá: "Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của các cơ quan tư pháp chưa thực sự đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ". Trong những gần đây, VKSND tối cao rất quan tâm tới việc đầu tư xây dựng và bảo trì, sửa chữa hệ thống trụ sở của VKSND cấp tỉnh nên cơ bản đã đáp ứng được nơi làm việc cho kiểm sát viên, công chức của VKSND cấp tỉnh.

Tính đến hết năm 2020, có 13/63 đơn vị (chiếm 20,6%) có trụ sở mới xây dựng xong hoặc đang được đầu tư xây dựng (trụ sở VKSND thành phố Hà Nội, Cần Thơ; tỉnh Tây Ninh, Quang Nam, Đắk Lắk, Long An, Trà Vinh, Tuyên Quang, Vĩnh Long, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Hà Nam, Bắc Giang); 02/63 (chiếm 3,2%) đơn vị có trụ sở đang thực hiện cải tạo, mở rộng từ nguồn vốn đầu tư công (trụ sở VKSND tỉnh Quảng Ninh, Nghệ An); có 03/63 (chiếm 4,8%) trụ sở xây dựng từ lâu đã xuống cấp, thiếu diện tích làm việc; các trụ sở khác (71,4%) tạm ổn định, cần được bảo trì, sửa chữa thường xuyên và sử chữa lớn khi hư hỏng phát sinh [66]; "Tổng kinh phí địa phương hỗ trợ cho công tác nâng cấp, bảo trì, sửa chữa trụ sở VKSND cấp tỉnh từ năm 2011 đến năm 2020 là 51.805,3 triệu đồng, bình quân 5.000 triệu đồng/năm" [66], trong đó, có một số địa phương quan tâm hỗ trợ số kinh phí để cải tạo, nâng cấp, mở rộng diện tích làm việc (VKSND tỉnh Vĩnh Phúc; Lào Cai).

Thứ hai, nguyên nhân chủ quan

Một là, lãnh đạo VKSND cấp tỉnh ở một số địa phương "chưa thực hiện

đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và hạn chế về năng lực nghiệp vụ". Việc tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm các vụ án chưa được tiến hành thường xuyên, chưa quy trách nhiệm cụ thể và có hình thức xử lý phù hợp để nâng cao trách nhiệm trong giải quyết án hình sự. Khi xảy ra việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo không phạm tội, Lãnh đạo kiểm sát viên cấp trên "không thực hiện các hoạt động quản lý, chỉ đạo theo Quy chế và nguyên tắc tập trung thống nhất trong ngành để có biện pháp khắc phục, thể hiện sự buông lỏng trong công tác quản lý hoạt động nghiệp vụ".

Hai là, năng lực, trình độ, ý thức trách nhiệm của một bộ phận kiểm sát viên còn hạn chế. "Chất lượng yêu cầu điều tra của kiểm sát viên còn hạn chế, không định hướng được cho Điều tra viên trong quá trình thu thập chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội"; một số kiểm sát viên khi đề ra yêu cầu điều tra chỉ mang tính chung chung, thiếu cụ thể; thậm chí để hoàn thành chỉ tiêu được giao, một số kiểm sát viên không nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, chỉ kiểm sát gián tiếp các hoạt động hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng qua biên bản, chưa thực hiện kiểm sát trực tiếp các hoạt động này nên không kịp thời phát hiện những mâu thuẫn trong lời khai của đối tượng phạm tội, người làm chứng để yêu cầu điều tra viên làm rõ, giải quyết những mâu thuẫn, vướng mắc. Bên cạnh đó, "hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử còn chưa đáp ứng yêu cầu, thể hiện ở chất lượng các hoạt động nghiệp vụ trước khi tham gia phiên tòa như xây dựng đề cương xét hỏi, dự thảo luận tội; đặc biệt là quá trình xét hỏi, xử lý tình huống phát sinh tại phiên tòa như bị cáo chối tội, người bị hại, nhân chứng thay đổi lời khai; việc tranh luận, đối đáp với Luật sư, bị cáo, người tham gia tố tụng; dẫn đến không bảo vệ được quan điểm truy tố của VKSND".

Ba là, công tác phối hợp trong ngành, liên ngành tại một số tỉnh, thành trong quá trình giải quyết vụ án hình sự còn những hạn chế, bất cập

Tại một số VKSND ở một số tỉnh, thành, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự "công tác phối hợp trong ngành chưa được chặt chẽ, đa số các vụ án Tòa án tuyên không phạm tội hoặc hủy án trước khi truy tố VKSND cấp dưới không báo cáo xin ý kiến VKSND cấp trên, công tác phối hợp giữa các đơn vị nghiệp vụ VKSND cấp trên trong hướng dẫn chỉ đạo VKSND cấp dưới thiếu chặt chẽ". Chẳng hạn, vụ án Phan Văn Minh ở Cà Mau, "Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không phạm tội, Phòng 7 khi xét xử phúc thẩm không biết Phòng 2 đã có văn bản hướng dẫn vụ án này đủ căn cứ truy tố, điều đó thể hiện sự phối hợp thiếu chặt chẽ giữa các Phòng nghiệp vụ trong quá trình hướng dẫn nghiệp vụ đối với VKSND cấp dưới" (*Phụ lục 2*). "Khi Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không phạm tội thì Phòng nghiệp vụ, Lãnh đạo VKSND tỉnh không có chỉ đạo hướng dẫn nội dung kháng nghị và các biện pháp xử lý vụ án dẫn đến việc Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục tuyên bị cáo không phạm tội".

Công tác phối hợp liên ngành thực hiện chưa tốt, nên khi có "quan điểm đánh giá khác nhau VKSND không chủ động họp bàn để tháo gỡ vướng mắc, khắc phục những vi phạm, thiếu sót trong quá trình giải quyết vụ án; hoặc còn nặng tâm lý "quyền anh, quyền tôi" nên không thực hiện yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án". Điển hình là vụ Nguyễn Văn Đồng ở Bình Phước, "Tòa án trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung 02 lần đều có căn cứ nhưng VKSND không thực hiện dẫn đến Tòa dựa vào các vi phạm về tố tụng để tuyên bị cáo không phạm tội" (*Phụ lục 2*).

Bốn là, công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử vụ án hình sự còn hạn chế

Điển hình là quá trình giải quyết vụ án Phan Văn Minh ở Cà Mau, khi "Tòa án sơ thẩm tuyên không phạm tội, Lãnh đạo VKSND tỉnh không chỉ đạo VKSND huyện báo cáo, xem xét việc đánh giá chứng cứ qua xét xử tại phiên tòa, không chỉ đạo nội dung kháng nghị (nội dung kháng nghị của VKSND

huyện vẫn như nội dung bản cáo trạng); Viện trưởng VKSND tỉnh không "nghe báo cáo án ở giai đoạn phúc thẩm, không tổ chức họp Ủy ban kiểm sát để thảo luận, đánh giá chứng cứ; quy trình duyệt án trước khi xét xử phúc thẩm giống như giải quyết một vụ án đơn giản". Sau khi xét xử phúc thẩm, "Tòa án vẫn tuyên bị cáo không phạm tội nhưng Lãnh đạo Viện không tổ chức rút kinh nghiệm công tác nghiệp vụ từ VKSND tỉnh đến VKSND huyện" (*Phụ lục 1*).

Xuất phát từ nguyên tắc tập trung thống nhất lãnh đạo trong Ngành và quy định của pháp luật tố tụng hình sự về vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo VKSND cấp tỉnh cho thấy, "công tác quản lý chỉ đạo hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả của công tác giải quyết vụ án hình sự" [64]. Bởi vì, "Lãnh đạo VKSND cấp tỉnh là người quyết định việc phê chuẩn khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam, quyết định việc truy tố và xử lý vụ án, bị can ở các giai đoạn tố tụng". Do đó "những vụ án VKSND cấp tỉnh truy tố, Tòa tuyên không phạm tội và những vụ án bị hủy do thiếu chứng cứ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng có nguyên nhân trực tiếp từ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo VKSND cấp tỉnh" [64].

Thực tế trên còn nguyên nhân từ sự hạn chế về năng lực chỉ đạo điều hành hoạt động kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử án hình sự của Lãnh đạo một số đơn vị của VKSND, "biểu hiện rõ ở khả năng tư duy, phân tích, đánh giá tài liệu chứng cứ để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và định hướng cho các kiểm sát viên trong kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử vụ án hình sự" [63], đặc biệt là "các vụ án phức tạp còn yếu trong việc phân tích, sàng lọc, sử dụng chứng cứ, lập luận, phân tích tài liệu có trong hồ sơ vụ án, dẫn tới cáo trạng truy tố thiếu chặt chẽ, quyết định xử lý vụ án không đảm bảo quy định của pháp luật" [64]. Ngoài ra, "công tác kiểm tra, quản lý nghiệp vụ, tổng kết thực

tiền rút kinh nghiệm, nhất là rút kinh nghiệm qua các vụ án không phạm tội, án hủy chưa đạt hiệu quả cao, còn nhiều vi phạm thiếu sót lặp đi lặp lại trong giải quyết án nhưng không được khắc phục kịp thời" [64].

Năm là, hoạt động thỉnh thị và trả lời thỉnh thị thực hiện chưa tốt, nhiều vụ án có vướng mắc, "hướng dẫn nghiệp vụ, tổng kết thực tiễn, kiểm điểm, xử lý trách nhiệm chưa được thực hiện đúng yêu cầu đề ra"

Diễn hình như vụ Nguyễn Văn Đông ở Bình Phước, "Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần nhưng không xin ý kiến thỉnh thị VKSND cấp trên. Chất lượng hoạt động trả lời thỉnh thị, hướng dẫn nghiệp vụ tại một số đơn vị còn hạn chế" [63]; "VKSND cấp dưới có vướng mắc xin ý kiến nhưng chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên lại chưa chính xác", như vụ Phan Văn Minh ở Cà Mau trong quá trình giải quyết vụ án, "VKSND huyện 04 lần thỉnh thị xin ý kiến chỉ đạo của VKSND tỉnh và VKSND tỉnh đều trả lời đủ căn cứ truy tố bị cáo, nhưng Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm đều tuyên bị cáo không phạm tội, thể hiện chất lượng hoạt động trả lời thỉnh thị, hướng dẫn nghiệp vụ của VKSND tỉnh chưa bảo đảm" [63]. Vì thế, ngày 03/10/2014 "VKSND tối cao có Kết luận thanh tra số 426 chỉ rõ những sai phạm trong công tác chỉ đạo điều hành và yêu cầu Viện trưởng VKSND tỉnh phải có biện pháp khắc phục, nhưng sau đó trong vụ án Phan Văn Minh bị Tòa án tuyên không phạm tội vào đầu năm 2015 những sai phạm trong công tác chỉ đạo điều hành lại tiếp tục lặp lại" [63].

Công tác "tổng kết thực tiễn của VKSND các cấp chưa được chú trọng, các vụ án VKSND truy tố, Tòa án tuyên không phạm tội hoặc hủy án để điều tra, xét xử lại chưa được VKSND các cấp tổng kết, phân tích để rút ra những vấn đề cần khắc phục từ công tác nghiệp vụ đến công tác quản lý, chỉ đạo"; việc triển khai thực hiện "chuyên đề nghiệp vụ, thông báo rút kinh nghiệm của một số VKSND địa phương còn mang tính hình thức, kém hiệu quả".

Việc kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với "Lãnh đạo, kiểm sát viên để xảy ra vi phạm tại một số đơn vị thực hiện không nghiêm túc".

Trong số 31 bị cáo Tòa án tuyên không phạm tội xảy ra ở 15 tỉnh, thành phố, đến nay "mới chỉ có 08 tỉnh có báo cáo (Bạc Liêu, Sóc Trăng, Bình Thuận, Tây Ninh, Cà Mau, Bến Tre, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Phước). Theo đó đã tiến hành kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của 18 cá nhân, tập thể trong việc giải quyết các vụ án để Tòa án tuyên không phạm tội. Tại một số đơn vị, việc kiểm điểm chỉ mang tính hình thức, nguyên nhân khách quan thì nhiều, nguyên nhân chủ quan thì ít" [63]. Qua kiểm điểm, các cơ quan có thẩm quyền đều "xác định nguyên nhân vi phạm chủ yếu là do nhận thức, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ khi giải quyết vụ án, vì vậy tất cả đều kiểm điểm ở mức độ rút kinh nghiệm và khiển trách. Có nơi chậm kiểm điểm hoặc kiểm điểm không đầy đủ trách nhiệm của Lãnh đạo, kiểm sát viên có liên quan, không kiểm điểm VKSND cấp trên trong việc hướng dẫn nghiệp vụ VKS cấp dưới dẫn đến truy tố oan, sai, thể hiện sự không nghiêm túc trong kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với cán bộ, kiểm sát viên để xảy ra vi phạm" [63], như: "vụ Phan Văn Minh ở Cà Mau, Tòa án phúc thẩm tuyên không phạm tội ngày 14/4/2015 nhưng sau 05 tháng mới tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của VKSND huyện, không kiểm điểm trách nhiệm của các Phòng nghiệp vụ và Lãnh đạo VKSND tỉnh" [63].

Kết luận Chương 3

Trong giai đoạn 2015-2020, hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh đạt được những kết quả nổi bật, đó là, VKSND cấp tỉnh đã thực hiện quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố ngày càng được thực hiện chặt chẽ, chủ động, tăng cường gắn kết với hoạt động điều tra; công tác thực hiện quyền công tố, kiểm sát điều tra ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn, góp phần bảo đảm hoạt động điều tra tuân thủ đúng pháp luật, đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án hình sự; chất lượng công tác thực hiện quyền công tố trong giai đoạn truy tố tiếp tục đạt kết quả tốt; trách nhiệm công tố của kiểm sát viên tại các phiên tòa được tăng cường, quan điểm giải quyết vụ án bảo đảm khách quan, toàn diện, có căn cứ pháp luật; chất lượng tranh tụng của kiểm sát viên từng bước được nâng lên; đã ban hành nhiều kháng nghị, đảm bảo chất lượng, chú trọng phát hiện và kiên quyết kháng nghị phúc thẩm đối với những bản án có vi phạm pháp luật; đồng thời, nâng cao chất lượng tranh tụng của kiểm sát viên tại các phiên tòa hình sự, bảo đảm hạn chế đến mức thấp nhất việc bỏ lọt tội phạm, đặc biệt là khắc phục việc xảy ra oan, sai.

Tuy nhiên, một số đơn vị của VKSND cấp tỉnh chưa kiểm sát chặt chẽ, kịp thời việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm dẫn đến bỏ lọt tội phạm; việc phối hợp giải quyết những tố giác, tin báo quá hạn chưa triệt để; công tác phát hiện vi phạm và kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm trong giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố còn chưa kịp thời; VKSND ở một số tỉnh, thành chưa đề cao trách nhiệm công tố trong giai đoạn điều tra, vẫn còn xảy ra trường hợp truy tố thiếu chính xác, thiếu căn cứ, phải rút quyết định truy tố, đình chỉ vụ án, bị can do hành vi không cấu thành tội phạm hoặc bị Tòa án trả hồ sơ vì thiếu chứng cứ, vi phạm tố tụng hình sự; một số quyết định truy tố có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, bị Tòa án yêu cầu khởi tố tội phạm mới, bị can mới và khởi tố bổ sung tội danh mới.

Những tồn tại, hạn chế trong hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh có nhiều nguyên nhân, trong đó có các nguyên nhân khách quan, chủ quan, trong đó chủ yếu là nguyên nhân chủ quan, như: công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử vụ án hình sự còn hạn chế; năng lực, trình độ, ý thức trách nhiệm của một bộ phận kiểm sát viên còn hạn chế; công tác phối hợp trong ngành và phối hợp liên ngành tại một số đơn vị còn chưa thường xuyên, hiệu quả chưa đạt yêu cầu. Thực tiễn nghiên cứu hồ sơ kiểm sát các vụ án Tòa tuyên không phạm tội và án bị hủy để điều tra, xét xử lại cho thấy nhiều vụ có nguyên nhân xuất phát từ công tác phối hợp trong và ngoài ngành; công tác thanh thị, hướng dẫn nghiệp vụ, tổng kết thực tiễn, kiểm điểm, xử lý trách nhiệm chưa được thực hiện đúng yêu cầu đề ra.

Những nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trên cần được khắc phục để tăng cường hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh trong thời gian tới.

Chương 4

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN, SAI VÀ BỎ LỘT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP TỈNH Ở VIỆT NAM

4.1. QUAN ĐIỂM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN, SAI VÀ BỎ LỘT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP TỈNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, VKSND cấp tỉnh có vị trí, vai trò rất quan trọng trong việc phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự ở Việt Nam, vì thế để thực hiện tốt nhiệm vụ này trong thời gian tới cần phải quán triệt những nội dung sau:

4.1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết vụ án hình sự

Để nâng cao chất lượng ADPL về Phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Việt Nam, VKSND cấp tỉnh phải quán triệt, thực hiện tốt Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới", Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 27 - NQ/TW ngày 9/11/2023 (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó

xác định: "Hoàn thiện thể chế để Viện kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; hoàn thiện cơ chế tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, tăng cường kiểm soát bên trong việc thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động xét xử phù hợp với nguyên tắc thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" [2].

Bên cạnh đó, Đảng ta xác định phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm là một chủ trương quan trọng, nhất quán trong quá trình cải cách tư pháp. Đảng ta xác định một trong những nhiệm vụ quan trọng của cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay là "Các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người; đồng thời, là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế XHCN"; coi việc "Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử... nhằm phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội"; "Con người là trung tâm, mục tiêu, chủ thể và động lực phát triển đất nước; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân" [2].

4.1.2. Nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết vụ án hình sự gắn với thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới

Nghị quyết số 96/2015/QH13 của Quốc hội đã xác định: "Viện kiểm sát các cấp thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố gắn với hoạt động điều tra và kiểm sát hoạt động tư pháp; phối hợp chặt chẽ, kịp thời với các cơ quan có thẩm quyền điều tra trong xử lý tội phạm; bảo đảm việc khởi tố, bắt, tạm giữ, tạm giam, truy tố có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; không để xảy ra oan, sai; khắc phục tình trạng buông lỏng trách nhiệm, thống nhất một chiều với Cơ quan điều tra

trong phân loại, xử lý vụ án; chấn chỉnh việc đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án không đúng pháp luật; tăng cường trách nhiệm công tố, tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự; kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là đơn kêu oan, đơn tố cáo bức cung, dùng nhục hình". Đây là cơ sở pháp lý quan trọng định hướng việc hoàn thiện các quy định về tổ chức, hoạt động của VKSND nói chung và VKSND cấp tỉnh nói riêng để thực hành tốt quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Từ đó, VKSNDTC ban hành Chỉ thị 04/CT-VKSTC về tăng cường các biện pháp phòng chống oan, sai và nâng cao trách nhiệm trong giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự đã xác định:

(i) Tăng cường công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm; thực hiện có hiệu quả chủ trương tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra; nâng cao trách nhiệm của kiểm sát viên, Lãnh đạo đơn vị trong việc phê chuẩn việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, hạn chế các trường hợp bắt, tạm giữ hình sự sau đó phải xử lý hành chính. Kiểm sát chặt chẽ trình tự, thủ tục khởi tố vụ án hình sự, đảm bảo việc khởi tố bị can, phê chuẩn khởi tố bị can thận trọng, có đầy đủ căn cứ; việc áp dụng các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân, đặc biệt là biện pháp tạm giam đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tăng cường ban hành các yêu cầu điều tra, thực hiện việc phúc cung đối với tất cả các vụ án hình sự trước khi kết thúc mỗi giai đoạn tố tụng. Kiểm sát chặt chẽ việc tạm giữ, tạm giam, các khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động giam giữ, bảo đảm kịp thời phát hiện sớm các trường hợp có dấu hiệu bị bức cung, nhục hình, xử lý nghiêm minh các đơn vị, cá nhân có liên quan đến bức cung, nhục hình [62];

(ii) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc giải quyết các vụ

án hình sự, nhất là đối với các đơn vị, địa phương để xảy ra nhiều trường hợp oan, sai; xử lý nghiêm minh, các cán bộ, kiểm sát viên, Điều tra viên vi phạm pháp luật và quy chế của Ngành trong quá trình giải quyết vụ án dẫn đến oan, sai; tổ chức rà soát các đơn tố cáo vi phạm pháp luật gây oan, sai trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử chuyên Cơ quan điều tra VKSNDTC để xác minh giải quyết đơn kịp thời, đúng pháp luật. Cơ quan điều tra VKSND tối cao phối hợp chặt chẽ với Viện kiểm sát các cấp và các cơ quan hữu quan tăng cường phát hiện các vi phạm, thiếu sót trong tố tụng hình sự dẫn đến oan, sai; kiên quyết khởi tố điều tra, xử lý những trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng; giải quyết kịp thời đơn khiếu nại, tố cáo về bức cung, dùng nhục hình trong giải quyết án hình sự [62];

(iii) Đề cao trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm tập thể đối với các vụ việc oan, sai. Xử lý nghiêm minh đối với người mắc sai phạm, nhất là đối với trường hợp xảy ra oan, sai nghiêm trọng. Đơn vị để xảy ra oan, sai thì thủ trưởng đơn vị đó chịu trách nhiệm trước Viện trưởng VKSNDTC; kiên quyết không xét các danh hiệu thi đua đối với đơn vị có án oan. Viện kiểm sát các cấp chú trọng giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp và trách nhiệm công vụ cho đội ngũ cán bộ, Điều tra viên, kiểm sát viên; điều chuyển bố trí sử dụng cán bộ phù hợp với năng lực, sở trường, kỷ luật nghiêm minh đối với cán bộ có vi phạm nghiêm trọng hoặc nhiều lần về phẩm chất đạo đức hoặc kỷ luật nghiệp vụ [62].

Đặc biệt, Chỉ thị số 01/CT-VKSTC của VKSNDTC về công tác của ngành kiểm sát nhân dân năm 2022 đã xác định rõ:

Toàn ngành Kiểm sát tiếp tục xác định chống oan sai, chống bỏ lọt tội phạm và chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu. Tăng cường hơn nữa trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, nâng cao chất lượng tranh tụng của kiểm sát

viên tại các phiên tòa, bảo đảm căn cứ buộc tội vững chắc, không để oan sai, bỏ lọt tội phạm; tôn trọng, thực hiện nghiêm nguyên tắc suy đoán vô tội, "trọng chứng hơn trọng cung", bảo vệ tốt hơn quyền con người, quyền công dân trong hoạt động tố tụng hình sự; đồng thời phải coi trọng việc thu thập chứng cứ ngay từ đầu, tăng cường thực nghiệm điều tra để chuyên hóa chứng cứ (nhất là chứng cứ chỉ là lời khai) để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh chống tội phạm. Kịp thời phát hiện, tổng hợp vi phạm pháp luật qua công tác kiểm sát để kiến nghị, kháng nghị yêu cầu xử lý, khắc phục và phòng ngừa chung [62].

Bên cạnh đó, VKSND cấp tỉnh phải thực hiện tốt quy chế công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố (ban hành theo Quyết định số 111/QĐ-VKSTC), trong đó xác định:

(i) Viện trưởng, Phó Viện trưởng, kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải "thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định tại các điều 41, 42, 43, quy định khác của BLTTHS và các quy định pháp luật khác có liên quan trong việc khởi tố, điều tra, truy tố" [62].

(ii) Khi được phân công thụ lý giải quyết vụ án, vụ việc, "Kiểm sát viên, Kiểm tra viên có trách nhiệm quản lý hồ sơ vụ việc, hồ sơ vụ án, hồ sơ kiểm sát" [62].

(iii) Khi báo cáo đề xuất các vấn đề thuộc công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố với lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện, "kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải báo cáo trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ nội dung vụ án, vụ việc, tiến độ giải quyết và đề xuất quan điểm xử lý bằng văn bản. Lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện có trách nhiệm quản lý, chỉ đạo hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố; xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án, vụ việc theo quy định của pháp luật, Quy chế này và các quy định khác có liên quan" [62].

(iv) Sau khi nghe kiểm sát viên báo cáo, đề xuất giải quyết vụ án, vụ việc, lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện phải "ghi rõ ý kiến chỉ đạo vào văn bản đề xuất của kiểm sát viên; nếu thấy cần thiết thì trực tiếp nghiên cứu hồ sơ, kiểm tra chứng cứ trong hồ sơ hoặc trực tiếp tiến hành một số hoạt động giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, hoạt động điều tra trước khi cho ý kiến chỉ đạo. Văn bản đề xuất phải ghi rõ ngày, tháng, năm, ký tên lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện, kiểm sát viên và lưu hồ sơ kiểm sát" [62].

(v) Trong quá trình giải quyết vụ án, vụ việc, nếu có ý kiến khác nhau giữa các kiểm sát viên hoặc giữa kiểm sát viên với Phó Viện trưởng, Viện trưởng thì "thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân. Trường hợp có ý kiến khác nhau giữa kiểm sát viên thụ lý chính với lãnh đạo đơn vị thì phải thực hiện ý kiến của lãnh đạo đơn vị, nhưng có quyền báo cáo với Phó Viện trưởng phụ trách; nếu có ý kiến khác nhau giữa lãnh đạo đơn vị với Phó Viện trưởng thì phải thực hiện ý kiến của Phó Viện trưởng, nhưng có quyền báo cáo với Viện trưởng. Kết luận của Viện trưởng, Phó Viện trưởng được ghi vào báo cáo của đơn vị và lưu hồ sơ kiểm sát" [62].

(vi) Trường hợp vụ án, vụ việc phức tạp, có khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết, "Viện trưởng có thể đưa ra tập thể lãnh đạo Viện hoặc Ủy ban kiểm sát thảo luận trước khi kết luận. Đối với vụ án, vụ việc Viện kiểm sát cấp dưới thỉnh thị Viện kiểm sát cấp trên thì việc thỉnh thị và trả lời thỉnh thị thực hiện theo quy định của Ngành. Khi phát hiện có sai sót về nghiệp vụ hoặc vi phạm pháp luật thì lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện phải có biện pháp khắc phục ngay và tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm, xử lý trách nhiệm người vi phạm theo quy định của pháp luật" [62].

4.1.3. Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết vụ án hình sự

Để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các quy định pháp luật hiện hành về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết vụ án hình sự cần tiếp tục được hoàn thiện thiện theo hướng sau:

Thứ nhất, xác định chính xác, đầy đủ về nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong tổ tụng hình sự phù hợp với vị trí, vai trò là cơ quan duy nhất có chức năng thực hành quyền công tố, độc lập và chịu trách nhiệm trong quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, có thẩm quyền thực hiện mọi biện pháp tố tụng để bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh, triệt để quyền điều tra để phục vụ truy tố và thực hiện việc buộc tội tại phiên tòa. Cơ quan điều tra đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp về tố tụng của VKSND cùng cấp nhưng vẫn bảo đảm sự chủ động, kịp thời trong đấu tranh, xử lý tội phạm.

Thứ hai, bảo đảm quyền bào chữa cho người bị buộc tội trong các hoạt động tố tụng hình sự có tính tranh tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử. Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật theo hướng theo hướng phân định rõ chức năng và chủ thể thực hiện các chức năng tố tụng hình sự; đổi mới thủ tục tại phiên tòa đảm bảo VKSND, bên gỡ tội là chủ thể chứng minh có trách nhiệm tham gia xét hỏi, cung cấp tài liệu, chứng cứ và thực hiện việc tranh tụng bình đẳng, đúng pháp luật. Tòa án chỉ thực hiện chức năng xét xử, xác định sự thật của vụ án thông qua xét xử chứ không tham gia vào quá trình buộc tội.

Thứ ba, phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể thực hiện các chức năng tố tụng làm nền tảng cho việc xác lập quan hệ phối hợp, kiểm soát quyền lực trong quá trình tố tụng hình sự. Hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành theo hướng đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra phải độc lập, phù hợp với mô hình tổ chức và hoạt động của VKSND; xây dựng cơ chế pháp lý đảm bảo cho công tố chỉ đạo, giám sát hoạt động điều tra và công tố trực tiếp điều tra tất cả tội phạm khi cần thiết; xác định rõ trách nhiệm của Cơ quan điều tra trong việc thực hiện yêu cầu, chỉ đạo điều tra của VKSND và trách nhiệm của Viện kiểm sát khi đề ra yêu cầu, chỉ đạo điều tra.

Như vậy, tăng cường ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm của VKSND cấp tỉnh trong giải quyết các vụ án hình sự ở nước ta hiện nay là

một nội dung rất quan trọng gắn liền với nhiệm vụ thực hiện cải cách tư pháp, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân hiện nay.

4.2. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN, SAI VÀ BỎ LỘT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP TỈNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại trong thực tiễn thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKSND cấp tỉnh, đáp ứng yêu cầu mới của pháp luật, thực hiện hiệu quả trách nhiệm của VKSND cấp tỉnh trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm, trong thời gian tới VKSND cấp tỉnh cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

4.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự

4.2.1.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật về thủ tục tố tụng hình sự

Thứ nhất, hoàn thiện quy định về xác định sự thật vụ án

Điều 15 (Xác định sự thật của vụ án) của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định rất chung chung, khó có thể thực hiện tốt trong thực tế, vì thế nghiên cứu sửa đổi Điều này theo hướng sau: "Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát. Trên cơ sở kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án ra bản án, quyết định. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội".

Thứ hai, hoàn thiện quy định về nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự

Điều 18 (Trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự) BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) cần được sửa theo hướng sau: "Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát có trách nhiệm khởi tố vụ án, áp dụng các biện pháp do Bộ luật này quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội, pháp nhân phạm tội. Trong trường hợp xét xử tại phiên tòa phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm thì Hội đồng xét xử yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố. Không được khởi tố vụ án ngoài những căn cứ và trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định". Việc sửa đổi này nhằm cần bỏ quy định quyền khởi tố vụ án hình sự của Tòa án tại các Điều 18, Điều 153 và Điều 326 của BLTTHS hiện hành, vì như thế mới đảm bảo tính khách quan trong xét xử vụ án hình sự của Tòa án.

Thứ ba, hoàn thiện quy định về chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự

Điều 20 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) cần được sửa như sau: "Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, quyết định việc buộc tội, phát hiện vi phạm pháp luật nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội; kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình xét xử".

4.2.1.2. Hoàn thiện các quy định pháp luật về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện sát nhân dân

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung quy định về việc luận tội của kiểm sát viên tại Khoản 3 Điều 321 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) theo

hướng "Đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung bản cáo trạng hoặc kết luận về khoản khác với khoản đã truy tố trong cùng điều luật, về tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội đã truy tố; đề nghị mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng".

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung khoản 4, Điều 326 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) về thủ tục nghị án theo hướng "Trường hợp kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố thì Hội đồng xét xử có quyền: a) Tuyên bị cáo không có tội nếu có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 157 của Bộ luật này; b) Quyết định đình chỉ vụ án nếu có một trong các căn cứ quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 157 của Bộ luật này. c) Nếu thấy việc rút quyết định truy tố không có căn cứ thì quyết định tạm đình chỉ vụ án và kiến nghị Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp".

4.2.2. Nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh

4.2.2.1. Đổi mới công tác cán bộ của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; tăng cường kỷ cương, kỷ luật, bản lĩnh, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong thực thi công vụ

Thứ nhất, VKSND cấp tỉnh cần đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng công tác cán bộ

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh tiếp tục đổi mới "công tác nhận xét, đánh giá, bố trí, sử dụng công chức nhằm lựa chọn được những kiểm sát viên, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao"; bên cạnh đó, cải thiện công tác "nhận xét, đánh giá, sử dụng kiểm sát viên, công chức, đây là một vấn đề hết sức quan trọng trong công tác tổ chức cán bộ, đánh giá đúng mới bố trí sử dụng công chức đúng năng lực sở trường. Việc đánh giá kiểm sát viên, công chức cần lấy

trách nhiệm, số lượng, chất lượng, hiệu quả hoạt động chuyên môn, ý thức kỷ luật nghiệp vụ làm thước đo chủ yếu". VKSND cấp tỉnh chú trọng đến bồi dưỡng, nâng cao năng lực kiểm sát viên, trong đó "năng lực kiểm sát viên được đánh giá qua khả năng nghiên cứu, nắm bắt, đề xuất, xử lý tình huống nảy sinh trong thực tiễn". Đối với việc đánh giá năng lực của Lãnh đạo, VKSND cấp tỉnh cần căn cứ theo "kết quả quản lý, chỉ đạo, kiểm tra hoạt động nghiệp vụ của kiểm sát viên, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình giải quyết vụ án, quyết đoán và chịu trách nhiệm trước các quyết định tố tụng, xử lý vụ án".

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh sử dụng kết quả đánh giá cán bộ, để "ưu tiên sắp xếp, bố trí công chức, kiểm sát viên có trình độ, năng lực chuyên môn và khả năng phù hợp làm nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử hình sự". Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử hình sự phải là người có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, bản lĩnh, phát biểu quan điểm theo tư duy, nhận thức của bản thân, không ngại va chạm và có tính tích cực, quyết tâm xử lý đến cùng những vấn đề còn vướng mắc, khó khăn; là những đồng chí đã được đào tạo căn bản, được trang bị đầy đủ các kiến thức về pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và thường xuyên cập nhật kiến thức mới có liên quan. Có tính chủ động trong nghiên cứu hồ sơ, thể hiện quan điểm cá nhân đối với việc xử lý vụ án, vụ việc, song phải luôn cầu thị, đặt mình vào vị trí của người bào chữa, điều tra viên, Thẩm phán để lắng nghe, tiếp thu các ý kiến kể cả đồng thuận cũng như trái chiều nhưng không thỏa hiệp. Trên cơ sở đó, đưa ra các quan điểm đề xuất về đường lối giải quyết vụ án.

Tăng cường công tác luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí công tác để đào tạo công chức, phát huy năng lực, sở trường của công chức; kiên quyết điều chuyển, thay thế kiểm sát viên, kiểm tra viên hạn chế năng lực trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử hình sự, thiếu

bản lĩnh, thiếu tính quyết đoán, có biểu hiện xuôi chiều, nể nang, thỏa hiệp; thiếu tính chủ động trong các hoạt động nghiệp vụ và trong việc nghiên cứu hồ sơ; thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các quy trình, thao tác nghiệp vụ được quy định. Trong quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử hình sự không phát hiện những thiếu sót, những mâu thuẫn trong hồ sơ vụ án để kịp thời yêu cầu điều tra viên điều tra làm rõ hoặc giải thích rõ nguyên nhân chưa thực hiện các yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát, không có sự phối hợp giải quyết triệt để các mâu thuẫn trong hồ sơ dẫn đến việc trả hồ sơ nhiều lần, kéo dài thời hạn giải quyết vụ án; để xảy ra vi phạm tố tụng nghiêm trọng mà không phát hiện kịp thời hoặc để xảy ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Đồng thời, chú trọng việc xem xét, điều chuyển biên chế phù hợp cho các địa phương xảy ra nhiều án, tránh áp lực quá nhiều công việc dẫn đến oan, sai, bỏ lọt tội phạm.

Thứ hai, nâng cao trách nhiệm, bản lĩnh và tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ của đội ngũ kiểm sát viên và công chức VKSND cấp tỉnh

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XI, XII), Kết luận số 21-KL/TW khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng đội ngũ Kiểm sát viên, công chức "Vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm" (theo Kế hoạch số 179/KH-VKSTC-V9 ngày 08/3/2012), gắn với việc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về "*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*", đặc biệt thực hiện tốt di huấn của Người: "Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn"; nâng cao trách nhiệm, đạo đức công vụ, bản lĩnh của kiểm sát viên khi thực thi công vụ và chủ động

phòng ngừa, ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng trong nội bộ Ngành; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát trong toàn Ngành. Viện trưởng VKSND cấp tỉnh trực tiếp phụ trách, chỉ đạo công tác thanh tra nhằm chấn chỉnh trật tự kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm công vụ trong đơn vị và VKSND cấp huyện. Đổi mới công tác thanh tra theo hướng giảm thanh tra theo kế hoạch, tăng cường thanh tra đột xuất theo chuyên đề, chú ý những đơn vị có đơn thư nặc danh phản ánh cụ thể về nội dung vụ việc, những vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng; kiên quyết xử lý nghiêm trách nhiệm cá nhân, trước hết của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, lãnh đạo phụ trách không làm hết trách nhiệm, để xảy ra vi phạm nghiêm trọng dẫn đến oan sai, bỏ lọt tội phạm; nghiêm túc kiểm điểm trách nhiệm của Lãnh đạo, kiểm sát viên có liên quan để xảy ra trường hợp Viện kiểm sát truy tố sau đó Tòa tuyên bị cáo không phạm tội hoặc bản án bị hủy để điều tra, xét xử lại có trách nhiệm của Viện kiểm sát và coi đây cũng là một trong những căn cứ để xem xét khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức danh tư pháp.

4.2.2.2. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh

Các đơn vị, VKSND cấp tỉnh cần chủ động phối hợp với Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội và Trường Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm sát tại thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan, đơn vị liên quan để xây dựng Kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, kiểm sát viên; mở nhiều lớp bồi dưỡng chuyên sâu kỹ năng nghiệp vụ; đồng thời thực hiện đào tạo tại chỗ, phân công kiểm sát viên có kinh nghiệm kèm cặp, hướng dẫn cán bộ mới; phát động các phong trào, cuộc thi về kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ, kiểm sát viên, trong đó có kỹ năng, nghiệp vụ về thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử hình sự.

Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội và Trường Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm sát tại thành phố Hồ Chí Minh cần "đầu tư xây dựng giáo trình, mời

giảng viên có kinh nghiệm, trình độ để mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu các kỹ năng về điều tra, xét hỏi, lấy lời khai; các kỹ năng trong khám nghiệm hiện trường; kỹ năng đề ra yêu cầu điều tra; kỹ năng xây dựng cáo trạng; kỹ năng luận tội, tranh tụng, đối đáp tại phiên tòa"; xây dựng "nội dung tập huấn chuyên sâu về công tác quản lý, điều hành hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử cho Lãnh đạo VKSND cấp tỉnh".

Bên cạnh việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo kế hoạch của Ngành thì công tác tự đào tạo tại chỗ có vai trò hết sức quan trọng, cho nên VKSND cấp tỉnh cần xác định "việc tự đào tạo là trách nhiệm và là yêu cầu bắt buộc trong công tác quản lý, điều hành của Lãnh đạo VKSND cấp tỉnh". Trong công tác tự đào tạo, trước hết VKSND cấp tỉnh cần "lựa chọn, xây dựng hồ sơ kiểm sát các vụ án điển hình được xem là các vụ án mẫu để công chức, kiểm sát viên học tập rút kinh nghiệm; chú trọng công tác tổng kết thực tiễn, xây dựng chuyên đề rút kinh nghiệm để tổ chức những lớp tập huấn chuyên đề hoặc bồi dưỡng chuyên sâu nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng cho công chức, kiểm sát viên để phục vụ yêu cầu nhiệm vụ". Định kỳ VKSND cấp tỉnh "tổ chức sinh hoạt nghiệp vụ khi có Thông báo rút kinh nghiệm qua những vụ án cấp trên hủy, sửa hoặc những vấn đề cần rút kinh nghiệm thông qua vụ án cụ thể đã giải quyết nhằm nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử". VKSND cấp tỉnh "đẩy mạnh và nâng cao chất lượng tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm trong lĩnh vực hình sự. Khi tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm cần lựa chọn những vụ án có nhiều vấn đề cần xét hỏi, tranh luận để nội dung rút kinh nghiệm có chất lượng, sát thực tế, tránh tổ chức phiên tòa hình thức, chạy theo chỉ tiêu và phải làm tốt việc đánh giá, rút kinh nghiệm hoạt động nghiệp vụ sau phiên tòa". VKSND cấp tỉnh "tổ chức ghi âm, ghi hình các phiên tòa rút kinh nghiệm, phục vụ cho công tác nghiên cứu, tự đào tạo tại chỗ". Ngoài ra, VKSND cấp tỉnh có thể tự đào tạo tại chỗ thông qua việc "tăng cường trao đổi kinh nghiệm giữa các địa

phương, đơn vị; giữa các kiểm sát viên có kinh nghiệm với các kiểm sát viên trẻ để các kiểm sát viên mới được bổ nhiệm tích lũy kinh nghiệm và rèn luyện kỹ năng tranh luận, xử lý tình huống phát sinh tại phiên tòa nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử".

Từng lãnh đạo, công chức, kiểm sát viên phải thường xuyên tự nghiên cứu các Luật, Thông tư có liên quan, thực hiện nghiêm Chỉ thị của Viện trưởng VKSTC về công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong lĩnh vực hình sự, nhất là các chỉ thị: Chỉ thị số 06/CT-VKSTC ngày 06/12/2013 của Viện trưởng Viện KSNDTC về tăng cường trách nhiệm công tố, gắn công tố với hoạt động điều tra; Chỉ thị số 04/CT-VKSTC ngày 10/7/2015 của Viện trưởng VKSNDTC về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan sai và nâng cao trách nhiệm trong giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự; Chỉ thị số 08/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 về tăng cường công tác kháng nghị án hình sự; chỉ thị số 09/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 về tăng cường công tác tranh tụng tại phiên tòa; Thường xuyên nghiên cứu các thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ, các báo cáo chuyên đề trong lĩnh vực này. Tìm hiểu các vụ việc, vụ án được báo chí, thông tin đại chúng phản ánh việc xử lý các vụ án kéo dài, có dấu hiệu oan sai. Khi cần thiết, đề xuất Lãnh đạo tổ chức tọa đàm, rút kinh nghiệm.

4.2.2.3. Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh với các cơ quan chức năng trong giải quyết các vụ án hình sự

Thứ nhất, tăng cường mối quan hệ trong Ngành kiểm sát trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự

Cần xây dựng quy định về mối quan hệ giữa VKSNDTC - VKSND cấp cao - VKSND cấp tỉnh trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp kiểm sát đã được xác định theo quy định của Luật tổ chức VKSND năm 2014 nhằm phân định rõ nội dung, phạm vi, mối quan hệ thực hiện công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động nghiệp vụ đối với VKSND cấp dưới nhằm bảo đảm không trùng

lấp, hạn chế việc Viện kiểm sát cấp dưới ỷ lại vào Viện kiểm sát cấp trên, nâng cao trách nhiệm từng cấp kiểm sát. Liên quan đến thẩm quyền hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ các vụ án Tòa án tuyên hủy để điều tra lại, cần xác định rõ: (i) đối với các vụ án Bộ Công an điều tra, "VKSNDTC kiểm sát điều tra, phân công VKSND cấp tỉnh thực hành quyền công tố thì khi TAND cấp cao tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ để điều tra lại sẽ do VKSND tối cao hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ"; (ii) đối với những vụ án do CQĐT cấp tỉnh điều tra, "VKSND cấp tỉnh truy tố, TAND cấp cao hủy án để điều tra lại thì do VKSND Cấp cao hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ"; (iii) đối với các vụ án do TAND cấp tỉnh hủy án của TAND cấp huyện thì "Phòng 7 VKSND cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Phòng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ, vì các đơn vị này thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vụ án trong giai đoạn phúc thẩm nên nắm chắc nội dung vụ án và các căn cứ hủy, đồng thời cũng để không bị chòng chéo giữa các đơn vị trong công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ khi giải quyết lại vụ án".

Đối với những vụ án quan điểm giữa các ngành không thống nhất, hoặc sau khi VKSND cấp tỉnh truy tố, TAND cấp tỉnh có quan điểm cho rằng bị cáo không phạm tội hoặc không đủ chứng cứ kết tội thì "VKSND cấp tỉnh phải lấy ý kiến tập thể và chủ động báo cáo xin ý kiến của VKSND cấp cao. Các đơn vị nghiệp vụ của VKSND cấp cao phải tăng cường trao đổi thông tin, phối hợp trong quá trình chỉ đạo nghiệp vụ VKSND cấp tỉnh nhằm tránh tình trạng đơn vị nghiệp vụ này không biết đơn vị nghiệp vụ khác đã có văn bản hướng dẫn giải quyết vụ án, dẫn đến quan điểm chỉ đạo của VKSND cấp cao không nhất quán".

Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo trong ngành theo quy định của Quy chế về chế độ thông tin, báo cáo và quản lý công tác trong ngành KSND (*ban hành kèm theo Quyết định số 279/QĐ-VKSTC ngày 01/8/2017 của Viện trưởng VKSND tối cao*). VKSND cấp tỉnh phải gửi "báo cáo, thông

kê về hoạt động nghiệp vụ cho VKSND cấp cao theo quy định, nhất là tình hình án hủy, sửa và quá trình giải quyết các vụ án kinh tế, chức vụ, tham nhũng lớn, các vụ án an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội dư luận quan tâm". VKSND cấp tỉnh trong khu vực phải "báo cáo và gửi lịch xét xử sơ thẩm cho VKSND cấp cao đối với những vụ, việc được quy định tại Danh mục F và các văn bản tài liệu được quy định tại Danh mục G Quy chế tổ chức và hoạt động của VKSND cấp cao để VKSND cấp cao cử kiểm sát viên theo dõi phiên tòa sơ thẩm, khắc phục các hạn chế ở phiên tòa phúc thẩm". VKSND cấp cao thông báo cho "VKSND cấp tỉnh trong khu vực lịch xét xử theo thủ tục phúc thẩm tại địa phương. Sau phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm, VKSND cấp cao thông báo cho VKSND cấp tỉnh kết quả xét xử, những vi phạm, thiếu sót trong hoạt động tố tụng của cấp sơ thẩm, phúc thẩm để rút kinh nghiệm và có biện pháp khắc phục; nâng cao chất lượng công tác hướng dẫn điều tra đối với các vụ án hủy để điều tra, xét xử lại". Các VKSND cấp tỉnh phải "chuyên cáo trạng, kháng nghị và các văn bản tố tụng khác cho VKSND cấp cao theo quy định và khi có yêu cầu, nhằm phục vụ việc nghiên cứu, xét xử án phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm hoặc để phục vụ báo cáo nhanh theo yêu cầu VKSND tối cao".

Thứ hai, tăng cường mối quan hệ phối hợp liên ngành trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh phải phối hợp chặt chẽ với "Cơ quan điều tra, TAND cấp tỉnh để tổ chức, chỉ đạo hoạt động điều tra, xét xử và chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án, nhất là công tác chỉ đạo xét xử đối với các vụ án tham nhũng, kinh tế lớn, các vụ án trọng điểm do Trung ương theo dõi, chỉ đạo, các vụ án đặc biệt nghiêm trọng về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội". Trong đó phải đặc biệt quan tâm đến mối quan hệ phối hợp giữa Viện trưởng VKSND và Chánh án Tòa án cấp tỉnh để "đảm bảo cho việc phối hợp được thực hiện chặt chẽ và phát huy

được hiệu quả thì VKSND cấp tỉnh phải chủ động phối hợp với Cơ quan điều tra, Tòa án để xây dựng được Quy chế phối hợp trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, làm cơ sở để các bên căn cứ thực hiện". Nội dung phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng phải "đảm bảo không được làm ảnh hưởng đến tính độc lập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán theo đúng quy định của pháp luật". Do vậy, Quy chế phối hợp phải "xác định rõ phạm vi, xác định cụ thể nội dung và các vấn đề mà các cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm cùng nhau giải quyết, không can thiệp vào những vấn đề làm ảnh hưởng đến tính độc lập của những người tiến hành tố tụng được phân công giải quyết vụ án đó".

Trong giai đoạn điều tra, "khi có quan điểm khác nhau về đánh giá chứng cứ và đường lối giải quyết vụ án thì VKSND cấp tỉnh phải chủ động hợp liên ngành với Cơ quan điều tra cấp tỉnh, khi cần thiết mời TAND cấp tỉnh tham gia để bàn biện pháp tháo gỡ vướng mắc, khắc phục những vi phạm, thiếu sót trong quá trình giải quyết vụ án; đồng thời bám sát sự lãnh đạo, tranh thủ sự ủng hộ của cấp ủy địa phương". Sau khi truy tố, "Tòa án có quan điểm khác, Lãnh đạo VKSND phải chủ động hợp liên ngành để đánh giá chứng cứ. Đối với những vụ án bị trả hồ sơ, điều tra bổ sung, VKSND cần phối hợp với Cơ quan điều tra, Tòa án nhằm thống nhất yêu cầu chung trong thu thập, đánh giá chứng cứ; VKSND phải nghiêm túc xem xét các yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án, không được để xảy ra tình trạng "quyền anh, quyền tôi" hoặc chạy theo thành tích mà bỏ qua những yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án".

Đối với các vụ án bị Tòa sơ thẩm hoặc phúc thẩm tuyên không phạm tội hoặc bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án thì "Cơ quan điều tra, VKSND và Tòa án cấp sơ thẩm cần tổ chức cuộc họp rút kinh nghiệm có sự tham gia đầy đủ của ba ngành để cùng nhau phân tích kiểm điểm làm rõ căn cứ mà cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm hủy án; đánh giá nguyên nhân và rút kinh nghiệm

chung trong quá trình giải quyết vụ án". Việc các cơ quan tiến hành tố tụng cùng nhau rút kinh nghiệm trong cuộc họp chung là rất cần thiết hiện nay, qua đó "không chỉ nhằm tạo được sự thống nhất chung về nhận thức đối với sai phạm trong quá trình giải quyết vụ án, tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng cả về kinh nghiệm công tác, mà còn góp phần nâng cao trách nhiệm của chính những người tiến hành tố tụng để xảy ra sai phạm, nhằm nâng cao chất lượng giải quyết án, hạn chế tình trạng Tòa án tuyên không phạm tội hoặc hủy án để điều tra, xét xử lại".

4.2.2.4. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức, hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh

Thứ nhất, để nâng cao chất lượng ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Việt Nam hiện nay, hoạt động của VKSND cấp tỉnh ở Việt Nam phải tuyệt đối tuân thủ nghiêm chỉnh những nguyên tắc cơ bản sau đây: (1) Nguyên tắc tập trung thống nhất - các kiểm sát viên của VKSND cấp tỉnh phải phục tùng Viện trưởng VKSND cấp tỉnh, Viện trưởng VKSND cấp tỉnh phục tùng Viện trưởng VKSND cấp cao và Viện trưởng VKSNDTC; (2) Nguyên tắc độc lập - VKSND cấp tỉnh thực hiện thẩm quyền của mình không phụ thuộc vào bất kỳ cơ quan Nhà nước, tổ chức, phương tiện thông tin đại chúng hay người có chức vụ nào; (3) Nguyên tắc pháp chế - VKSND cấp tỉnh hoạt động trên cơ sở bảo đảm tính pháp chế tối thượng và hiệu lực trực tiếp của Hiến pháp và của các luật đối với các văn bản dưới luật và các văn bản pháp quy khác; (4) Nguyên tắc công khai - VKSND cấp tỉnh hoạt động công khai, trừ những trường hợp phải bảo vệ bí mật nghề nghiệp theo quy định của pháp luật; (5) Nguyên tắc giữ gìn đạo đức nghề nghiệp - các kiểm sát viên khi vào ngành Kiểm sát phải tuyên thệ theo luật định và phải giữ gìn đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ bảo vệ pháp luật.

Thứ hai, tiếp tục thực hiện cải cách tổ chức bộ máy VKSND cấp tỉnh phù hợp với yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban

Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã thực sự đem lại những kết quả rất tích cực, rõ nét trong toàn hệ thống.

Trong quá trình lãnh đạo xây dựng Nhà nước Nga - Xôviết, V.I.Lênin đã yêu cầu phải xây dựng bộ máy nhà nước gọn nhẹ, tinh giản, tổ chức khoa học, hoạt động hiệu quả và tiết kiệm theo nguyên tắc "thà ít mà tốt" [24, tr.445], nghĩa là coi trọng chất lượng, không chạy đua theo số lượng; cán bộ, công chức phải có năng lực, bản lĩnh chính trị vững vàng; phải phấn đấu đạt "chất lượng kiểu mẫu thật sự" [24, tr.446]. V.I.Lênin cho rằng, cùng với việc giảm số lượng các cơ quan nhà nước, "giải tán bớt các uỷ ban" và "bộ máy - các chánh văn phòng không tăng quá mức" thì giảm biên chế là một chủ trương phải được thực hiện một cách nghiêm túc; nếu cơ quan nào vi phạm chủ trương đó thì phải bị trừng phạt.

Bên cạnh đó, cải cách bộ máy VKSND cấp tỉnh phải đảm bảo nguyên tắc phối hợp giữa các cơ quan, "tránh sự va chạm giữa các bộ" mà V.I.Lênin đã đưa ra: nhà nước cần quy định rõ việc phân định chức năng giữa các cơ quan nhà nước trong quá trình phối hợp thực thi công vụ. Ông chủ trương vừa hợp nhất, vừa kết hợp hoạt động của những cơ quan có cùng chức năng, vì thế các cơ quan trong VKSND cấp tỉnh phải được tổ chức trên cơ sở có sự phân công rõ ràng về chức năng nhiệm vụ nhưng trong hoạt động phải phối hợp chặt chẽ với nhau, vừa đảm bảo tính độc lập nhưng không tách rời nhau trong quá trình thực hiện chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

4.2.2.5. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất, kỹ thuật cho Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh chủ động nghiên cứu, đề xuất với VKSNDTC tăng cường các điều kiện bảo đảm về cơ sở vật chất; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKSND để nâng cao năng lực phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm phòng, chống oan, sai.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp tục tăng cường đầu tư nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất của trụ sở, những nơi làm việc không bảo đảm yêu cầu; đầu tư trang thiết bị, công nghệ, hạ tầng hiện đại trong quản lý, điều hành, hoạt động nghiệp vụ và lưu trữ hồ sơ, tài liệu đáp ứng yêu cầu thực hiện hoạt động xét xử điện tử.

Trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật và nhiệm vụ chính trị địa phương, VKSND cấp tỉnh cần bám sát và tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, phối hợp, tạo điều kiện hỗ trợ về ngân sách, trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện cơ sở vật chất khác của chính quyền địa phương để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Có thể khẳng định rằng, trách nhiệm mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân đặt ra cho ngành kiểm sát nhân dân trong việc bảo đảm chống làm oan người vô tội, chống bỏ lọt tội phạm và người phạm tội là hết sức nặng nề, đòi hỏi toàn Ngành và mỗi công chức trong Ngành phải tự mình đôi mới mạnh mẽ, toàn diện, triển khai nhiều công việc quan trọng mà trước hết là khâu tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của VKSND cấp tỉnh để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó.

4.2.3. Nhóm giải pháp tăng cường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong giải quyết các vụ án hình sự ở Việt Nam

4.2.3.1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các quy định, hướng dẫn về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự hiện hành

Thứ nhất, VKSND cấp tỉnh quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả quy định của BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Nghị quyết số 41/2017/QH14 về các nội dung liên quan đến thi hành BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), BLTTHS năm 2015 và các quy chế, quy định nghiệp vụ của VKSND tối cao trong lĩnh vực hình sự.

Trên cơ sở kết quả của các công việc đã tiến hành và yêu cầu thực tiễn, VKSND cấp tỉnh phải tiếp tục đẩy mạnh việc quán triệt, triển khai thi hành 02 Bộ luật và Nghị quyết số 41/2017/QH14, tập trung vào các nhiệm vụ sau:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo các Chỉ thị, Kế hoạch về triển khai thi hành luật trong ngành kiểm sát nhân dân; quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện tốt các quy định pháp luật hiện hành về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự.

Hai là, tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền khẩn trương rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn ADPL hình sự, tố tụng hình sự đã ban hành, bảo đảm phù hợp với các quy định mới của pháp luật; qua đó, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để tiến hành các hoạt động tố tụng, đồng thời bảo đảm quyền con người, quyền công dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, khắc phục tối đa việc để xảy ra oan, sai.

Ba là, từng kiểm sát viên, công chức phải thường xuyên học tập, cập nhật quy định mới của pháp luật, đặc biệt những nội dung mới trong quy định của 02 Bộ luật và Nghị quyết số 41/2017/QH14; những quy định liên quan trực tiếp đến lĩnh vực công tác mình đang phụ trách, đang thực hiện để áp dụng và hướng dẫn áp dụng đúng pháp luật.

Thứ hai, VKSND các cấp tiếp tục quán triệt và tăng cường thực hiện các biện pháp thiết thực, hiệu quả để phòng, chống oan, sai và bồi thường thiệt hại cho những người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự theo đúng tinh thần Nghị quyết số 96/2015/QH13 ngày 26/6/2015 đã được cụ thể hóa tại Chỉ thị số 04/CT-VKSTC ngày 10/7/2015 của Viện trưởng VKSNDTC và Nghị quyết số 111/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội.

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn khẳng định chủ trương xây dựng một nền công tố mạnh, yêu cầu tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra, bảo đảm tranh tụng

trong xét xử. Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan có vai trò, trách nhiệm rất lớn trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Công tác công tố của VKS phải xuyên suốt, bao quát quá trình tố tụng kể từ khi khởi tố, điều tra, xét xử cho đến khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Trách nhiệm của VKS là phải bảo đảm mọi hành vi phạm tội và người phạm tội được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh, có căn cứ và đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội; đồng thời, công tác công tố phải bảo đảm không để làm oan người vô tội. Chống để lọt tội phạm và người phạm tội, đồng thời không để làm oan người vô tội là hai mặt của một vấn đề trong công tác công tố, VKSND cấp tỉnh phải quán xuyên làm tốt cả hai yêu cầu này.

Để tăng cường trách nhiệm công tố, ngành Kiểm sát chú trọng nâng cao hiệu quả công tác giải quyết án, đặc biệt đối với các tội phạm về tham nhũng, kinh tế, ma túy, xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm có tổ chức, tội phạm công nghệ cao trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, điện tử, viễn thông, môi trường... Quyết liệt chỉ đạo để thực hiện tốt các chỉ tiêu công tác trọng tâm như: giảm tỷ lệ án trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, kiên quyết khắc phục, hạn chế tối đa tỷ lệ án đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án do không chứng minh được hoặc do bị can không phạm tội, án do Tòa án tuyên không phạm tội. Cùng với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiệp vụ, VKSND cấp tỉnh cần chú trọng hơn nữa công tác giải quyết đơn yêu cầu bồi thường cho người bị thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; thực hiện kịp thời, đầy đủ, nghiêm túc trách nhiệm của VKS trong giải quyết yêu cầu bồi thường cho người bị oan, đáp ứng yêu cầu theo Nghị quyết số 96/2015/QH13 của Quốc hội.

4.2.3.2. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Lãnh đạo các đơn vị trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết các vụ án, vụ việc về hình sự

Thứ nhất, đề cao vai trò chủ động và tăng cường trách nhiệm của Lãnh đạo VKSND các cấp, thủ trưởng các đơn vị thuộc VKSND tối cao trong quản lý, chỉ đạo, điều hành

Ngành KSND được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung thống nhất lãnh đạo trong Ngành. VKSND các cấp do Viện trưởng lãnh đạo, Viện trưởng VKSND cấp dưới chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Viện trưởng VKSND cấp trên; Viện trưởng VKSND cấp tỉnh chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Viện trưởng VKSND tối cao. Đây là nguyên tắc đặc trưng trong tổ chức và hoạt động, làm nên sức mạnh của Ngành. Tuy nhiên, để tăng quyền chủ động cho VKSND cấp tỉnh, Viện trưởng VKSND tối cao đã phân cấp quản lý về nhiều nội dung cho Viện trưởng VKSND cấp tỉnh. Bên cạnh đó, theo các đạo luật mới được ban hành thì các cơ quan tư pháp ở địa phương đã và đang tiếp tục được giao thêm nhiều thẩm quyền mới trong hoạt động tư pháp, trách nhiệm của Viện trưởng VKSND cấp tỉnh sẽ nặng nề hơn, xét cả trên phương diện trách nhiệm tổ tụng tư pháp cũng như trong quản lý, chỉ đạo, điều hành. Điều này đòi hỏi, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc VKSND tối cao phải chủ động hơn trong công tác quản lý, điều hành, tổ chức triển khai những công việc thuộc thẩm quyền được giao, không thụ động chờ hướng dẫn của cấp trên. Mặt khác, mỗi đồng chí lãnh đạo VKSND các cấp, lãnh đạo các đơn vị phải gương mẫu, thực sự là tấm gương về trau dồi năng lực chuyên môn, rèn luyện phẩm chất đạo đức của người cán bộ kiểm sát, phát huy tối đa tinh thần trách nhiệm trong thực thi các hoạt động tổ tụng. Trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn được giao, nếu để xảy ra oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm thì trước hết Thủ trưởng đơn vị, Viện trưởng VKSND cấp đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; kiên quyết xử lý nghiêm khắc người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra oan, sai thuộc lĩnh vực mình quản lý.

Thứ hai, tăng cường vai trò, trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo VKSND cấp tỉnh, Lãnh đạo các đơn vị trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết các vụ án, vụ việc về hình sự

Từ phân tích thực trạng đã cho thấy "vai trò, trách nhiệm và hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo VKSND cấp tỉnh trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả của công tác giải quyết các vụ án, vụ việc hình sự", tuy nhiên "công tác quản lý chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo VKSND cấp tỉnh mặc dù có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn hạn chế, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu và là một trong những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện trách nhiệm của VKSND trong phòng, chống oan sai, bỏ lọt tội phạm". Do vậy, "nâng cao chất lượng quản lý, chỉ đạo, điều hành và tăng cường trách nhiệm của Lãnh đạo VKSND cấp tỉnh trong hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự" là giải pháp quan trọng nhằm hạn chế các sai lầm trong hoạt động nghiệp vụ, góp phần hạn chế oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Để thực hiện giải pháp này, cần tập trung vào các nội dung sau:

Một là, đề cao vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo VKSND cấp tỉnh trong quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp khi giải quyết vụ án, vụ việc về hình sự. Viện trưởng VKSND cấp tỉnh cần phải "áp dụng các biện pháp quản lý, chỉ đạo, điều hành một cách quyết liệt để khắc phục các hạn chế, tồn tại trong công tác giải quyết án hình sự ở cấp mình và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng VKSND tối cao về những vi phạm và hậu quả xảy ra từ các vụ án Tòa án tuyên không phạm tội và án hủy, dẫn đến đình chỉ không phạm tội"; "phải quán triệt và thực hiện đầy đủ các yêu cầu nghiệp vụ quy định trong BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Quy chế nghiệp vụ của Ngành và các chỉ thị của Viện trưởng VKSNDTC, việc thực hiện các yêu cầu nghiệp vụ cần lưu ý những kinh nghiệm thực tế theo từng loại tội phạm". Trước mắt, "Lãnh đạo Viện kiểm sát cấp tỉnh phải rà soát lại toàn bộ các vụ án Tòa án tuyên không phạm tội đã có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị và nếu có yêu cầu bồi thường thì phải khẩn trương thực

hiện theo Luật bồi thường Nhà nước". Đối với các vụ án Tòa tuyên hủy để điều tra, xét xử lại, "phải chủ động phối hợp với các cơ quan tố tụng cùng cấp giải quyết nhanh chóng, dứt điểm, tranh thủ sự hướng dẫn của Viện kiểm sát cấp trên trong quá trình giải quyết, tổng hợp kết quả báo cáo VKSND cấp cao và Vụ 7 VKSNDTC"; đồng thời phải triển khai ngay "việc rút kinh nghiệm hoạt động đề ra yêu cầu điều tra, kiểm sát hoạt động thu thập chứng cứ của Điều tra viên; hoạt động hỏi cung, ghi lời khai của kiểm sát viên để nâng cao chất lượng các hoạt động này, đặc biệt là việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa".

Hai là, lãnh đạo VKSND cấp tỉnh phải "chỉ đạo công việc một cách quyết liệt và thực sự thể hiện vai trò, trách nhiệm của mình đối với công việc, phải khách quan khi xem xét ý kiến đề xuất của kiểm sát viên, nhất là các ý kiến trái với quan điểm của Lãnh đạo đơn vị", trên cơ sở đó, Lãnh đạo các đơn vị phải (i) "chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động nghiệp vụ của kiểm sát viên ở các giai đoạn tố tụng, không được giao khoán việc giải quyết vụ án cho kiểm sát viên"; (ii) "tập trung kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu nghiệp vụ về kiểm sát việc khởi tố, đề ra yêu cầu điều tra, kiểm sát việc lập hồ sơ, kiểm sát việc kết thúc điều tra, đề xuất truy tố, xử lý vụ án, xây dựng đề cương xét hỏi, dự thảo luận tội, kế hoạch tranh luận, dự kiến các tình huống phát sinh tại phiên tòa và biện pháp xử lý, việc chuẩn bị hệ thống các tài liệu, chứng cứ, lý lẽ, lập luận của kiểm sát viên phục vụ cho việc tranh luận, đối đáp"; (iii) "chỉ đạo xử lý kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử".

Ba là, lãnh đạo VKSND tỉnh phải trực tiếp "kiểm tra tài liệu, chứng cứ nhằm phát hiện kịp thời những vi phạm, thiếu sót trong quá trình điều tra, những mâu thuẫn trong tác tài liệu chứng cứ, cũng như hạn chế trong nghiên cứu, đánh giá, đề xuất của kiểm sát viên" đối những vụ án phức tạp về chứng cứ, bị can không nhận tội, trước khi phê chuẩn khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn, quyết định việc truy tố, trên cơ sở đó có sự chỉ đạo kịp thời đối với kiểm sát viên như: "tiến hành hỏi cung bị can, ghi lời khai người bị hại, nhân

chúng trước khi phê chuẩn hoặc quyết định truy tố". Bên cạnh đó, Lãnh đạo VKSND tỉnh cần "phát huy trí tuệ tập thể thông qua việc họp Ủy ban kiểm sát đối với VKS tỉnh để đánh giá chứng cứ đối với những vụ án phức tạp và bàn biện pháp tháo gỡ hoặc thỉnh thị cấp trên".

Bốn là, viện trưởng VKSND tỉnh phải trực tiếp "chỉ đạo và phân công Lãnh đạo hoặc kiểm sát viên có kinh nghiệm, có năng lực làm nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử" đối với các vụ án đặc biệt nghiêm trọng về "chính trị, kinh tế, chức vụ, tham nhũng, trật tự an toàn xã hội, các vụ án phức tạp, gây dư luận xấu trong xã hội hoặc liên quan đến người có chức vụ quyền hạn cao trong hệ thống chính trị, có chức sắc cao trong các tôn giáo". Ngoài ra, Viện trưởng thành lập "các tổ giúp việc mang tính chất chuyên gia để giúp kiểm sát viên trong quá trình giải quyết vụ án, đây là kinh nghiệm hay ở nhiều địa phương và đã phát huy hiệu quả tốt". Trong quá trình giải quyết các vụ án này, Viện trưởng phải "theo dõi sát và chỉ đạo xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh".

Năm là, lãnh đạo VKSND cấp tỉnh phải "yêu cầu kiểm sát viên báo cáo cụ thể các chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, những mâu thuẫn, vi phạm của tài liệu, chứng cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ có trong hồ sơ vụ án, việc giải quyết vấn đề dân sự, biện pháp tư pháp và những vướng mắc khi xử lý vụ án" khi xem xét, quyết định "phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, quyết định việc truy tố, duyệt đường lối xét xử"; cùng với đó, Lãnh đạo VKSND cấp tỉnh khi phê duyệt cũng phải "bút phê chi tiết, cụ thể các căn cứ, có đối chiếu pháp luật từng vấn đề, không phê duyệt chung chung "Nhất trí đề xuất của kiểm sát viên"". Lãnh đạo đơn vị của VKSND cấp tỉnh phải "thận trọng, khách quan, làm đúng vai trò trách nhiệm trong việc xem xét, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, quyết định việc truy tố và xử lý vụ án"; khi xảy ra sai sót trong hoạt động nghiệp vụ, "Lãnh đạo phải nghiêm túc trong việc kiểm điểm, rút kinh nghiệm và chịu trách nhiệm theo Quy chế của Ngành".

Sáu là, lãnh đạo VKSND cấp tỉnh phải "trực tiếp chỉ đạo các hoạt động nghiệp vụ theo Quy chế và nguyên tắc tập trung thống nhất trong Ngành", khi xảy ra vụ án "Tòa án cấp huyện tuyên bị cáo không phạm tội hoặc hủy án để điều tra, xét xử lại, Thủ trưởng đơn vị phải họp bàn tập thể để thảo luận, đánh giá và bàn biện pháp khắc phục".

Thứ ba, thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND theo quy định của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)

Như đã đề cập, một trong những nguyên nhân quan trọng làm ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện trách nhiệm của VKSND trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm là do thực hiện không đúng, không đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong tố tụng hình sự. Vì vậy, để khắc phục nguyên nhân này, tăng cường trách nhiệm của VKSND trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm, gắn với bối cảnh triển khai thi hành BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) thì mỗi Lãnh đạo, kiểm sát viên, công chức nghiệp vụ trong Ngành cần nhận sâu sắc các nội dung mới của BLTTHS năm 2015, nhất là nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm và những nội dung mới về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của VKSND trong giải quyết vụ việc, vụ án hình sự để thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

Một là, trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh phải "kiểm sát chặt chẽ việc tiếp nhận, giải quyết đối với toàn bộ tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của Cơ quan điều tra nhằm chống bỏ lọt tội phạm, chống làm oan người không phạm tội ngay từ khi phát hiện dấu hiệu tội phạm theo quy định của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)"; chủ động đề ra yêu cầu "kiểm tra, xác minh và yêu cầu Cơ quan điều tra thực hiện". Trong trường hợp "Cơ quan điều tra có vi phạm pháp luật trong hoạt động kiểm tra, xác minh nguồn tin về

tội phạm hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà Viện kiểm sát đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục thì Viện kiểm sát trực tiếp xác minh, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố" theo quy định của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Hai là, trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự

Khi thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự, xét phê chuẩn lệnh, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, nếu thấy chưa đủ căn cứ thì "Viện kiểm sát phải yêu cầu Cơ quan điều tra bổ sung tài liệu, chứng cứ hoặc trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ trước khi phê chuẩn". Sau khi thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ, nếu không đủ căn cứ thì "Viện kiểm sát kiên quyết không phê chuẩn hoặc ban hành quyết định hủy bỏ". Trong trường hợp "người bị bắt, người bị khởi tố không nhận tội, tài liệu chứng cứ chưa rõ hoặc có mâu thuẫn giữa lời khai và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án", thì trước khi xem xét phê chuẩn, "kiểm sát viên phải trực tiếp lấy lời khai người bị bắt, hỏi cung bị can, lấy lời khai người bị hại, nhân chứng để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ nhằm bảo đảm việc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn có căn cứ và đúng pháp luật, coi đây là yêu cầu nghiệp vụ bắt buộc đối với kiểm sát viên". Đối với các vụ án đã khởi tố, trong quá trình điều tra xác định không có dấu hiệu phạm tội hoặc có tài liệu, chứng cứ xác định người đã bị khởi tố không phạm tội phải yêu cầu làm rõ, không được bỏ qua và phải "dũng cảm" nhận trách nhiệm, yêu cầu Cơ quan điều tra đình chỉ vụ án. Các vụ án quan điểm giữa các ngành chưa thống nhất thì cần phải được đưa ra tập thể Lãnh đạo Viện kiểm sát hoặc Ủy ban kiểm sát xem xét hoặc đưa ra cuộc họp liên ngành cũng như thỉnh thị Viện kiểm sát cấp trên trước khi ra quyết định.

Ba là, trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra

Sau khi được phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án hình sự, "kiểm sát viên phải lập kế hoạch với những yêu cầu nghiệp vụ cụ thể trong quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra". Bởi vì, "Điều tra viên được phân công giải quyết vụ án bắt buộc phải xây dựng kế hoạch điều tra và kế hoạch này phải được Lãnh đạo Cơ quan điều tra phê duyệt", do đó để "gắn công tố với hoạt động điều tra thì việc kiểm sát viên phải có kế hoạch kiểm sát điều tra để kiểm sát viên bám sát quá trình điều tra, xác định các vấn đề cần chứng minh trong vụ án, đảm bảo thu thập đầy đủ chứng cứ một cách khách quan, xác định tiến độ, yêu cầu giải quyết vụ án và tạo sự chủ động của kiểm sát viên trong quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra".

Quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, "kiểm sát viên phải theo sát quá trình điều tra, nắm chắc tiến độ điều tra, chủ động yêu cầu điều tra viên cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra, không thụ động chờ điều tra viên chuyển tài liệu sang Viện kiểm sát". Khi phát hiện việc điều tra không đầy đủ hoặc có vi phạm pháp luật thì "Viện kiểm sát phải yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành hoạt động điều tra đúng pháp luật, kiểm tra và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát, cung cấp tài liệu liên quan đến hành vi, quyết định tố tụng có vi phạm pháp luật trong việc điều tra". Trong trường hợp "phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật và Viện kiểm sát đã yêu cầu bằng văn bản nhưng Cơ quan điều tra không khắc phục thì kiểm sát viên phải trực tiếp tiến hành các hoạt động điều tra" theo quy định của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Kiểm sát viên phải "chú trọng hoạt động kiểm sát việc thu thập chứng cứ, lập hồ sơ của điều tra viên, nhằm phát hiện và khắc phục kịp thời những vi phạm, thiếu sót trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ, lập hồ sơ"; thực hiện hiệu quả "phương pháp kiểm sát trực tiếp các hoạt động điều tra mang tính quyết định đến giá trị chứng minh có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện tội phạm như hoạt động khám nghiệm hiện trường, tử thi, thu

thập dấu vết, vật chứng (*kèm theo là các hoạt động niêm phong, bảo quản, mở niêm phong, giám định...*), việc ghi âm, ghi hình hoạt động hỏi cung bị can, đối chất, nhận dạng..". theo quy định của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Thực tiễn cho thấy, "đa số các vụ án Tòa án tuyên không phạm tội hoặc hủy để điều tra, xét xử lại đều có nguyên nhân từ những vi phạm nghiêm trọng trong hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ", trong khi kiểm sát viên là "người chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hoạt động điều tra và sử dụng tài liệu chứng cứ để xử lý vụ án, bị can". Do đó, VKSND cấp tỉnh phải "thực sự coi trọng hoạt động kiểm sát thu thập chứng cứ, lập hồ sơ và đây là yêu cầu nghiệp vụ bắt buộc thể hiện sự tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra".

Kiểm sát viên phải chủ động, kịp thời phát hiện "những mâu thuẫn và đề ra yêu cầu điều tra làm rõ hoặc tự mình tiến hành phúc cung, đối chất để làm rõ hành vi vi phạm". Việc đề ra yêu cầu điều tra phải "bảo đảm tính có căn cứ và nhằm mục đích làm rõ những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự". Ngoài những yêu cầu chung về hình thức, kết cấu, nội dung thì "yêu cầu điều tra phải phù hợp với đặc điểm từng loại tội phạm", như: (i) đối với các vụ án giết người, cố ý gây thương tích, hiếp dâm phải yêu cầu "thu thập đầy đủ những dấu vết, chứng cứ từ hiện trường, tử thi, dấu vết của thủ phạm như dấu chân, vân tay, lông, tóc, sợi"; yêu cầu "thực nghiệm điều tra, đối chất, nhận dạng, làm rõ sự phù hợp giữa hung khí gây án với đặc điểm vết thương, cơ chế hình thành thương tích, việc tiêu thụ thời gian của đối tượng vào thời điểm gây án"; (ii) đối với các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản phải "yêu cầu làm rõ thủ đoạn gian dối, bản chất giao dịch chuyển giao tài sản, giao nhận tiền"; (iii) đối với các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ phải "yêu cầu làm rõ hướng đi, phân đường, điểm dừng, tốc độ, để xác định chính xác lỗi dẫn đến tai nạn giao thông; các vụ án đánh bạc phải yêu cầu làm rõ hình thức đánh với một người hay nhiều

người, số tiền dùng vào việc đánh bạc..."; (iv) đối với các vụ án trật tự trị an phức tạp, án kinh tế, cần "mô hình hóa nội dung vụ án nhằm đánh giá tổng thể vụ án và phát hiện những mối liên hệ cần làm rõ"; vận dụng sơ đồ tư duy vào xây dựng báo cáo giải quyết án. Đối với những trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, bị can không nhận tội, kiểm sát viên phải "trực tiếp hỏi cung để làm rõ việc nhận tội hoặc không nhận tội của bị can, từ đó tiếp tục yêu cầu Cơ quan điều tra thu thập đầy đủ cả chứng cứ buộc tội và gỡ tội, không để kết thúc điều tra vụ án mới đề xuất trả hồ sơ điều tra bổ sung; thực hiện việc phúc cung, ghi lời khai đối với các vụ án theo Quy chế nghiệp vụ của Ngành để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ trước khi quyết định việc truy tố".

Trước khi kết thúc điều tra vụ án hình sự, kiểm sát viên phải "phối hợp với Điều tra viên nghiên cứu kỹ hồ sơ, đánh giá khách quan, toàn diện các chứng cứ, tài liệu do Điều tra viên thu thập được, phát hiện và khắc phục kịp thời những thiếu sót trong quá trình thu thập chứng cứ để đảm bảo có đầy đủ chứng cứ khi hồ sơ chuyển Viện kiểm sát".

Bốn là, trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố

Trong giai đoạn truy tố, trách nhiệm đặc biệt quan trọng của VKSND là quyết định việc truy tố. Để bảo đảm cho VKSND thực hiện tốt trách nhiệm này, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) đã có nhiều nội dung sửa đổi quan trọng về nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND và của kiểm sát viên. Trong đó, có 02 vấn đề cần lưu ý, triển khai thực hiện tốt trong thực tiễn: (1) kiểm sát viên có thẩm quyền trực tiếp "tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ để quyết định việc truy tố hoặc khi Tòa án yêu cầu điều tra bổ sung mà xét thấy không cần thiết phải trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra"; (2) nâng cao chất lượng bản cáo trạng vì bản cáo trạng là căn cứ đầu tiên để xác định phạm vi và cơ sở cho Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Khi thực hiện xây dựng bản cáo trạng, phải thực hiện đầy đủ, đúng các quy trình đã được hướng dẫn và quy định trong các quy chế nghiệp vụ của Ngành từ việc nghiên cứu hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra do Cơ quan điều tra chuyển tới, đến việc viết dự thảo, chỉnh sửa dự thảo và trình lãnh đạo Viện kiểm sát phê duyệt cáo trạng; trong đó, tập trung tăng cường hiệu quả việc nghiên cứu hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra, tránh tình trạng bản cáo trạng gần như chép lại hoặc tương tự bản kết luận điều tra của Cơ quan điều tra, hoặc có những điểm chưa phù hợp, chính xác với những gì đã được thu thập và có trong hồ sơ, nhất là việc phản ánh và bổ sung những diễn biến mới sau khi Cơ quan điều tra đã ban hành bản kết luận điều tra, số bút lục để chứng minh những nội dung đã nêu trong bản cáo trạng là có căn cứ. Muốn vậy, trước hết việc xây dựng cáo trạng phải thực hiện nghiêm túc và thể hiện đầy đủ các nội dung cần có của bản cáo trạng theo quy định của pháp luật và theo mẫu quy định. Bản cáo trạng phải bảo đảm được đầy đủ những nội dung cần có theo quy định tại Điều 243 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); đồng thời tuân thủ mẫu cáo trạng của VKSNDTC đã được ban hành. Nội dung cáo trạng phải phản ánh đầy đủ và trung thực nội dung vụ án đã được điều tra, thu thập và thể hiện trong hồ sơ vụ án cùng với các bút lục hồ sơ cụ thể để chứng minh mọi diễn biến hành vi phạm tội, những tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can. Đây là yêu cầu rất quan trọng, đòi hỏi khi xây dựng cáo trạng phải vận dụng tổng hợp các kiến thức khoa học xã hội và pháp lý để phản ánh một cách ngắn gọn, nhưng đầy đủ, toàn diện nội dung vụ án. Để thực hiện được, theo chúng tôi, cần lưu ý 02 nội dung:

(i) Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án để xây dựng cáo trạng phải nghiên cứu kỹ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và có trong hồ sơ; trên cơ sở đó phân tích, đánh giá một cách khách quan, toàn diện để chứng minh, làm rõ ý thức chủ quan của người phạm tội; tránh áp đặt theo ý chủ quan của người xây dựng bản cáo trạng.

(ii) Việc thể hiện diễn biến hành vi phạm tội trong bản cáo trạng cần được trình bày một cách logic, có thứ tự theo thời gian, không gian... từ khi bị can chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội, bàn bạc, phân công, thống nhất với các đồng phạm, tiếp cận địa điểm phạm tội, phương pháp cách thức tiến hành... Việc viện dẫn bút lục phải trên cơ sở tổng hợp nguồn chứng cứ theo từng giai đoạn diễn biến tội phạm. Không viện dẫn bút lục theo từng chứng cứ và cũng không viện dẫn bút lục theo kiểu liệt kê sau khi trình bày toàn bộ nội dung hành vi phạm tội.

Năm là, trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự

Khi được phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự, kiểm sát viên phải "nghiên cứu kỹ hồ sơ, nắm chắc nội dung của vụ án, các chứng cứ buộc tội và gỡ tội, các chứng cứ được thể hiện ở các tài liệu nào, bút lục số bao nhiêu; những hạn chế, vướng mắc trong hồ sơ và ảnh hưởng của nó trong quá trình sử dụng chứng cứ tại phiên tòa"; chuẩn bị kỹ "các hoạt động nghiệp vụ trước khi tham gia phiên tòa như kế hoạch xét hỏi, luận tội, tranh luận, dự kiến trước các vấn đề và các tình huống có thể xảy ra tại phiên tòa, như trường hợp bị cáo phản cung hoặc chối tội thì giải quyết thế nào, những vấn đề Luật sư có thể đưa ra và phương án xử lý"... Đối với những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, các vụ án phức tạp về chứng cứ, án kêu oan, các vụ án do Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng và Ban Nội chính trung ương hoặc cấp tỉnh theo dõi chỉ đạo, "kiểm sát viên phải báo cáo Lãnh đạo về các vấn đề cần xét hỏi, kế hoạch tranh luận và dự thảo luận tội để có sự chỉ đạo kịp thời". Lãnh đạo các đơn vị của VKSND cấp tỉnh cần "chỉ ra những vấn đề quan trọng cần kiểm tra, thẩm vấn và dự kiến các tình huống để xử lý tại phiên tòa, giúp cho các kiểm sát viên nắm chắc, chủ động và tự tin trong quá trình xét xử". Đối với những vụ án lớn, vụ án đặc biệt nghiêm trọng, án phức tạp, dư luận xã hội quan tâm, "VKSND

cấp cao cần phân công kiểm sát viên theo dõi từ giai đoạn xét xử sơ thẩm để chủ động thực hiện tốt hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử ở giai đoạn phúc thẩm khi có kháng cáo, kháng nghị". Tại phiên tòa xét xử, kiểm sát viên phải "theo dõi và ghi chép đầy đủ nội dung xét hỏi của hội đồng xét xử, của người bào chữa và trả lời của người được xét hỏi. Kiểm sát viên phải chủ động xét hỏi để làm rõ nội dung cáo trạng và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát; sử dụng chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa để tranh luận làm rõ tội phạm và người phạm tội, bảo vệ quan điểm truy tố của VKSND. Tuyệt đối không được né tránh việc đối đáp với Luật sư khi có yêu cầu của hội đồng xét xử".

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh cần "thực hiện việc xác minh hoặc yêu cầu VKSND cấp huyện tiến hành xác minh bổ sung để tiếp tục giải quyết vụ án mà không cần phải hủy án để điều tra lại nếu nhận thấy quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm có vi phạm, thiếu sót, nhưng những vi phạm, thiếu sót này có thể bổ sung được" hay "đối với những vụ án mà cấp sơ thẩm có vi phạm, thiếu sót, nhưng những vi phạm, thiếu sót này cho dù có hủy án sơ thẩm để tiến hành điều tra lại thì cũng không thể điều tra, bổ sung được", đồng thời "trong vụ án đã đủ chứng cứ xác định tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo và giải quyết các vấn đề khác có liên quan thì cấp phúc thẩm không hủy án để điều tra, xét xử lại, vì nếu hủy án thì cũng không thể điều tra, bổ sung được, mà sẽ làm kéo dài thời gian giải quyết", như đối với "vụ án xảy ra đã lâu, không còn căn cứ xác định hiện trường ban đầu thì việc hủy án để xác định hiện trường là không thể thực hiện được". Sau phiên tòa, VKSND cấp tỉnh "phải đánh giá kết quả xét xử để làm tốt công tác kháng nghị phúc thẩm, coi đây là chỉ tiêu nghiệp vụ quan trọng của mình".

Sáu là, trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, khi ban hành các quyết định xử lý vụ án hình sự, VKSND cấp tỉnh phải "bảo đảm khách quan, có căn cứ, đúng pháp luật; tránh đánh giá một chiều, chỉ tập trung xem

xét, đánh giá các chứng cứ buộc tội, không quan tâm đến việc thu thập đánh giá chứng cứ gỡ tội". Đối với những vụ án phức tạp, nghiêm trọng, vụ án có quan điểm khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, "VKSND phải chủ động tổ chức họp liên ngành để bàn biện pháp giải quyết; đưa ra tập thể Lãnh đạo VKSND hoặc Ủy ban kiểm sát xem xét và thực hiện báo cáo thỉnh thị trên một cấp". Khi quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, quyết định việc truy tố, VKSND "phải tuyệt đối tuân thủ nguyên tắc suy đoán vô tội, khi không có đủ chứng cứ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định thì VKSND phải kết luận người bị buộc tội theo hướng không có tội"; tuyệt đối không sử dụng "các tài liệu có vi phạm tố tụng làm chứng cứ để phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra và sử dụng làm chứng cứ kết tội, truy tố bị can".

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh phải thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo Quy chế nghiệp vụ của Ngành như: "báo cáo đề xuất khi phê chuẩn; báo cáo tiến độ giải quyết vụ án; báo cáo trước khi Cơ quan điều tra kết thúc điều tra; báo cáo đề xuất truy tố và xử lý vụ án; báo cáo duyệt án trước khi xét xử và báo cáo sau khi xét xử. Trong các báo cáo này phải nêu "cụ thể chứng cứ chứng minh tội phạm, người phạm tội, những vấn đề xử lý vật chứng, giải quyết dân sự, biện pháp tư pháp; ghi rõ đề xuất của kiểm sát viên và phê duyệt của Lãnh đạo dựa trên những lập luận, căn cứ nào để phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, quyết định truy tố, đường lối xét xử, tránh tình trạng báo cáo đề xuất ghi chung chung, Lãnh đạo phê duyệt không cụ thể". Thực hiện đúng "Quy chế của Ngành về việc lập hồ sơ kiểm sát hình sự, bảo đảm có đủ tài liệu, chứng cứ để thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa".

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh phải bảo đảm sự tham gia của người bào chữa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự theo đúng quy định của BLTTHS, "xem xét thận trọng, khách quan các quan điểm

bào chữa, tài liệu chứng cứ có tính chất gỡ tội, đặc biệt là các vụ án truy xét, án chỉ có lời khai, những vụ án có mâu thuẫn trong tài liệu chứng cứ..". Thực tế cho thấy, "người bào chữa tham gia sớm vào quá trình điều tra giúp cho việc thu thập, đánh giá chứng cứ thận trọng, khách quan hơn và kiểm sát viên dễ phát hiện các vi phạm của hoạt động điều tra, nắm bắt sớm quan điểm bào chữa của Người bào chữa". Từ đó, có kế hoạch thực hiện tốt trách nhiệm của kiểm sát viên trong thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ án hình sự, góp phần hạn chế oan sai, bỏ lọt tội phạm trong tố tụng hình sự.

Thứ tư, VKSND cấp tỉnh tăng cường công tác "kiểm tra nghiệp vụ, nâng cao trách nhiệm, chất lượng trong thỉnh thị và trả lời thỉnh thị; tăng cường tổng kết thực tiễn, thông báo rút kinh nghiệm, kiểm điểm, xử lý trách nhiệm cá nhân để xảy ra vi phạm"

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh phải quán triệt và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 03/CT-VKSTC ngày 28/12/2017 về tăng cường việc thỉnh thị, trả lời thỉnh thị, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc, thông báo rút kinh nghiệm trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao tăng cường "kiểm tra nghiệp vụ theo chuyên đề và thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm để kịp thời phát hiện và rút kinh nghiệm về những vi phạm thiếu sót của VKSND cấp tỉnh; tập trung kiểm tra đánh giá quy trình thực hiện nhiệm vụ của Lãnh đạo và kiểm sát viên, đồng thời phải phúc tra lại những nội dung của các đoàn thanh tra, kiểm tra đơn vị đã kết luận trước đó". VKSNDTC cần làm tốt công tác "tổng kết thực tiễn, hướng dẫn nghiệp vụ, nhất là các quy định mới đang có nhận thức chưa thống nhất, để tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong giải quyết án". VKSNDTC phải định kỳ "thông báo rút kinh nghiệm, kiến nghị về các vi phạm, thiếu sót dẫn đến Tòa án tuyên không phạm tội hoặc hủy án để điều tra, xét xử lại để VKSND cấp tỉnh nắm rõ nhằm tránh lặp lại các vi phạm, thiếu sót tương tự". Thông qua các vi phạm dẫn đến Tòa án tuyên

không phạm tội hoặc hủy án để điều tra, xét xử lại, VKSNDTC cần "tổng kết, phân tích để rút ra những vấn đề cần khắc phục trong hoạt động nghiệp vụ và công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, để VKSND cấp tỉnh rút kinh nghiệm"; VKSNDTC cần "tập hợp thành các dạng vi phạm phổ biến, xây dựng thành chuyên đề rút kinh nghiệm chung trong phạm vi địa phương hoặc khu vực, cần coi đây là chỉ tiêu đánh giá chất lượng hoạt động của VKSNDTC".

Xem xét trách nhiệm của Lãnh đạo VKSND cấp tỉnh khi để "xảy ra nhiều lần án Tòa tuyên không phạm tội, hoặc nhiều án hủy, Tòa án trả hồ sơ nhiều lần". Đề cao trách nhiệm cá nhân đối với "các vụ việc oan, sai, xử lý nghiêm minh đối với người mắc sai phạm, nhất là đối với trường hợp xảy ra oan, sai nghiêm trọng"; đơn vị xảy ra oan sai thì "Thủ trưởng đơn vị phải báo cáo và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng VKSNDTC". Trường hợp "xác định việc Tòa án tuyên không phạm tội là có căn cứ thì phải yêu cầu kiểm điểm và xử lý ngay, việc kiểm điểm không chỉ đối với kiểm sát viên thụ lý giải quyết vụ án mà cả Lãnh đạo đơn vị đã duyệt hoặc chỉ đạo vụ án, không chỉ VKSND cấp huyện mà cả VKSND cấp tỉnh nếu hướng dẫn chỉ đạo sai, không xét thi đua đối với đơn vị xảy ra oan sai".

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thực hiện nghiêm túc "việc kiểm điểm và xử lý trách nhiệm đối với cán bộ, kiểm sát viên để xảy ra vi phạm, phải công bằng trong kiểm điểm và quy trách nhiệm, tránh tình trạng khi xảy ra vi phạm thì kiểm sát viên chịu trách nhiệm nặng hơn Lãnh đạo hoặc Viện kiểm sát cấp dưới kiểm điểm, Viện kiểm sát cấp trên hướng dẫn nghiệp vụ nhưng không kiểm điểm trách nhiệm".

Kết luận Chương 4

Dự báo tình hình tội phạm trong những năm tới tiếp tục có xu hướng diễn biến phức tạp, gia tăng về mức độ nghiêm trọng, tinh vi trong thực hiện hành vi phạm tội ở hầu hết các lĩnh vực của đời sống KT-XH, nhất là sự phức tạp, tinh vi trong hoạt động của các thế lực thù địch, các tổ chức phản cách mạng, các băng nhóm tội phạm; sự gia tăng về bạo lực, sự câu kết chặt chẽ, có tổ chức trong thực hiện tội phạm v.v... Điều đó đặt ra yêu cầu trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, kiểm sát viên phải luôn tăng cường ngày một nhiều hơn cả về trách nhiệm, bản lĩnh cũng như kỹ năng, trình độ nghiệp vụ thì mới có thể đấu tranh hiệu quả với tội phạm, hạn chế tình trạng oan sai, bỏ lọt tội phạm.

Nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại trong thực tiễn thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKSND, đáp ứng yêu cầu mới của pháp luật, thực hiện hiệu quả trách nhiệm của VKSND trong phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm, cần tập trung thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau: (1) tiếp tục hoàn thiện pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự; (2) VKSND cấp tỉnh quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả quy định của BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Nghị quyết số 41/2017/QH14 về các nội dung liên quan đến thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và các quy chế, quy định nghiệp vụ của VKSNDTC trong lĩnh vực hình sự; tiếp tục quán triệt và tăng cường thực hiện các biện pháp thiết thực, hiệu quả để phòng chống oan, sai và bồi thường thiệt hại cho những người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự theo đúng tinh thần Nghị quyết số 96/2015/QH13 ngày 26/6/2015 đã được cụ thể hóa tại Chỉ thị số 04/CT-VKSTC ngày 10/7/2015 của Viện trưởng VKSNDTC và Nghị quyết số 111/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; (3) Đề cao vai trò chủ động và tăng cường trách nhiệm của Lãnh đạo VKSND cấp tỉnh, thủ

trường các đơn vị thuộc VKSNDTC trong quản lý, chỉ đạo, điều hành; tăng cường vai trò, trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo VKSND cấp tỉnh, Lãnh đạo các đơn vị trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết các vụ án, vụ việc về hình sự; thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND theo quy định của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); tăng cường công tác kiểm tra nghiệp vụ, nâng cao trách nhiệm, chất lượng trong thỉnh thị và trả lời thỉnh thị; tăng cường tổng kết thực tiễn, thông báo rút kinh nghiệm, kiểm điểm, xử lý trách nhiệm cá nhân để xảy ra vi phạm; (4) Chú trọng công tác đánh giá, bố trí, sử dụng kiểm sát viên và công chức VKSND nhằm lựa chọn được những cán bộ, kiểm sát viên có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; nâng cao trách nhiệm, bản lĩnh của kiểm sát viên; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kỹ năng nghiệp vụ của công chức, kiểm sát viên; (5) Tăng cường mối quan hệ phối hợp trong ngành kiểm sát nhân dân và liên ngành với ngành TAND và ngành Công an nhân dân nói chung và Cơ quan cảnh sát điều tra, An ninh điều tra, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, các cơ quan, đơn vị có liên quan với nhau trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự; (6) Tăng cường các điều kiện bảo đảm về cơ sở vật chất; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKSND cấp tỉnh nói riêng để nâng cao năng lực phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm phòng, chống oan, sai.

KẾT LUẬN

1. Áp dụng pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND là một trong những nhiệm vụ quan trọng của VKSND, đây cũng là yêu cầu rất quan trọng trong quá trình cải cách tư pháp vì một nền tư pháp liên chính. Để thực hiện hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự, VKSND thực hành quyền công tố và kiểm sát tư pháp trong các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự: giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; khởi tố, điều tra vụ án hình sự; truy tố; xét xử vụ án hình sự. Trong mỗi giai đoạn này, ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND được thực hiện thông qua các hoạt động: xác định bản chất của vụ án hình sự, lựa chọn quy phạm phù hợp và phân tích làm rõ nội dung, ý nghĩa của quy phạm pháp luật đối với vụ án hình sự và ban hành quyết định và tổ chức thực hiện quyết định ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND. Các hoạt động này cần phải đảm bảo tính hợp pháp, tính chính xác, khách quan và đảm bảo tính khả thi.

2. Trong giai đoạn 2015-2020, hoạt động ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của VKSND cấp tỉnh đạt được những kết quả nổi bật, như: VKSND cấp tỉnh đã thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố ngày càng được thực hiện chặt chẽ, chủ động, tăng cường gắn kết với hoạt động điều tra; công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn, góp phần bảo đảm hoạt động điều tra tuân thủ đúng pháp luật, đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án hình sự; chất lượng công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố tiếp tục đạt kết quả tốt; trách nhiệm công tố của kiểm sát viên tại các phiên tòa được tăng cường, quan điểm giải quyết vụ án bảo đảm khách quan, toàn diện, có căn cứ pháp

luật; chất lượng tranh tụng của kiểm sát viên từng bước được nâng lên; đã ban hành nhiều kháng nghị, đảm bảo chất lượng, chú trọng phát hiện và kiên quyết kháng nghị phúc thẩm đối với những bản án có vi phạm pháp luật; đồng thời, nâng cao chất lượng tranh tụng của kiểm sát viên tại các phiên tòa hình sự, bảo đảm hạn chế đến mức thấp nhất việc bỏ lọt tội phạm, đặc biệt là khắc phục việc xảy ra oan, sai.

3. Trong giai đoạn này, một số đơn vị nghiệp vụ của VKSND cấp tỉnh chưa kiểm sát chặt chẽ, kịp thời việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm dẫn đến bỏ lọt tội phạm; việc phối hợp giải quyết những tố giác, tin báo quá hạn chưa triệt để; công tác phát hiện vi phạm và kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm trong giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố còn chưa kịp thời; VKSND ở một số tỉnh, thành chưa đề cao trách nhiệm công tố trong giai đoạn điều tra, vẫn còn xảy ra trường hợp truy tố thiếu chính xác, thiếu căn cứ, phải rút quyết định truy tố, đình chỉ vụ án, bị can do hành vi không cấu thành tội phạm hoặc bị Tòa án trả hồ sơ vì thiếu chứng cứ, vi phạm tố tụng hình sự; một số quyết định truy tố có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, bị Tòa án yêu cầu khởi tố tội phạm mới, bị can mới và khởi tố bổ sung tội danh mới.

4. Những hạn chế trên xuất phát từ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử vụ án hình sự còn hạn chế; năng lực, trình độ, ý thức trách nhiệm của một bộ phận kiểm sát viên còn hạn chế; công tác phối hợp trong ngành và phối hợp liên ngành tại một số đơn vị còn hạn chế. Thực tiễn nghiên cứu hồ sơ kiểm sát các vụ án Tòa tuyên không phạm tội và án bị hủy để điều tra, xét xử lại cho thấy nhiều vụ có nguyên nhân xuất phát từ công tác phối hợp trong và ngoài ngành; công tác thỉnh thị, hướng dẫn nghiệp vụ, tổng kết thực tiễn, kiểm điểm, xử lý trách nhiệm chưa được thực hiện đúng yêu cầu đề ra.

5. Nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại trong thực tiễn trên, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng ADPL về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm của VKSND cấp tỉnh trong giải quyết các vụ án hình sự cần tập trung thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau: (1) tiếp tục hoàn thiện pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự; (2) VKSND cấp tỉnh quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả quy định pháp luật hiện hành về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm; (3) Đề cao vai trò chủ động và tăng cường trách nhiệm của Lãnh đạo VKSND cấp tỉnh, thủ trưởng các đơn vị thuộc VKSNDTC trong quản lý, chỉ đạo, điều hành; tăng cường vai trò, trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo VKSND cấp tỉnh, Lãnh đạo các đơn vị trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết các vụ án, vụ việc về hình sự; thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND theo quy định của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); tăng cường công tác kiểm tra nghiệp vụ, nâng cao trách nhiệm, chất lượng trong thỉnh thị và trả lời thỉnh thị; tăng cường tổng kết thực tiễn, thông báo rút kinh nghiệm, kiểm điểm, xử lý trách nhiệm cá nhân để xảy ra vi phạm; (4) Chú trọng công tác đánh giá, bố trí, sử dụng kiểm sát viên và công chức VKSND nhằm lựa chọn được những cán bộ, kiểm sát viên có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; nâng cao trách nhiệm, bản lĩnh của kiểm sát viên; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kỹ năng nghiệp vụ của công chức, kiểm sát viên; (5) Tăng cường mối quan hệ phối hợp trong ngành kiểm sát nhân dân và liên ngành với ngành TAND, ngành Công an nhân dân và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan với nhau trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự; (6) Tăng cường các điều kiện bảo đảm về cơ sở vật chất; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKSND nói chung và VKSND cấp tỉnh nói riêng để nâng cao năng lực phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm phòng, chống oan, sai.

**CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Lê Văn Đông (2021), "The role of the People's Procuracy in building the socialist law-ruled State in Vietnam", *Political Theory*, (Vol 29).
2. Lê Văn Đông (2021), *Nâng cao chất lượng tranh tụng của Viện Kiểm sát nhân dân trong quá trình cải cách tư pháp ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế, Nxb Khoa học xã hội, tr.469.
3. Lê Văn Đông (2022), "Phát huy vai trò của Viện Kiểm sát nhân dân trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam", *Tạp chí Kiểm sát*, (17), tr.3-tr.8.
4. Lê Văn Đông (2023), "Chức năng kiểm sát xét xử của Viện kiểm sát nhân dân - Những vấn đề lý luận và thực tiễn", "Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp theo Bộ luật hình sự năm 2015 - Những khía cạnh pháp lý hình sự và tội phạm học" trong Kỷ yếu hội thảo *Việt Nam chủ động hội nhập và phát triển bền vững*.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Việt

1. Gia Bách, *Chàng trai trắng án hiếp dâm*, tại trang <https://thanhnien.vn/chang-trai-trang-an-hiep-dam-post465405.html>, [truy cập ngày 10/11/2022]
2. Ban chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 27 - NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, từ trang <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngghi-quyet-so-27-nqtw-ngay-09112022-hoi-ngghi-lan-thu-sau-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-ve-tiep-tuc-xay-dung-va-9016>, [truy cập ngày 20/12/2022]
3. Mai Đắc Biên và Phan Thị Thu Lê (2019), "Giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 1.
4. Mai Đắc Biên (2020), "Kỹ năng tranh tụng tại phiên toà xét xử sơ thẩm các vụ mua bán người", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 2.
5. Nguyễn Ngọc Chí, Đào Thị Hà, *Oan và sai trong tố tụng hình sự*, từ trang <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208938>, [truy cập ngày 20/8/2022]
6. Nội Chính, *Y án chung thân người từng được tuyên vô tội*, tại trang <https://baobinhphuoc.com.vn/news/15/32865/y-an-chung-than-nguoi-tung-duoc-tuyen-vo-toi>, [truy cập ngày 14/10/2022]
7. Lê Duẩn (1970), *Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
8. Nguyễn Đăng Dung và các cộng sự (2014), *Viện kiểm sát nhân dân trong Nhà nước pháp quyền*, NXB Tư pháp.
9. Nguyễn Quang Dũng (2017), "Giải pháp chống lọt tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra", *Tạp chí kiểm sát*.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Nguyễn Minh Đoan (2019), *Thực hiện và áp dụng pháp luật ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
13. Lê Văn Đông (2018), "Một số khó khăn, vướng mắc áp dụng pháp luật trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát giải quyết án kinh tế, chức vụ", *Tạp chí Kiểm sát*, số 4.
14. Bùi Ai Giôn (2018), "Hoàn thiện chế định người làm chứng trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015", *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 24.
15. Nguyễn Đình Hải, '*Oan sai*' trong tố tụng hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn, từ trang <https://lsvn.vn/doan-luat-su-tinh-dong-nai-tiep-tuc-to-chuc-lop-boi-duong-chuyen-mon-nghiep-vu-luat-su-nam-2020.html>, [truy cập ngày 01/12/2020]
16. Trần Đình Hải (2014), "Tội "không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội" và phương hướng hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự đáp ứng yêu cầu phòng, chống bỏ lọt tội phạm", *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 6/2014.
17. Nguyễn Minh Hải và Phạm Ngọc Cao (2018), "Cần nhận thức thống nhất dấu hiệu pháp lý của đồng phạm trong thực tiễn áp dụng pháp luật", *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 9.
18. Vũ Đức Hạnh (2019), "Một số hạn chế, vướng mắc của chế định thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự hiện hành và kiến nghị hoàn thiện pháp luật", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 5.
19. Hiến pháp Trung Quốc năm 1982 (sửa đổi, bổ sung năm 1988, 1999, 2004, 2018) trong sách Văn phòng Quốc hội (2009), *Tuyển tập Hén pháp một số nước trên thế giới*, NXB Thống kê, Hà Nội.

20. Nguyễn Thị Hồi (2009), *Áp dụng pháp luật ở Việt Nam hiện nay: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Tư pháp.
21. Phạm Mạnh Hùng (2021), "Hoàn thiện một số quy định về tranh tụng tại phiên toà trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 1.
22. Nguyễn Bá Hưng (2022), "Thực trạng quy định pháp luật về hoạt động thu thập chứng cứ của luật sư và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật trong tố tụng hình sự", *Tạp chí Nghề luật*, số 2.
23. Nguyễn Thị Liên Hương (2020), "Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 4.
24. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, t.45, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Trần Thị Liên (2019), "Chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự", *Tạp chí Luật học*, số 2.
26. Đàm Cảnh Long, *Hoạt động áp dụng pháp luật nội dung trong giải quyết các khiếu kiện hành chính ở Việt Nam. Thực trạng và giải pháp*, tại trang <http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/120/354>, [truy cập 04/9/2019]
27. Hoàng Trọng Lực (2020), "Những vấn đề đặt ra đối với nhiệm vụ giám định âm thanh, hình ảnh theo chức năng của VKSND tối cao", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 4.
28. Đỗ Đình Lương, Hà Tú Cầu (2001), "Bàn về khái niệm oan sai và căn cứ pháp lý xác định oan sai trong tố tụng hình sự", *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 7.
29. Đỗ Khánh Ly (2019), "Quyền bào chữa của người bị bắt, người bị tạm giữ theo Bộ luật Tố tụng hình sự 2015", *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 7.
30. Hoàng Nghĩa Mai (2008), "Nâng cao trách nhiệm của Viện kiểm sát và kiểm sát viên trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội", *Tạp chí Kiểm sát*.

31. Trần Văn Nam (2017), *Viện kiểm sát nhân dân: quá trình hình thành, phát triển và đổi mới theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam*, NXB Trẻ.
32. Lê Thị Thúy Nga (2008), "Vấn đề oan sai trong tố tụng hình sự", *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*.
33. *Những vấn đề lý luận về thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật ở Việt Nam hiện nay*, NXB Hồng Đức, 2018.
34. Trần Vang Phủ (2018), "Vấn đề lựa chọn và áp dụng pháp luật tại Việt Nam - bất cập và kiến nghị", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 5.
35. Nguyễn Đình Quang (2018), "Một số bài học kinh nghiệm về tăng cường trách nhiệm công tố, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm", *Tạp chí Kiểm sát*, số 2.
36. Phạm Hồng Quân (2012), "Chức năng và nhiệm vụ của VKSND trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự", *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học*, số 28.
37. Phạm Hữu Quốc (2018), "Bảo đảm quyền thu thập chứng cứ của luật sư - giải pháp quan trọng trong phòng, chống oan sai trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử", *Tạp chí Công Thương*, số 11.
38. Quốc hội (2021), *Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003*, NXB Chính trị quốc gia.
39. Quốc hội (2014), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
40. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
41. Quốc hội (2021), *Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
42. Nguyễn Thị Hạnh Quyên và Hoàng Thịnh (2019), "Một số giải pháp về phòng ngừa oan, sai, bỏ lọt tội phạm trong hoạt động tố tụng hình sự nhằm bảo đảm quyền con người, quyền công dân ở nước ta hiện nay", *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 5.

43. Hồ Sỹ Sơn (2021), "Thực hiện pháp luật hình sự và hoạt động áp dụng pháp luật hình sự: những vấn đề lý luận", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 2.
44. Phạm Hồng Thái và Đinh Văn Mậu (2009), "*Lý luận nhà nước và pháp luật*", NXB Giao thông Vận.
45. Nguyễn Việt Thanh và các cộng sự (2020), *Áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long*, NXB Lý luận Chính trị.
46. Lê Văn Thành (2021), *Áp dụng pháp luật trong quản lý nhà nước về đất đai của Ủy ban nhân dân ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*, Luận án Tiến sĩ.
47. Bùi Trung Thành (201), "Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác khám nghiệm hiện trường trong vụ án trộm cắp tài sản và bài học kinh nghiệm", *Tạp chí Nghề luật*, số 8.
48. Dương Văn Thắng (2017), *Áp dụng pháp luật trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Tòa án quân sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ.
49. Nguyễn Đăng Thắng và Phạm Đức (2019), "*Giải pháp nâng cao chất lượng công tác kháng nghị án hình sự của Viện kiểm sát*", *Tạp chí Kiểm sát*, số 3.
50. Trần Đức Thuận (2015), "Một số giải pháp chống bỏ lọt tội phạm", *Tạp chí Kiểm sát*, số 10.
51. Trần Hữu Tráng (2018), "Xu hướng nhân đạo và hướng thiện trong áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 6.
52. Lê Minh Trí (2019), "Nâng cao hiệu quả kiểm sát hoạt động tư pháp ở nước ta hiện nay", *Tạp chí Cộng sản*, số 3.
53. Tăng Ngọc Tuấn, *Kết quả kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ của VKSND và phương hướng, giải pháp hoàn thiện trong thời gian tới* từ trang <https://kiemsat.vn/ket-qua-kien-toan-to-chuc-bo-may-can-bo-cua-vksnd-va-phuong-huong-giai-phap-hoan-thien-trong-thoi-gian-toi-63961.html>, [truy cập ngày 11/10/2022]

54. Đỗ Xuân Tụ (2016), "Phòng, chống oan sai trong tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác", *Tạp chí Kiểm sát*.
55. Văn phòng Quốc hội (2009), *Tuyển tập Hiến pháp một số nước trên thế giới*, NXB Thống kê, Hà Nội,
56. Viện kiểm sát Nhân dân tối cao (2000), *Sổ tay Kiểm sát viên hình sự Trung Quốc*, Hà Nội, tập 1
57. Viện kiểm sát Nhân dân tối cao (2010), *Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm đối với các vụ án về phá huỷ công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
58. Viện kiểm sát Nhân dân tối cao (2011), *Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự về trật tự xã hội theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
59. Viện kiểm sát Nhân dân tối cao (2012), *Nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm đối với án kinh tế - chức vụ*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
60. Viện kiểm sát Nhân dân tối cao (2012), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
61. Viện kiểm sát Nhân dân tối cao (2014), *Những giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra đối với các vụ án hình sự trong lĩnh vực ngân hàng*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
62. Viện kiểm sát Nhân dân tối cao, *Chỉ thị 04/CT-VKSTC về tăng cường các biện pháp phòng chống oan, sai và nâng cao trách nhiệm trong giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động TỔ TỤNG HÌNH SỰ*, từ trang <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thu-tuc-To-tung/Chi-thi-04-CT-VKSTC-2015-phong-chong-oan-sai-trach-nhiem-giai-quyet-boi-thuong-thiet-hai-365335.aspx>, [truy cập ngày 20/10/2022]

63. Viện kiểm sát Nhân dân tối cao (2021), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát giai đoạn 2015-2020*, Hà Nội.
64. Viện kiểm sát Nhân dân tối cao (2021), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2021*, Hà Nội.
65. Viện kiểm sát Nhân dân tối cao (2022), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2022*, Hà Nội.
66. Viện kiểm sát Nhân dân tối cao (2021), *Đề án "Nâng cấp, bảo trì, sửa chữa hệ thống trụ sở làm việc của các đơn vị trong ngành Kiểm sát nhân dân giai đoạn 2021-2025"*, Hà Nội.
67. Viện Ngôn ngữ học (2005), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.
68. Trịnh Tiến Việt (2012), "Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về oan, sai và các giải pháp phòng, chống nhìn từ góc độ cải cách tư pháp", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 4.
69. Phạm Xuân Việt (2021), "Đảm bảo thực hiện quyền không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội đối với hoạt động lấy lời khai, hỏi cung bị can trong điều tra vụ án hình sự", *Tạp chí Nghề luật*, số 7.
70. Lại Hợp Việt (2014), "Trách nhiệm của lãnh đạo Viện kiểm sát đối với việc chống oan sai và bỏ lọt tội phạm", *Tạp chí Kiểm sát*, số 10.
71. Võ Khánh Vinh (2020), "Áp dụng pháp luật hình sự: những vấn đề lý luận (kỳ 1)", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 3.
72. Võ Khánh Vinh (2020), "Áp dụng pháp luật hình sự: những vấn đề lý luận (kỳ 2)", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 4.
73. Võ Khánh Vinh (2022), *Áp dụng pháp luật hình sự: Lý luận và thực tiễn*, NXB Tư pháp.
74. Đào Trí Úc và cộng sự (2003), *Hệ thống tư pháp và cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay*, NXB Khoa học xã hội.
75. Đào Trí Úc (2005), "Cải cách tư pháp hình sự và vấn đề phòng, chống oan, sai", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 204.

76. UNDP (2011), *Nghiên cứu tổ chức và hoạt động hệ thống tư pháp ở năm nước chọn lọc*, NXB Tư pháp.
77. Nguyễn Như Ý (1998), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
78. Lương Hải Yến (2020), "Hoạt động đánh giá chứng cứ trong vụ án mua bán người", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 2.

II. Tiếng Anh

79. Andrzej Korybski (2015), "Application of Law as an Object of Study: Key Concepts, Issues and Research Approaches", *Studia Iuridica Lublinensia*, Vol. XXIV.
80. Catherine L. Bonventre (2020), "Wrongful convictions and forensic science", *WIREs Forensic Science*.
81. Chi, Le Lan (2022), "Understanding Causes for Wrongful Convictions in Vietnam: a View from the Top and the Bottom of the Iceberg", *Asian Journal of Criminology*.
82. Chi, Le Lan (2023), "Wrongful convictions in Asian countries: A systematic literature review", *International Journal of Comparative and Applied Criminal Justice*.
83. Dang Viet Dat (2021), "Combating torture in Vietnam: from injustice cases of Nguyen Thanh Chan and Han Duc Long" in Asian Law Centre, Melbourne Law School, The University of Melbourne School of Law, Vietnam National University, Hanoi, Anti-Death Penalty Asia Network (ADPAN), *Combating torture in Asia: Law and Practice (International Conference Proceedings)*, Social Science Publishing House, Hanoi, Vietnam.
84. Dawn Anderson và Barrie Anderson (2009), *Manufacturing Guilt: Wrongful Convictions in Canada*, Fernwood Books Ltd.
85. Erik Luna và Marianne Wade (2012), *The Prosecutor in Transnational Perspective*, Oxford University Press, USA.
86. Hélène Katz do Dundurn (2011), *Justice Miscarried: Inside Wrongful Convictions in Canada*, Dundurn.

87. Jens David Ohlin (2016), "*Criminal Law: Doctrine, Application, and Practice*", Aspen Publishers.
88. Jerzy Wróblewski (Chủ biên) (1992), *The Judicial Application of Law*, Springer.
89. John L. Worrall và M. Elaine Nugent-borakove (2008), *The Changing Role of the American Prosecutor*, State University of New York Press.
90. Jon Gould (2008), *The Innocence Commission: Preventing Wrongful Convictions and Restoring the Criminal Justice System*, New York University Press.
91. John Morgan (Ed) (2023), *Wrongful Convictions and Forensic Science Errors: Case Studies and Root Causes*, CRC Press.
92. Kam C. Wong (1998), "A Reflection On Police Abuse of Power in the People's Republic of China", *Police Quarterly*.
93. Kam C. Wong (2005), "The Police Legitimacy Crisis and Police Law Reform in China", *International Journal of Police Science & Management*.
94. Karolina Kremens (2021), *Powers of the Prosecutor in Criminal Investigation: A Comparative Perspective*, Routledge.
95. Marko Milanovic (2011), *Extraterritorial Application of Human Rights Treaties: Law, Principles, and Policy*, Oxford University Press.
96. Mark Godsey (2017), *Blind injustice: a former prosecutor exposes the psychology and politics of wrongful convictions*, University of California Press.
97. Medwed, Daniel S (2017), *Wrongful convictions and the DNA revolution: twenty-five years of freeing the innocent*, Cambridge University Press.
98. Michael L. Perlin và các cộng sự (2008), *Competence in the Law from Legal Theory to Clinical Application*, John Wiley & Sons, Inc.

99. Na Jiang (2016), *Wrongful Convictions in China: Comparative and Empirical Perspectives*, Springer.
100. Nihal Jayawickrama (2017), *The Judicial Application of Human rights law: National, Regional and International Jurisprudence*, Cambridge University Press.
101. Sinis̃a Rodin (Chủ biên) (2015), *Judicial Application of International Law in Southeast Europe*, Springer.
102. Paolo Sandro (2021), *The Making of Constitutional Democracy: From Creation to Application of Law*, Hart Publishing.
103. Preet Bharara (2019), *Doing Justice: A Prosecutor's Thoughts on Crime, Punishment, and the Rule of Law*, Knopf Doubleday Publishing Group.
104. Victoria Colvin và Philip Stenning (Ed) (2018), *The Evolving Role of the Public Prosecutor: Challenges and Innovations*, Routledge.
105. Wojciech Jasinski và Karolina Kremens (2023), *Compensation for Wrongful Convictions: A Comparative Perspective*, Routledge Publisher.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

Chàng trai trắng án hiếp dâm

Ngày 25.4, ông Trần Trọng Hữu, Phó chánh án TAND tỉnh Cà Mau, cho biết vừa ký bản án phúc thẩm vụ Phan Văn Minh (32 tuổi, ngụ thị trấn Rạch Gốc, H.Ngọc Hiển, Cà Mau) bị truy tố tội hiếp dâm nhưng tòa tuyên không phạm tội. Tòa phúc thẩm tuyên Minh không phạm tội y án sơ thẩm.

"Thủ phạm" bỏ đi, nạn nhân ra đóng cửa rồi... vào giường xỉu

Theo cáo trạng, khoảng 21 giờ ngày 22.1.2014, sau khi đi đám về, chị N.T.T.P (38 tuổi, ngụ thị trấn Rạch Gốc) mở cửa phòng ở (khu tập thể UBND H.Ngọc Hiển) thì bị Minh dùng tay bịt miệng, đẩy vào phòng để thực hiện hành vi hiếp dâm. Trong lúc Minh cởi đồ chị P. thì ĐTDD trong túi quần nạn nhân reo và văng ra sàn nhà. Chị P. ngồi bật dậy đẩy Minh ra, lấy điện thoại, thấy điện thoại của chồng (đang đi công tác) gọi về nên chị bật nghe và kêu cứu. Lúc này, Minh bỏ chạy ra ngoài dẫn xe máy về nhà. Chị P. ra đóng cửa rồi quay vào giường... xỉu. Đến 3 giờ 20 ngày 23.1.2014, chị P. tỉnh dậy gọi điện cho anh trai báo vụ việc và đến rạng sáng thì báo chính quyền địa phương đến lập biên bản mình bị hiếp dâm. Tại hiện trường, Minh để lại áo khoác, 1 gói thuốc lá và ĐTDD cùng 3 chìa khóa gắn vào móc khóa.

Tại phiên xử phúc thẩm, HĐXX xác định việc Minh vào phòng chị P. là có. Mặt khác, giữa hai người quen biết trước và nhiều lần uống rượu cùng nhau. Hơn nữa, nơi chị P. ở là khu tập thể, liên kết nhiều phòng, chỉ cách vách ngăn, mọi tiếng động bên này bên kia đều nghe. Trong điều kiện như thế, nếu có sự chống cự như lời chị P. khai thì xung quanh nghe hết. Trong khi lúc đó, tay không bị khống chế, miệng không bị bịt lại, chị P. có đủ điều kiện kháng cự.

Chỉ nghe tiếng "xù xì nói chuyện"

Theo lời khai của chị P., khi chống cự xô Minh ra, la lên và giằng co với Minh, mũ bảo hiểm của chị rớt ra giường. Nhưng thực nghiệm điều tra lần đầu thì

mũ bảo hiểm không rút ra, lần thực nghiệm bổ sung mũ bị rút và cơ quan điều tra lấy đó buộc tội Minh.

Theo HĐXX, căn cứ buộc tội không phù hợp hiện trường, những lần thực nghiệm chỉ dựa vào lời khai của bị hại. Đặc biệt, HĐXX nhận định chị P. lúc đầu cho rằng mình không biết ai bịt miệng mình, đẩy đi. Trong trường hợp bất ngờ bị người lạ bịt miệng, xô đẩy như thế nhất thiết phải phản ứng lại. Thế nhưng, khi Minh thực hiện hành động cởi quần, áo, chị P. cũng không phản ứng gì.

Những người ở cạnh phòng của chị P. khẳng định, khoảng 21 giờ ngày 22.1.2014, ở phòng chị P. có tiếng rơi đồ vật và họ chỉ nghe tiếng sột soạt, xù xì nói chuyện không nghe rõ nội dung, cũng không nghe tiếng động bất thường. Điều này cho thấy chị P. và Minh có nói chuyện với nhau, nên việc chị P. cho rằng Minh xô đẩy, khống chế để thực hiện hành vi hiếp dâm là thiếu cơ sở.

HĐXX kết luận căn cứ buộc tội Minh của Viện KSND thể hiện tính suy đoán, không chứng cứ chứng minh xác thực; không phù hợp hiện trường và điều kiện hoàn cảnh không gian, thời gian xảy ra sự việc. Nếu xét về nguyên tắc suy đoán, thì pháp luật chỉ thừa nhận nguyên tắc suy đoán vô tội. Mặt khác, hồ sơ cho thấy có đầy đủ cơ sở kết luận Minh không phạm tội hiếp dâm... nên HĐXX không chấp nhận kháng nghị của Viện KSND H.Ngọc Hiến và kháng cáo của bị hại.

Nguồn: NCS tổng hợp từ Báo Tuổi trẻ (2022) [1].

Phụ lục 2**Hộp 1: Vụ án Nguyễn Văn Đồng****Y án chung thân người từng được tuyên vô tội**

Theo hồ sơ vụ án, khoảng 10 giờ ngày 28-1-2013, ông Nguyễn Văn Đồng (68 tuổi), trú thôn 8, xã Đức Liễu đi xe máy đến nhà ông Trần A Ứng (trú cùng thôn) chơi. Tại đây, 2 người ngồi uống rượu rồi đánh bài ăn tiền. Đến hơn 14 giờ cùng ngày, do con khóc nên ông Ứng (đã thắng bài được 36.000 đồng) dừng chơi thì ông Đồng không đồng ý dẫn đến xô xát... Ông Đồng cầm gạch, cây đánh ông Ứng làm rách da đầu dẫn đến chảy máu. Ông Ứng bỏ chạy thì ông Đồng đuổi đánh tiếp rồi đẩy nạn nhân xuống giếng. Thấy vậy, 2 đứa con nhỏ của ông Ứng chạy ra đường đứng khóc, chờ mẹ là bà Hà Nàm Cú, còn ông Đồng lên xe máy rời khỏi hiện trường. Khi bà Hà Nàm Cú về thì được 2 con kể lại chuyện cha bị đẩy xuống giếng chết nên cả 3 mẹ con ngồi khóc.

Nhận tin, Công an xã Đức Liễu đến hiện trường và báo cáo nhanh vụ việc với Công an huyện Bù Đăng. Sau đó, ông Đồng bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ra quyết định truy tố trước Tòa án nhân dân tỉnh để xét xử về tội "Giết người". Sau nhiều lần tòa sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung, cuối tháng 8-2015, tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, hội đồng xét xử cho rằng chưa đủ căn cứ để kết tội ông Đồng phạm tội giết người nên ra quyết định tuyên bị cáo vô tội. Nhận thấy cấp sơ thẩm có nhiều thiếu sót trong việc xét xử tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đã kháng nghị xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng có tội. Đồng thời, đại diện hợp pháp của bị hại cũng kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án. Tháng 2-2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại từ đầu.

Đến tháng 3-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tổ chức xét xử sơ thẩm lần 2 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đồng. Tại phiên tòa, ông Đồng tiếp tục kêu oan. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các chứng cứ và diễn biến tại phiên xử, hội đồng xét xử đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn Đồng mức án chung thân về tội "Giết người". Ông Đồng tiếp tục kháng cáo kêu oan. Ngày 12-11-2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại

thành phố Hồ Chí Minh công khai mở phiên tòa hình sự phúc thẩm theo đơn kháng cáo. Tại phiên tòa, bị cáo Đồng vẫn không thừa nhận hành vi phạm tội và liên tục kêu oan. Tuy nhiên, hội đồng xét xử đã bác đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đồng và tuyên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm với mức án tù chung thân về tội "Giết người".

Nguồn: NCS tổng hợp từ Báo điện tử Bình Phước (2022) [6].

Phụ lục 3

**MỘT SỐ VĂN BẢN QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG, CHỐNG OAN, SAI, BỎ
LỘT TỘI PHẠM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ**

STT	Tên loại
1	Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP ngày 13/12/2017 quy định những trường hợp cần thiết phải trung cầu giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế
2	Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017 quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung
3	Thông tư liên tịch số 01/2018/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP-BTP-BTC-BNN&PTNT ngày 05/4/2018 quy định phối hợp trong báo cáo, thông báo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp
4	Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 05/9/2018 quy định việc phối hợp thi hành một số quy định của BLTTHS về khiếu nại, tố cáo
5	Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-VKSTC-BCA-BQP-TTCP ngày 18/10/2018 quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Cơ quan Thanh tra trong việc trao đổi thông tin về tội phạm và giải quyết kiến nghị khởi tố được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra (<i>thay thế Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-VKSTC-TTCP-BCA-BQP ngày 22/3/2012</i>)
6	Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (<i>thay thế TTLT số 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005</i>)
7	Thông tư liên tịch số 05/2018/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 12/11/2018 quy định phối hợp giữa các cơ quan trong thực hiện thống kê hình sự (<i>thay thế Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 01/7/2005</i>)

8	Thông tư liên tịch số 06 /2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH về phối hợp thực hiện một số quy định của BLTTHS về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi (<i>thay thế Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 12/07/2011</i>)
9	Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/02/2018 quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn, địa điểm bị can hoặc người địa diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa
10	Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/02/2018 hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử
11	Thông tư liên tịch số 01/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 23/01/2018 quy định về quan hệ phối hợp giữa cơ sở giam giữ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và Viện kiểm sát có thẩm quyền kiểm sát quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam
12	Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 09/02/2018 quy định phối hợp thực hiện quy định của BLTTHS năm 2015 về tha tù trước thời hạn có điều kiện
13	Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-BCA-BQP-VKSNDTC-TANDTC ngày 07/8/2018 quy định chi tiết trình tự, thủ tục, mức tiền đặt, việc tạm giữ, hoàn trả, tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền đã đặt để bảo đảm
14	Thông tư liên tịch số 05/2018 ngày 25/06/2018 thay thế thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT/BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/6/2006 quy định phối hợp thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội;
15	Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

16	Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29/6/2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng
17	Thông tư liên tịch hướng dẫn về một số hoạt động giám định tư pháp trong TỔ TỤNG HÌNH SỰ
18	Thông tư liên tịch bãi bỏ Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 23/01/2014 hướng dẫn thực hiện trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ;
19	Thông tư liên tịch bãi bỏ Thông tư liên tịch số 22/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTC- BNN&PTNT ngày 22/11/2014 hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng
20	Thông tư liên tịch bãi bỏ Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 06/11/2013 hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án hình sự

Nguồn: NCS tổng hợp từ Cổng thông tin điện tử của VKSND Tối cao (2022)